

**HỒ CHÍ MINH  
VỚI SỰ NGHIỆP NHÂN ĐẠO**



**HỘI CHỮ THẬP ĐỎ VIỆT NAM**

**HỒ CHÍ MINH  
VỚI SỰ NGHIỆP NHÂN ĐẠO**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
HÀ NỘI - 2017**

## **BAN CHỈ ĐẠO**

PGS.TS. NGUYỄN THỊ XUÂN THU - Trưởng ban  
ThS. ĐOÀN VĂN THÁI - Phó Trưởng ban  
Thường trực

ThS. TRẦN THỊ HỒNG AN  
CN. ĐẶNG MINH CHÂU  
BS. ĐÀO THỊ THANH TÂM  
CN. ĐẶNG MINH TIẾN  
PGS.TS. LÊ QUANG VINH

## **BAN BIÊN SOẠN**

ThS. ĐOÀN VĂN THÁI - Trưởng ban  
TS. TRẦN QUỐC HÙNG - Phó Trưởng ban  
Thường trực

TS. NGUYỄN QUỐC DÂN - Phó Trưởng ban  
CN. PHẠM THỊ HÀ CHIÊN  
BS. LÊ GIA TIẾN  
CN. TRẦN THU HẰNG

## **BAN THƯ KÝ**

ThS. VŨ THỊ PHƯƠNG - Trưởng ban  
ThS. NGUYỄN VIỆT CƯỜNG  
ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG ĐIỆP

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng nhân đạo là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, là kim chỉ nam cho mọi suy nghĩ và hành động của Người; được hình thành trên cơ sở thái độ, kế thừa, phát triển các giá trị tinh hoa của chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa nhân văn của dân tộc Việt Nam và nhân loại, được bổ sung và phát triển qua quá trình hoạt động, lãnh đạo cách mạng của Người.

Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh gồm hệ thống những quan điểm toàn diện về sự tôn trọng phẩm giá, các quyền cơ bản của con người; về cuộc sống hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của nhân cách làm người; về việc tạo cho con người có được điều kiện sống, làm việc, sinh hoạt mang bản chất người. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh còn là sự phản ánh sâu sắc những quan điểm của Người về công tác nhân đạo. Người luôn khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của công tác nhân đạo và coi đây là một trong những nhiệm vụ cấp thiết của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là người sáng lập và làm Chủ tịch danh dự đầu tiên của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, ủng hộ và hỗ trợ cho hoạt động của Hội ngày càng phát triển.

Trải qua hơn 70 năm xây dựng và trưởng thành, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam không ngừng lớn mạnh, có nhiều đóng góp to lớn đối với việc thực hiện chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

Nhằm cung cấp cho bạn đọc tư liệu về tư tưởng nhân đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự giúp đỡ, hỗ trợ của Người đối với Hội Chữ

thập đò Việt Nam và công tác nhân đạo, Hội Chữ thập đò Việt Nam phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Hồ Chí Minh với sự nghiệp nhân đạo.***

Cuốn sách trình bày một cách có hệ thống những vấn đề lý luận về nhân đạo, từ thiện, chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa nhân văn và giá trị nhân đạo; những nội dung cơ bản của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh, trong đó nhấn mạnh những giá trị nhân văn, nhân đạo của dân tộc tác động tới việc hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh và những đặc trưng cơ bản của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh. Cuốn sách cũng trình bày sự vận dụng tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh của Hội Chữ thập đò Việt Nam trong công tác nhân đạo, từ thiện, chỉ rõ những vấn đề cần học, nên học và làm theo tư tưởng nhân đạo của Người.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên tập, biên soạn, song nội dung cuốn sách khó tránh khỏi hạn chế, thiếu sót. Rất mong bạn đọc lượng thứ và đóng góp ý kiến để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 7 năm 2017*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

## LỜI TỰA

*Thưa Quý độc giả cùng toàn thể cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh thiếu niên chữ thập đỏ Việt Nam thân mến!*

Trong hệ tư tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng nhân đạo luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, là kim chỉ nam cho mọi suy nghĩ và hành động của Người. Làm bất kỳ việc gì, Người đều nghĩ đến dân. Người luôn đặt hạnh phúc của nhân dân, sự hưng thịnh của dân tộc làm mục tiêu tối thượng.

Những ngày này, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang tiếp tục triển khai sâu rộng đợt học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Hòa trong dòng chảy đó, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tổ chức biên soạn cuốn sách *Hồ Chí Minh với sự nghiệp nhân đạo* nhân dịp tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam lần thứ X. Đây là việc làm ý nghĩa, thiết thực thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TW, ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tôi hoan nghênh và đánh giá cao việc làm này của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, đặc biệt đánh giá cao nội dung cuốn sách với nhiều thông tin, tư liệu, sự kiện có ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn về tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp nhân đạo.

Cuốn sách hệ thống tương đối đầy đủ, sâu sắc về nguồn gốc và tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh và lý giải được tại sao Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác nhân đạo. Trong suốt cuộc đời cách mạng của mình, Người chỉ nhận làm Chủ tịch danh dự duy nhất đối với Hội Hồng thập tự Việt Nam, tiền thân của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

Thông qua cuốn sách *Hồ Chí Minh với sự nghiệp nhân đạo*, tôi mong rằng mỗi độc giả, cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh thiếu niên chữ thập đỏ Việt Nam nghiên cứu, học tập, chiêm nghiệm những giá trị cốt lõi tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh mà cuốn sách mang lại, soi mình vào tấm gương nhân đạo Hồ Chí Minh để sống nhân văn hơn, tình nghĩa hơn, trách nhiệm hơn, cùng nhau phấn đấu xây dựng Tổ quốc Việt Nam thân yêu của chúng ta ngày càng giàu mạnh và đầy lòng nhân ái!

*Chào thân ái!*

**Trương Tấn Sang**

Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị,

Nguyên Chủ tịch nước

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch danh dự Hội Chữ thập đỏ Việt Nam



## LỜI MỞ ĐẦU

Trong bài thơ nổi tiếng *Bác ơi!* được phát hành trong toàn quốc ngày 6-9-1969 ngay sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, nhà thơ Tố Hữu đã viết:

*“Bác sống như trời đất của ta  
Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa  
Tự do cho mỗi đời nô lệ  
Sữa để em thơ, lụa tặng già”.*

Và:

*“Bác ơi, tìm Bác mệnh mệnh thế  
Ôm cả non sông, mọi kiếp người”.*

Chỉ từng ấy câu thơ thôi cũng đủ để mỗi chúng ta cảm nhận được chất nhân văn, nhân đạo Hồ Chí Minh trong dòng chảy vô tận của tình yêu thương con người, yêu thiên nhiên mà nhân loại từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây dày công gầy dựng. Nhân đạo Hồ Chí Minh là tổng hòa cách đối nhân, xử thế, cách ứng xử của Người đối với con người, đối với thiên nhiên và đối với chính mình. Nhân đạo Hồ Chí Minh là biểu hiện mẫu mực của lòng yêu nước, thương dân. Đối với Người, một ngày dân ta cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, không được học hành là một ngày Người sống trong dằn vặt, day dứt, là một

ngày Người tự vấn mình chưa tròn trách nhiệm với dân. Đối với Người, “*Chỉ lo muôn mối như lòng mẹ... Nâng niu tất cả chỉ quên mình*” luôn là lẽ sống, thôi thúc Người hành động - hành động vì hạnh phúc của mọi người. Và đối với Người, nhân đạo bao trùm hết thảy, ai cũng do bố mẹ sinh ra, ai cũng là xương, là thịt; máu của người da trắng, da đen, da vàng đều giống nhau và vì vậy mọi sự hy sinh, mất mát dù là của bất kỳ bên nào trong trận chiến cũng làm Người day dứt khôn nguôi.

Vinh dự, tự hào được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và nhận làm Chủ tịch danh dự đầu tiên, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với sứ mệnh một tổ chức nhân đạo chuyên nghiệp, ngay từ lúc ra đời đã tiếp nối xứng đáng truyền thống nhân ái, nhân đạo, nhân văn cao cả của dân tộc. Và cũng ngay từ đầu, nhân đạo Hồ Chí Minh đã trở thành xuất phát điểm, kim chỉ nam cho mọi hành động vì con người của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Trải qua hơn 70 năm xây dựng và phát triển, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam không ngừng lớn mạnh, đã và đang có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tham gia xóa đói, giảm nghèo, thực hiện chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

Cuốn sách ***Hồ Chí Minh với sự nghiệp nhân đạo*** do Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tổ chức biên soạn, xuất bản vào dịp Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam lần thứ X, thể hiện sự tri ân với người sáng lập; đồng thời là tài liệu để cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh thiếu niên Hội Chữ thập đỏ trên cả nước đẩy mạnh học tập và

làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05/CT-TW, ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị. Cuốn sách sẽ góp phần quan trọng trong việc giáo dục lòng nhân ái, tính hướng thiện làm lan tỏa các giá trị nhân đạo trong các tầng lớp nhân dân; động viên đông đảo cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh thiếu niên chữ thập đỏ Việt Nam thi đua thực hiện công tác nhân đạo - từ thiện, góp phần chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, những người có hoàn cảnh khó khăn, người dễ bị tổn thương trong xã hội, tham gia xây dựng xã hội giàu tình người, giàu tinh thần chia sẻ và lòng nhân ái, đóng góp tích cực cho Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế trên phạm vi toàn cầu.

Cuốn sách *Hồ Chí Minh với sự nghiệp nhân đạo* được Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Thường trực Trung ương Hội chỉ đạo tổ chức thực hiện từ năm 2011 và trên cơ sở kết quả của Hội thảo khoa học “*Học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác nhân đạo*” do Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đồng tổ chức (tháng 8-2016) và các hội nghị, hội thảo do Trung ương Hội tổ chức sau đó. Cuốn sách có sử dụng tư liệu của Trung tâm Lưu trữ quốc gia 3, Bảo tàng Lịch sử, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng Chiến tranh, Thư viện Văn phòng Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (tại Gionevơ, Thụy Sĩ), các tài liệu, bài viết, công trình nghiên cứu khoa học của một số tác giả trong và ngoài nước, trong

và ngoài Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

Cuốn sách đã khái quát về lịch sử công tác nhân đạo, phân tích và làm rõ khái niệm về nhân đạo, từ thiện, chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa nhân văn, giá trị nhân đạo của dân tộc ta và các dân tộc, tôn giáo khác nhau trên thế giới, từ đó làm rõ cội nguồn góp phần hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh. Cuốn sách cũng phân tích và đúc kết những đặc trưng cơ bản của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh trong một số lĩnh vực cụ thể<sup>1</sup>, mối liên hệ hữu cơ giữa tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh với sự ra đời của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, giữa tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh với 7 nguyên tắc cơ bản của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế. Cuốn sách đã dành một phần quan trọng phản ánh những hoạt động nhân đạo ban đầu khi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch danh dự đầu tiên của Hội; những hoạt động đầy ý nghĩa của Hội Hồng thập tự Việt Nam (tiền thân của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam) trong những ngày nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới được thành lập, cũng như trong cuộc chiến tranh giữ nước; những hoạt động dành cho người nghèo, đối tượng dễ bị tổn thương; giới

---

1. Là các hoạt động mà Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đang tập trung triển khai thực hiện, như: công tác phòng chống thiên tai, thảm họa; xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội và chăm sóc thương bệnh binh; chăm sóc sức khỏe nhân dân; đối ngoại nhân đạo nhân dân.

thiệu về Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và những đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong phong trào nhân đạo rộng lớn toàn cầu như một minh chứng cho việc thực hành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh trong thực tiễn cuộc sống.

Cuốn sách được đồng chí Trương Tấn Sang, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Chủ tịch danh dự Hội Chữ thập đỏ Việt Nam định hướng và viết lời tựa; được thực hiện dưới sự chỉ đạo của PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Thu - Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; do Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Đoàn Văn Thái làm Trưởng ban biên soạn và TS. Trần Quốc Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội trực tiếp biên soạn nội dung. Cuốn sách được Hội đồng nghiên cứu, đào tạo, huấn luyện của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật thẩm định và đóng góp ý kiến để bảo đảm nội dung chính xác và khoa học. Ban Biên soạn xin trân trọng cảm ơn GS. Trần Đình Hường (nguyên Phó Chủ tịch, Tổng thư ký Trung ương Hội), TS. Trần Ngọc Tăng; đồng chí Nguyễn Hải Đường (nguyên Chủ tịch Trung ương Hội); các đồng chí Võ Đình Vinh, Đỗ Đình Tân, Nguyễn Đức Thuần (nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội) và nhiều đồng chí, nhà khoa học đã đóng góp ý kiến quý báu để hoàn thiện cuốn sách.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn, song cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận

được ý kiến đóng góp của đông đảo độc giả, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cuốn sách trong những lần xuất bản sau.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Hà Nội, tháng 7 năm 2017*

**BAN BIÊN SOẠN**

## *Chương I*

# NHÂN ĐẠO, TỪ THIỆN - THUỐC ĐO VĂN MINH NHÂN LOẠI VÀ TIẾN BỘ XÃ HỘI

## I- NHÂN ĐẠO - ĐẠO LÀM NGƯỜI

### **1. Đạo làm người trong các giáo lý**

Ngay từ xa xưa trong lịch sử nhân loại, các trường phái triết học cũng như nhiều tôn giáo đều cho rằng, mục đích “tu thân” của con người là làm chủ được thế giới, làm chủ được xã hội, cao hơn nữa là được giải thoát để trở thành những vị Phật, những bậc Thánh nhân.

Trong cuộc sống, mỗi con người đều có vai trò, vị trí xã hội khác nhau, nhưng dù ở vị trí nào, người xuất gia hay thế tục, chúng ta vẫn là thực thể tồn tại trong xã hội, nên trước hết phải biết tu dưỡng, rèn luyện để trở thành những công dân tốt, để đạt được hạnh phúc trong cuộc sống, đó chính là thực hiện “đạo làm người”. “Đạo làm người” chưa thực hiện được thì Phật, Thánh đều xa vời, là hư ảo mà thôi.

Bàn về “đạo làm người”, các trường phái triết học và tôn giáo đều có những quan điểm, tư tưởng khác nhau.

*a) Quan niệm của Phật giáo về đạo làm người<sup>1</sup>*

Phật giáo là một tôn giáo bao gồm một loạt các truyền thống, tín ngưỡng và phương pháp tu tập dựa trên lời dạy của một nhân vật lịch sử là Tất đạt đa Cồ đàm (thường được gọi là Phật, hay Bụt).

Đạo đức làm người của Phật giáo dựa trên nền tảng triết lý Duyên khởi<sup>2</sup>, Vô ngã<sup>3</sup>. Con người phải tự hoàn thiện đạo đức, diệt trừ “tham, sân, si”, xóa bỏ “vô minh”, chặt đứt “cây nghiệp” để vượt qua “biển khổ luân hồi”<sup>4</sup>. Đó là con đường ngắn nhất dẫn đến Niết Bàn<sup>5</sup>. Đạo làm người của Phật giáo là con người nội tâm có tính tự giác cao độ. Là một tôn giáo dựa vào niềm tin “giải thoát con người khỏi nỗi khổ trầm luân”, nhưng Phật giáo lại là một tôn giáo có khuynh hướng vô thần. Phật giáo chủ trương khổ là do

---

1. Nội dung này tham khảo từ bài viết “Đạo đức của Phật giáo với đạo làm người” của PGS.TS. Hoàng Thị Thơ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ([www.chuaxaloi.vn](http://www.chuaxaloi.vn)).

2. Duyên khởi có nghĩa là: Nếu cái này tồn tại thì cái kia hình thành. Cái này phát sinh thì cái kia phát sinh. Cái này không tồn tại thì cái kia không hình thành. Cái này diệt thì cái kia diệt.

3. Vô ngã có thể hiểu là cái gì có sinh thì phải có diệt là vô thường; cái gì vô thường thì là khổ; cái gì khổ mà nó biến đổi theo duyên sinh (không tùy thuộc vào ý muốn của nó) thì là vô ngã.

4. Đặng Thị Lan: “Các ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của đạo đức tôn giáo ở Việt Nam” (<http://www.vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhin-van-hoa>).

5. Niết Bàn có thể được hiểu là: Tình trạng ngọn lửa tham lam, sân hận, ngu si đã bị dập tắt và con người được giác ngộ, giải thoát.



chính con người tạo ra nghiệp và bị quy định vào đó. Do vậy, giải thoát là sự nghiệp của chính mỗi người, bằng việc tích lũy các nghiệp thiện và dứt bỏ hết các nghiệp ác chứ không nhờ vào sự ban cho của bất kỳ đấng thần linh nào. Như vậy ở Phật giáo, mục tiêu thực hiện giải thoát cũng chính là thực hiện tu dưỡng đạo làm người.

Tôn chỉ của Phật giáo Hòa Hảo có “Đạo Nhân” và “Đạo Phật”. “Đạo Nhân” là nấc thang đầu, “Đạo Phật” là nấc thang cuối, trước hết con người phải thực hành “Đạo Nhân” rồi mới đến được “Đạo Phật”, phải là người tốt rồi mới thành Phật, phải đem “Đạo Nhân” xử sự với mọi người và phải biết khắc kỷ: Khắc có nghĩa là trị, kỷ có nghĩa là mình, có nghĩa là “trị mình”. Trước khi đối xử với mọi người thì mình phải trị sửa được ngay chính mình mới có thể sửa người và nói cho người nghe theo<sup>1</sup>.

Phật giáo còn là một trong những tôn giáo sớm đưa tiêu chuẩn làm người gắn liền với phẩm chất biết thân thiện với môi trường. Đức Phật trên quan điểm từ bi và bình đẳng giữa mọi sinh linh đã phản đối việc giết súc vật để làm lễ tế hay ăn thịt và đưa ra quan niệm về giới “bất hại/bất sát” (ahimsa) đối với mọi sinh linh. Phật coi “bất hại/bất sát” là một trong những tiêu chuẩn hoàn thiện của một con người thông thái, một người đã làm chủ được bản thân trên con đường tới Niết Bàn<sup>2</sup>. Theo

---

1. [Http://www.phatgiaohoahao.net/tu-sach-phat-giao-hoa-hao](http://www.phatgiaohoahao.net/tu-sach-phat-giao-hoa-hao).

2. Đức Phật cho rằng: “Tất cả mọi sinh linh đều run sợ trước nguy hiểm và cái chết, yêu quý sự sống của mình. Khi người ta hiểu được điều này thì sẽ không giết hại hoặc gây ra sự chết chóc đối với sinh linh khác”.

nguyên tắc Trung đạo để đối xử với tự nhiên, Phật giáo cho rằng đạo làm người là biết sống dựa vào tự nhiên, nhờ tự nhiên để thỏa mãn các nhu cầu tối thiểu như thức ăn, thức uống, thức mặc và ở... nhưng không phải để thỏa mãn sự tham lam. Phật đã sớm giáo dục tinh thần cộng sinh theo nguyên tắc Trung đạo khi khuyên các gia chủ nên học làm giàu giống như con ong lấy phấn hoa làm mật, không nên tham lam. Đó là biết sống cộng sinh với tự nhiên.

Trong giáo lý của Phật giáo, khả năng tự phán xét, không đổ lỗi cho số mệnh, cho thần thánh của triết lý nhân quả - nghiệp báo có ý nghĩa tự giác tu dưỡng đạo làm người rất thuyết phục. Sự phán xét đạo đức của luật nhân quả - nghiệp báo không phải của đấng thiêng liêng nào, mà tự tại; đau khổ hay hạnh phúc là hậu quả do chính nghiệp thiện hay ác mình đã làm. Người hiểu luật nhân quả sẽ không cho phép mình suy nghĩ, nói năng và làm việc xấu; người có niềm tin xác tín về nhân quả, thiện ác, thì khi suy nghĩ, nói năng hay hành động gì đều phải có thái độ thận trọng. Nếu mọi người ai cũng được vậy thì đất nước sẽ văn minh, xã hội có văn hoá, gia đình sẽ hạnh phúc. Giáo dục đạo làm người theo luật nhân quả giúp con người sửa đổi cái hư dờ nơi lương tâm chứ không phải giúp người trốn chạy trước pháp luật bên ngoài, là giáo dục từ ban đầu khi khởi tâm niệm bất thiện, trước khi xảy ra điều tệ hại, khuyên mọi người ăn hiền ở lành, hiểu biết nhân quả, tội phước, thì tự nhiên trở thành người tốt.

*b) Quan niệm của Nho giáo về đạo làm người<sup>1</sup>*

Nho giáo là một học thuyết chính trị, đạo đức, ra đời ở Trung Quốc trước Công nguyên. Trải qua hơn 25 thế kỷ tồn tại và phát triển, Nho giáo đã khác nhiều so với lúc mới xuất hiện, nhưng vẫn giữ được bản chất là một học thuyết chính trị, đạo đức của giai cấp phong kiến Trung Quốc, chủ trương dùng “lễ trị”, “đức trị” để quản lý xã hội. Khổng Tử<sup>2</sup> nói: “Dùng đạo đức làm đường lối chính trị thì như sao Bắc Đẩu ở một chỗ nhất định mà các sao khác đều vây quanh”<sup>3</sup>. Những nguyên tắc đạo đức của Nho giáo như nhân, lễ, nghĩa, trí, tín vừa là chuẩn mực để điều chỉnh hành vi của con người, vừa là những biện pháp để bảo đảm cho chính trị, nhân nghĩa được thực hiện. Nho giáo không đưa ra khái niệm “đạo làm người”, nhưng qua hệ tư tưởng

---

1. Nội dung này tham khảo từ bài viết “Quan niệm của Nho giáo về đạo làm người” của TS. Nguyễn Thị Thọ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ([www.vanhoahoc.vn](http://www.vanhoahoc.vn)).

2. Khổng Tử (còn gọi là Khổng phu): người sáng lập ra Đạo Nho; nhà tư tưởng, nhà triết học, nhà giáo dục, nhà chính trị, được người đời sau đã tôn xưng là Vạn thế sư biểu (Bậc thầy của muôn đời).

3. Nội dung này cũng được dẫn luận từ Ngữ văn Hán Nôm, t.1: Tứ thư, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004 (trong đó trích dẫn từ Luận ngữ. Luận ngữ là tác phẩm thứ nhất, có tầm ảnh hưởng và khái quát nhất trong Tứ thư, ghi lại những lời dạy, câu nói của Khổng Tử, chủ yếu về việc rèn luyện đạo đức, phẩm cách cá nhân. Ngoài Luận ngữ, Tứ thư còn có Đại học, Mạnh Tử và Trung dung.

Nho giáo có thể thấy, quan niệm về “đạo làm người” đã được đề cập, biện giải sâu sắc.

Theo Nho giáo, “đạo làm người” được hiểu là nguyên tắc chính trị, là quy phạm đạo đức và luân lý, là đạo lý trị quốc và xử thế của con người. Nói cách khác, đạo làm người được hiểu là đường lối, nguyên tắc đạo đức mà con người có bổn phận gìn giữ và tuân theo trong đời sống. Đó là nhân sinh quan, là quan niệm sống trong sạch, thuận theo lẽ phải. Quy phạm đạo đức, luân lý theo quan niệm của Nho giáo chính là tam cương<sup>1</sup>, ngũ thường<sup>2</sup>, trung hiếu, tam tông, tứ đức... Đạo làm người của Nho giáo bao quát các mối quan hệ trong xã hội ở một phạm vi rất rộng. Một người có đạo đức, có “đạo làm người” là cơ sở để người đó thực hiện tốt mối quan hệ với tự nhiên, ứng xử với xã hội, ứng xử với chính mình. Nho giáo gọi con người đạt được các chuẩn mực đó là “người quân tử”, “đáng trọng phu”. Với Khổng Tử, người quân tử không thuần túy chỉ địa vị xã hội của

---

1. Ba quan hệ cơ bản trong xã hội: quân thần (quan hệ vua - tôi); phụ tử (quan hệ cha - con); phu phụ (quan hệ vợ - chồng), trong đó người bậc trên gồm: vua, cha, chồng có trách nhiệm phải thương yêu, chăm sóc, bao dung người bậc dưới; người bậc dưới gồm: tôi, con, vợ phải kính nhường, thương yêu, phục tùng người bậc trên.

2. Năm đức cơ bản của “đạo làm người” gồm: *nhân, lễ, nghĩa, trí, tín*, trong 5 đức đó Nho giáo đặt “nhân” lên hàng đầu, người có “nhân” là người “cung, khoan, tín, mẫn, huệ”. Đối với phụ nữ còn phải thực hiện “tam tông” và phải có “tứ đức” (công, dung, ngôn, hạnh).

người đó, mà chủ yếu chỉ phẩm chất đạo đức mà người đó đạt được<sup>1</sup>.

*c) Quan niệm của một số tôn giáo về đạo làm người*

Nếu Nho giáo khuôn ép con người vào Đạo của Nho gia, thì Đạo giáo, hay còn gọi là Lão giáo, Đạo Lão,... lại đề cao tư tưởng “vô vi”, lấy luân lý vận động của vũ trụ mà giáo huấn “đạo làm người”. Lão Tử khuyên: “Ăn ở giản dị, tự nhiên, ít riêng tư, ít tham dục”, nhất định “không nên tích trữ cho mình và lo riêng cho mình”, “đừng tự xem mình là sáng, đừng tự cho mình là phải, đừng tự cho mình là có công, đừng tự cho mình là trên hết” để tiêu diệt “bản ngã”, biết bằng lòng với cái mình có.

Trong đạo đức Kitô giáo/Thiên chúa giáo, giới răn yêu thương được xem là nền tảng. Con người trước hết phải yêu Thiên Chúa rồi yêu thương đến bản thân mình. Kinh thánh khuyên con người phải yêu chồng vợ, cha mẹ, con cái, anh em, làng xóm, cộng đồng... Kinh thánh răn cấm con người: Không giết người, không lấy của người, không nói sai sự thật, không ham muốn chồng hoặc vợ của người, không làm

---

1. Khổng Tử cho rằng: “Tề Cảnh Công có một ngàn cỗ xe bốn chổ nhưng sau khi chết, dân không thấy có công đức gì mà khen. Bá Di và Thúc Tề chết đói ở chân núi Thú Dương, nhưng đến nay dân hãy còn ca ngợi. “Thành bất dĩ phú, diệc chi dĩ dĩ” (thật chẳng vì giàu, chi vì đức lạ), có lẽ là nói về điều này chăng?”.

bằng chứng giả để hại người; yêu người thì đừng chỉ yêu người yêu mình mà phải yêu cả kẻ thù nghịch mình; làm phúc bố thí thì đừng cho tay tả biết việc tay hữu làm; không phân biệt mà làm tất cả mọi việc... Ngoài ý nghĩa đức tin vào siêu nhiên (Thượng đế, Chúa), những chuẩn mực, quy phạm đạo đức ấy là những quy phạm đạo đức cụ thể, hướng con người đến điều thiện, tránh xa điều ác.

Các tôn giáo như: Công giáo, Cao Đài, Balamôn đều khẳng định, khi chưa tu, con người có hai lòng: lòng trời và lòng người; người xuất gia muốn đạt được mục đích cao nhất của “tu hành” thì phải học tập, rèn luyện để dẹp bỏ “lòng người” mà giữ nguyên “lòng trời”. Công giáo gọi con người chưa tu (lòng người) là con người cũ, con người đã được tu luyện (lòng trời) là con người mới và khẳng định: “Không cần phải theo đạo nào cả, chỉ cần ăn ngay ở lành, giữ đạo làm người là đủ. Đạo làm người là cách sống để trở thành con người lương thiện, tự chủ, tự trọng và trưởng thành về nhân cách, thể hiện qua việc chu toàn các bổn phận đối với bản thân, gia đình, xã hội và đất nước”<sup>1</sup>.

Triết học phương Tây thời kỳ Trung cổ cho rằng, con người là sản phẩm sáng tạo của Thượng Đế; cuộc sống trần thế là tạm bợ, chỉ có qua tu dưỡng, rèn luyện thành người tốt thì mới đạt được hạnh phúc ở thế giới bên kia. Các trường

---

1. Linh mục Đan Vinh: “Đối thoại về khoa học và đức tin”, (<http://mucvugiaodan.org/bs/index.php?mod>).

phái triết học phương Tây theo chủ nghĩa duy tâm, thần bí lại khẳng định, linh hồn là giá trị cao nhất của con người, vì vậy phải thường xuyên chăm sóc, tu dưỡng phần linh hồn để hướng tới Thiên đường vĩnh cửu.

Tựu chung lại, mặc dù các trường phái triết học, các tôn giáo có quan điểm, tư tưởng, niềm tin và đức tin khác nhau... song vẫn có điểm chung là khuyên con người dù tồn tại ở bất kỳ xã hội nào, thời đại nào cũng phải có lòng yêu nước, yêu thương con người, yêu thiên nhiên; luôn làm điều thiện, ứng xử đúng đạo lý, đúng luật pháp; biết thanh lọc và kiểm soát nội tâm; luôn khoan dung, rộng lượng, chăm chỉ học tập, rèn luyện để phát triển toàn diện các năng lực cá nhân; luôn giữ tròn chữ hiếu; biết xây dựng gia đình hạnh phúc; thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm công dân đối với xã hội; làm tròn bổn phận với quốc gia. Đó chính là thực hiện “đạo làm người”, là cơ sở để xây dựng nên một xã hội tiến bộ gồm những công dân ưu tú, hoàn thiện. Đó cũng là nền tảng duy trì sự ổn định, phát triển bền vững của đất nước, của dân tộc trước những biến cố, thăng trầm của thời đại.

Hàng ngàn năm bị ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng của các tư tưởng triết học Trung Hoa, trong đó có các quan điểm tích cực về “đạo làm người”, luôn nhấn mạnh tinh thần nhân văn, coi việc thực hành đạo đức là hoạt động thực tiễn căn bản nhất của một đời người. Vấn đề tu thân, học tập, rèn luyện đạo đức, nhân cách con người luôn được đặt lên

hàng đầu trong việc xây dựng chính sách cai trị đất nước qua các triều đại phong kiến Việt Nam. Trong đó, việc nhấn mạnh vai trò của gia đình trong hình thành, nuôi dưỡng và phát triển nhân cách con người chiếm vị trí quan trọng. Chuẩn mực cao nhất của hạnh phúc gia đình nằm ở tình nghĩa, chứ không phải ở địa vị xã hội hay điều kiện vật chất. Có tình nghĩa, sự tôn trọng lẫn nhau mới là yếu tố quyết định nền nếp, gia phong của gia đình. Những nhà tư tưởng Việt Nam, một mặt khuyên con người sống phải tu tâm, mặt khác đòi hỏi cái tâm ấy phải hoà đồng với cái tâm chung của thiên hạ: Đạo làm quân vương phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, phải lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình. Điều đó đã lý giải vì sao trải qua hàng ngàn năm dựng và giữ nước, chúng ta đã quy tụ được sức mạnh to lớn của cả dân tộc, chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù.

## **2. Đạo làm người trong các mối quan hệ**

*a) Đạo làm người trong ứng xử với chính bản thân mình*

Học thuyết Nho giáo chú trọng đến đạo đức con người, trong đó có đạo đức trong ứng xử với chính bản thân mình. Với nguyên tắc này, Nho giáo coi trọng sự nghiêm khắc trong việc tu thân, tích đức. Theo Nho giáo, người quân tử trước hết phải làm những việc khó, sau mới được hưởng thành quả (Nhân giả tiên nan; nhi hậu hoạch; khả vị nhân



hỹ). Đến đời Tống, Phạm Trọng Yêm<sup>1</sup> cho rằng, người khố trước thiên hạ, vui sau thiên hạ là người có nhân. Khác với những người bất nhân, người quân tử, nhân đức là người luôn vui vẻ sống trong bất kỳ hoàn cảnh nào, dù đó là vinh hoa hay đói nghèo, túng thiếu. Họ không bị phú quý, danh lợi, giàu sang làm lung lạc.

Khi đề cập đến mẫu người quân tử, Khổng Tử đưa ra những tiêu chuẩn khác nhau, song chung quy lại, người quân tử phải đạt được 9 điều: 1) Nhìn thì phải để ý nhìn sao cho sáng; 2) Nghe thì phải lắng tai nghe cho rõ ràng; 3) Sắc mặt phải giữ cho ôn hòa; 4) Tướng mạo thì phải giữ cho khiêm cung; 5) Nói năng phải giữ bề trung thực; 6) Làm việc phải trọng sự kính cẩn; 7) Có điều nghi hoặc thì phải hỏi han; 8) Khi giận thì nghĩ đến sự hoạn nạn có thể xảy ra; 9) Thấy lợi thì phải nghĩ tới điều nghĩa. Theo Khổng Tử, 9 điều này phải có sự hài hòa với nhau mà ông gọi là “trung dung”. Để đạt được những điều này, trước hết người quân tử phải rèn luyện được 5 đức cơ bản: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Đây cũng là tư tưởng xuyên suốt đạo làm người của Nho giáo. Người quân tử, theo Nho giáo, phải biết giữ đức nhân của mình, có thể vì nhân mà sát thân chứ không thể vì thân mà hại nhân. Để gìn giữ đức nhân, người quân tử phải tự kiểm chế mình để tuân theo lễ tiết của xã hội, để vững vàng, trầm tư như núi trước mọi thử thách của cuộc đời. Khổng

---

1. Phạm Trọng Yêm (989 - 1052), tự Hy Văn, thụy Văn Chánh, là một nhà chính trị, nhà văn, nhà quân sự, nhà giáo dục thời Bắc Tống.

Tử cho rằng là người ai cũng có nỗi sợ hãi của mình, bản thân ông cũng nói nhiều đến chữ “sợ” (úy); nhưng không có chỗ nào ông khuyên người ta tham sống sợ chết cả. Ngược lại, ông còn khuyên người có nhân và chí khí thì phải biết chọn cái chết một cách xứng đáng: “Người có chí khí và người có đức nhân không tham sống mà hại người. Họ phải xả thân để thành nhân”. Để đạt được những phẩm chất đạo đức đó, để hành động như một người quân tử giúp đời, Khổng Tử cho rằng, người quân tử phải luôn lấy “tu thân” làm đầu. Tu thân là cơ sở để xây dựng nhân cách cho mình, để hành đạo giúp đời (tề gia, trị quốc, bình thiên hạ).

Nhân là đạo đức căn bản nhất của con người, bao hàm trong mình mọi đức tính. Do vậy, người có nhân đồng nhất với người quân tử. Người có đức nhân là người phải nghiêm trang, tề chỉnh, rộng lượng, khoan dung, có đức tin, lòng thành, siêng năng, cần mẫn. Đó cũng là người biết yêu người đáng yêu, biết ghét người đáng ghét. Người có đức nhân cũng là người có đức lễ, vì biểu hiện ra bên ngoài của nhân là lễ. Ở phạm vi quốc gia, lễ được hiểu là việc tuân theo kỷ cương phép nước và các chuẩn mực đạo đức xã hội. Nghĩa được các nhà Nho đặt trong mối quan hệ với lợi. Họ có xu hướng coi nhẹ lợi mà chỉ chú trọng nghĩa. Khổng Tử cho rằng: “Quân tử hiểu rõ về nghĩa, tiểu nhân hiểu rõ về lợi”. Do vậy, Khổng Tử hay khuyên điều nghĩa, cho nghĩa là một điều căn bản để lập thân, việc gì hợp với nghĩa thì làm, không hợp thì bỏ. Lễ, Tín và Nghĩa gắn bó chặt chẽ với nhau: Người quân tử lấy nghĩa làm gốc, theo lễ mà thực

hiện, nói ra bằng lời khiêm tốn và hoàn thành bằng thái độ thành thực. Mạnh Tử<sup>1</sup> còn bài xích lợi hơn, ông chỉ thấy có nghĩa mà không có lợi. Nhà vua chỉ nói điều nhân nghĩa, hà tất phải nói tới lợi. Trí là trí tuệ, là tri thức, hiểu biết của người quân tử, là cơ sở để hành sự. Người hoàn thành, đạt được việc tu thân là người làm tròn, làm đúng phận sự của mình (chính danh). Trên cơ sở làm tròn phận sự của mình mà mở rộng ra việc làm tròn phận sự, nhiệm vụ của mình đối với người khác trong mọi mối quan hệ.

Yêu cầu của Nho giáo về tiêu chuẩn đạo đức để con người tu thân là rất toàn diện. Không những đề cao tinh thần tu thân, bản thân Khổng Tử còn là một tấm gương về tu thân. Ông muốn cả xã hội tu thân để tạo thành một “vương quốc của người quân tử”. Quan niệm của Nho giáo về đạo làm người trong quan hệ đối với bản thân cho đến nay vẫn còn những giá trị nhất định, giúp mỗi người tự rèn luyện bản thân, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, sống đúng danh phận của mình.

#### *b) Đạo làm người trong các quan hệ xã hội*

Trong xã hội, con người phải duy trì đồng thời nhiều mối quan hệ khác nhau, như quan hệ kinh tế, quan hệ chính trị, quan hệ luân lý đạo đức, quan hệ tôn giáo, quan hệ gia đình...

---

1. Mạnh Tử (372-289 trước Công nguyên); là đại biểu xuất sắc của Nho giáo thời Chiến quốc. Ông được xem là người kế thừa và phát triển những tư tưởng của Khổng Tử, được tôn là “Á Thánh”, chỉ đứng sau Khổng Tử.

trong đó quan hệ kinh tế đóng vai trò cơ bản. Ngay từ khi mới xuất hiện, các nhà Nho đã không quan tâm đến quan hệ kinh tế, cũng không quan tâm đến các quan hệ pháp luật, tôn giáo. Họ cho rằng: “Trong xã hội, mọi nghề nghiệp đều là thấp kém, duy chỉ có nghề đọc sách là cao quý”. Vì vậy, sự tập trung của các Nho gia chủ yếu vào lĩnh vực chính trị, đạo đức, điều này phù hợp với đường lối đức trị, với quan niệm cho rằng, chính trị, đạo đức quyết định sự an nguy của triều đình, sự ổn định của xã hội. Khổng Tử là người đầu tiên nêu lên mối quan hệ giữa con người với con người, giữa “kỷ” (mình) và “nhân” (người). Với ông, nguyên tắc đối xử giữa người với người là xem người cũng như mình, cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người, mình muốn làm nên thì giúp người làm nên, mình muốn thành đạt thì giúp người thành đạt. Với quan niệm về “kỷ” và “nhân” này, Khổng Tử đã khẳng định tư tưởng đạo đức coi trọng con người của Nho giáo. Nguyên tắc thứ hai mà Khổng Tử đề cao là “Trung dung”, “Trung hòa”. “Trung hòa là tính tự nhiên của trời đất, trung dung là đức hạnh của con người. Trung là giữa, là không thiên lệch về bên nào. Dung là thương. Trung dung nghĩa là dùng đạo Trung làm lẽ sống thường ngày vậy”<sup>1</sup>. Đạo Trung dung đòi hỏi con người đừng thái quá về mình, cũng đừng thái quá về người. Nó giống như mối tương quan giữa “văn” và “chất”: “Chất mà trội hơn văn thì thô kệch, văn mà

---

1. Theo Doãn Chính: *Đại cương lịch sử triết học phương Đông cổ đại*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2003, tr.189-190.

trội hơn chất thì phù phiếm, văn và chất đều hài hòa thì mới là quân tử”.

Mạnh Tử đã khái quát mối quan hệ của con người trong xã hội thành năm mối quan hệ cơ bản, đó là: quân - thần (vua - tôi), phụ - tử (cha - con), phu - phụ (chồng - vợ), trưởng - ấu (người lớn tuổi - người nhỏ tuổi, anh - em), bằng hữu (bạn bè). Cơ sở của mỗi mối quan hệ đã được Mạnh Tử chỉ rõ: Cha con thì có tình thân ruột thịt, vua tôi thì có nghĩa, chồng vợ thì có khách biệt, lớn tuổi và ít tuổi thì có thứ tự, bạn bè thì có điều tín. Mạnh Tử gọi năm mối quan hệ đó là “nhân luân”, có nhà Nho gọi đó là “ngũ luân”. Đó là năm mối quan hệ được coi là tiêu biểu cho các mối quan hệ xã hội lúc bấy giờ. Các mối quan hệ này dần dần quy về ba mối quan hệ, đó là: vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, còn gọi là “Tam cương”. Đây được coi là những mối quan hệ giường mối, làm trụ cột của xã hội phong kiến Trung Quốc từ thời Hán trở đi.

Ở giai đoạn đầu, các nguyên tắc đối xử của nhà Nho còn mang tính hai chiều, yêu cầu người dưới có nghĩa vụ với người trên và người trên cũng phải có nghĩa vụ với người dưới. Nhưng về sau, khi chế độ phong kiến tập quyền được xác lập, tính đẳng cấp được đề cao, nguyên tắc ứng xử dần chuyển sang yêu cầu khắt khe với người dưới, đòi hỏi người dưới phải phục tùng vô điều kiện đối với người trên. Trong mối quan hệ giữa vua và tôi, nguyên tắc đạo đức của Nho giáo về cơ bản là quân nhân thần trung. Cả quân và thần đều phải đáp ứng ba yêu cầu: 1) Phải chính danh, “vua cho ra vua”, nếu danh bất chính thì lời

nói không đúng đắn, dẫn đến việc làm sai, khi đó người với người trong xã hội không kính trọng nhau, không còn hòa khí, luật pháp lỏng lẻo và người dân sẽ mất nơi tin cậy, nhờ vả, dẫn đến dân sẽ không còn tin ở bậc cầm quyền, lúc đó dù muốn hay không thì xã tắc cũng khó tránh bề suy sụp; 2) Phải có sự tôn trọng của cả hai phía với nhau. Khổng Tử yêu cầu: “Nhà vua sai khiến bề tôi thì dựa vào điều lẽ, bề tôi phụng sự nhà vua thì dựa vào điều trung”<sup>1</sup>; 3) Cả vua và tôi đều được Khổng Tử coi là người cầm quyền; họ phải đạt được cả nhân đạo và thiên đạo. Bởi lẽ, một ông vua đồng thời cũng phải là người thầy của dân, phải là người nhân đức nhất trong những người nhân đức.

Nho giáo khuyên vua không nên lạm dụng hình phạt để ép dân đi vào tôn ti trật tự, mà nên bằng đức hạnh, lễ nghĩa, vì đức hạnh có sức mạnh cảm hóa con người và làm cho con người biết hổ thẹn khi làm sai: “Dắt dẫn (dân) bằng chính pháp, sửa trị dân bằng hình phạt, thì dân chỉ tạm tránh khỏi được tội lỗi, chứ không có lòng hổ thẹn. Nếu dắt dẫn bằng đạo đức, sửa trị bằng lễ giáo, thì dân không những có lòng hổ

---

1. Kế thừa quan điểm này của Khổng Tử, Mạnh Tử mạnh mẽ hơn khi ông khuyên Tề Tuyên Vương rằng: “Nếu nhà vua xem bề tôi như tay chân thì bề tôi xem nhà vua như lòng dạ của mình; nếu nhà vua xem bề tôi như chó ngựa thì bề tôi xem nhà vua như người dung trong nước; nếu nhà vua xem bề tôi như cỏ đất thì bề tôi xem nhà vua như kẻ thù” (*Mạnh Tử*, Ly Lô hạ). (Xem Nguyễn Hữu Vui (Chủ biên): *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.35).

thẹn mà còn cảm hóa quy phục”. Đức hạnh và lễ tiết ở đây chính là những tiêu chuẩn về đức tính, là những quy định về giao tiếp, lễ nghi mà con người phải có, phải tuân theo.

Trong đạo làm tôi, Khổng Tử đề cao chữ “trung”, nhấn mạnh lòng biết ơn, sự phục tùng, tinh thần phục vụ hết lòng hết sức của bề tôi đối với vua, với quốc gia. Theo ông, người làm tôi, làm quan trước hết phải là người có đức trong mọi hành động, có thái độ đúng ở mọi nơi, mọi lúc, chứ không phải khi nhận chức tước mới là làm quan. Khi chứng kiến cảnh xã hội có chiến tranh, huynh đệ tương tàn, Mạnh Tử đã phê phán những kẻ làm quan mà không đúng danh phận của mình, chỉ biết hòa theo điều ác của vua, phò vua chỉ biết sửa soạn binh đao đi đánh chiếm nước khác, gây chiến tranh<sup>1</sup>. Từ đó, ông đã nêu ra ba trường hợp nên ra làm quan và ba trường hợp nên từ quan<sup>2</sup>; khi ra làm quan rồi, thì phải trung với vua,

---

1. Mạnh Tử kết tội: “Hòa theo điều ác của vua mà không can ngăn là tội nhỏ, xúi giục điều ác của vua là tội lớn. Những quan đại phu thời nay đều xúi giục điều ác của vua, cho nên bảo rằng quan đại phu thời nay là người có tội lớn”. Với lời kết tội này, ông đã nêu lên tư tưởng về “đạo làm quan”: “Khi thiên hạ có đạo thì đem đạo theo thân mà ra làm quan. Khi thiên hạ không có đạo thì đem thân theo đạo mà lui về ở ẩn” (*Mạnh Tử*, Tân tâm hạ). Ông cũng thẳng thắn nói: “Thà ở bậc dưới là dân, không chịu đem mình là người hiền mà thờ ông vua vô đạo” (*Mạnh Tử*, Cáo Tử hạ).

2. Đó là: 1) Làm quan khi thấy có thể hành đạo được; 2) Làm quan vì giao tế có lễ; 3) Làm quan khi vua biết trọng dụng, nuôi dưỡng.

hết lòng hết sức thờ vua, nhưng cũng không vì vậy mà biến mình thành kẻ “ngu trung”, phải biết can gián vua, khi vua làm điều trái đạo; không những thế, còn có thể phé truất ngôi vua, khi thấy vua là kẻ vô đạo.

Bên cạnh quan hệ vua tôi, trong gia đình cũng có nhiều mối quan hệ, nhưng mối quan hệ mà Nho giáo quan tâm nhất, coi là cơ bản nhất, làm rường cột cho các mối quan hệ khác là mối quan hệ giữa cha và con, giữa thế hệ trước và thế hệ sau. Tiêu chuẩn trong mối quan hệ này, theo Khổng Tử, là “phụ tử tử hiếu” (cha hiền, con hiếu thảo). Nho giáo giai đoạn sau đã đẩy mối quan hệ này lên mức tuyệt đối là “phụ sử tử sự” (cha quyết, con phục tùng). Để ổn định gia đình, vai trò của người cha “tử” cũng rất quan trọng, nhưng quan trọng hơn là sự phục tùng của người con. Do vậy, Nho giáo đặc biệt đề cao Hiếu, khi coi Hiếu là nguồn gốc của mọi đức hạnh. Nếu Khổng Tử coi đạo Hiếu là một loại ý thức luân lý của con cái đối với cha mẹ, thì đến Tăng Tử<sup>1</sup> đã phát triển đạo Hiếu lên thành một khái niệm trừu tượng, phổ biến, một nguyên tắc của mọi đức khác, là phẩm chất vĩnh hằng của con người, là cơ sở của mọi đường lối chính trị tốt đẹp. Phạm trù trung tâm trong học thuyết Nho giáo là Nhân, thì Hiếu được coi là gốc rễ của Nhân.

Hiếu cũng có quan hệ chặt chẽ với Trung. Theo Nho giáo, xã hội là sự mở rộng mối quan hệ cha con ra cả nước,

---

1. Tăng Tử (Tăng Sâm) là học trò xuất sắc của Khổng Tử.



cả thiên hạ là quan hệ vua - tôi và mở rộng đạo làm con, đạo Hiếu ra phạm vi ấy là đạo làm tôi, đạo Trung. Đạo Hiếu trong quan niệm của Nho giáo có nhiều nội dung sâu sắc và mang đậm tính nhân văn. Ngoài ra, Nho giáo còn đề cập đến đạo đức trong mỗi quan hệ chồng - vợ, huynh - đệ, bạn bè... với những yêu cầu đạo đức rất cụ thể.

Với Nho giáo, nhân, lễ, nghĩa, trí, tín được đặt ra trong quan hệ của con người với chính bản thân mình để tu thân, để trở thành người quân tử, còn chính danh là yêu cầu đạo đức được đặt ra trong quan hệ với người khác (với xã hội) để mỗi người thực hiện đúng việc, đúng phận sự của mình, làm cho xã hội ổn định, phát triển. Những quan niệm này của Nho giáo cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị và có ý nghĩa thời sự của nó. Trong điều kiện hiện nay, khi mối quan hệ của con người với con người càng được mở rộng, khi xã hội đang có những biểu hiện xuống cấp về mặt đạo đức, tệ quan liêu, tham ô, tham nhũng đang diễn biến phức tạp, thì tư tưởng về đạo làm người trong mỗi quan hệ với xã hội của Nho giáo lại càng có ý nghĩa, góp phần điều chỉnh hành vi của mỗi người để xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

### **3. Đạo làm người trong tư tưởng Hồ Chí Minh**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Người đã để lại hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam, trong đó có quan điểm về

“đạo làm người”. Quan điểm đó đã thể hiện đức hy sinh, sự nỗ lực bền bỉ hành động của Người vì hạnh phúc của nhân dân, vì độc lập, tự do cho dân tộc. Người nhấn mạnh vai trò của “đạo làm người” với sự thành bại của cách mạng, đồng thời đã nâng khái niệm này lên nấc thang giá trị mới, là đạo đức cách mạng. Ở Người, yêu nước gắn liền với thương dân, nghĩa nước gắn chặt với tình dân, tình dân là cái gốc của nghĩa nước. Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng tinh thần tự tu thân với mỗi người, nhất là người cán bộ cách mạng. Đó là tự mình phải: “Cần kiệm. Hoà mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cẩn thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng tham muốn về vật chất. Bí mật. Đối với người phải: Với từng người thì khoan thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trục mà không tào bạo. Hay xem xét người. Làm việc phải: Xem xét hoàn cảnh kỹ càng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể”<sup>1</sup>.

Người đã khái quát những đức tính cơ bản mà mỗi người cần phải tu dưỡng, rèn luyện là: “nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm”<sup>2</sup> và khẳng định: “Đó là đạo đức cách mạng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.280-281.

2. Hiện nay, một số ý kiến đưa ra tiêu chí 5T: “Tâm, Tầm, Thê, Trí, Tài” để phù hợp hơn trong thời đại mới, nhưng vẫn tuân thủ những đức tính cơ bản theo tư tưởng Hồ Chí Minh (Ban Biên soạn).

Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người”<sup>1</sup>. Mỗi cán bộ, đảng viên muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Tổ quốc và Nhân dân giao phó thì phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, phải thống nhất giữa nói và làm, vì đó là sức mạnh để quy tụ và lãnh đạo quần chúng: “Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”<sup>4</sup>.

Với Người, “đạo làm người” là suốt đời tu dưỡng đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân mà Người coi là “giặc nội xâm”; đó cũng chính là mục tiêu cốt lõi của “đạo làm người”, của “văn hóa làm người”. Hồ Chí Minh đã nâng đạo đức cách mạng lên thành thước đo văn minh, tiến bộ của dân tộc: “Một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm, là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ”<sup>2</sup>. Người nhấn mạnh: “nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình”<sup>3</sup>. Trong suốt quá trình hoạt động của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân sáng ngời của con người có đầy đủ những phẩm chất cách mạng cao quý đó.

---

1, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.291, 292.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.128.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.300.

Từ rất sớm trong lịch sử nhân loại, các trường phái triết học cũng như nhiều tôn giáo đã nghiên cứu và khẳng định vai trò của “đạo làm người” với đời sống xã hội. Dù có những quan điểm, tư tưởng và đức tin khác nhau, song khi bàn về vấn đề này, các tôn giáo, các trường phái triết học đều có điểm chung là khuyên con người dù tồn tại ở bất kỳ xã hội nào, thời đại nào cũng phải thực hiện “đạo làm người” để trở thành những công dân tốt, có ích cho cộng đồng, cho xã hội, thực hiện tốt vai trò, bổn phận đối với quốc gia. “Đạo làm người” chính là nền tảng để xây dựng, hình thành nên con người có nhân cách, đạo đức hoàn thiện, là thành tố quan trọng nhất để tạo nên sức mạnh nội sinh quan trọng, đảm bảo sự ổn định, phát triển bền vững của dân tộc ta, đất nước ta dù trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn, hay bất kỳ thách thức nào.

## II- NHÂN ĐẠO, TỪ THIỆN, CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO, CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN VÀ GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO

### 1. Nhân đạo, từ thiện

Theo *Từ điển Hán - Việt* của nhà sử học Đào Duy Anh, “đạo” được hiểu “là đường đi, là đạo lý, là cái nghĩa lý đương nhiên, ai cũng nhận”; nghĩa đen theo chữ Hán là con đường, nghĩa bóng là phương hướng, đường lối dẫn dắt con người đi đến mục tiêu hay lý tưởng nào đó. “Đạo đức” được hiểu là “nguyên lý tự nhiên là đạo, được vào lòng người là đức; cái lý

pháp người ta nên noi theo”<sup>1</sup>. Có rất nhiều lý tưởng và nguyên tắc khác nhau về “đạo”, nhưng tất cả đều có chung một nền tảng cơ bản là dựa trên cái thiện, trong sáng, lành mạnh, chân chính để mưu cầu hạnh phúc và an bình cho con người.

Chữ “*nhân*” theo nghĩa hẹp có nghĩa là người, là lòng từ ái bao dung, độ lượng và thương người, là lý của yêu thương, là đức của tâm, làm điều nhân là giữ toàn tâm đức. Theo nghĩa rộng, chữ “*nhân*” được Khổng Tử, Mạnh Tử xem như tư tưởng cốt lõi của Nho giáo, cũng còn có nghĩa là mối quan hệ giữa người với người trong xã hội. Đạo đức của Nho giáo cũng có thể gọi là đạo của chữ “*nhân*”, khi nói “*nhân giả nhị nhân giả*”.

*Nhân đạo* là đạo đức thể hiện sự yêu thương, quý trọng và bảo vệ con người<sup>2</sup>. Hiểu đơn giản, nhân đạo là đạo làm người, là đạo đức của con người, là con đường hay cách hành động đúng đắn của người có đạo đức, có lòng nhân ái và tâm hướng thiện.

Nhân đạo là sống, ăn ở, cư xử đúng với phẩm chất của con người, luôn tôn trọng và thương yêu con người. Người có lòng nhân đạo nhận thức rõ nguyên nhân của khổ đau, ý thức rõ sự khổ đau của con người, thấy được phẩm chất cao đẹp của con người, khả năng vươn lên của con người

---

1. Đào Duy Anh: *Từ điển Hán - Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.

2. Xem *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.

trong nghịch cảnh; căm ghét kẻ làm cho con người đau khổ, cảm thông nỗi khổ đau của con người, thương yêu người đang bị khổ đau; tố cáo, lên án kẻ làm cho con người đau khổ, giúp đỡ, bảo vệ người đau khổ, hướng dẫn họ cách đấu tranh để chấm dứt khổ đau. Có thể nói, trong bản tính con người luôn có tính nhân đạo và làm việc nhân đạo là một trong các nhu cầu tự thân của con người. Tư tưởng nhân đạo tồn tại trong nhiều tín ngưỡng, tôn giáo, là thước đo quan trọng của văn minh nhân loại và sự tiến bộ xã hội.

Từ thiện là có lòng thương người, sẵn sàng giúp đỡ người nghèo khó để làm phúc<sup>1</sup>. Theo từ điển Hán - Việt, từ thiện là kết hợp giữa hai từ: *từ* là thương yêu, như là *nhân từ* (thương người), *từ tâm* (lòng thương) và *thiện* là tốt lành. Như vậy, “thiện” có nghĩa là làm việc tốt từ tâm, xuất phát từ lòng yêu thương (người). Những hành vi, việc làm tốt mà không xuất phát từ lòng thương thì không được gọi là từ thiện. Từ thiện thường là một việc tự nguyện (thiện nguyện), nên không có những nguyên tắc bắt buộc nào. Từ thiện thường phải đi chung với bất vụ lợi (làm không vì lợi ích riêng) và thiện nguyện (tự nguyện làm điều tốt/tự nguyện làm việc thiện).

“Nhân đạo” và “từ thiện” hiện nay được hiểu theo

---

1. Xem *Từ điển Tiếng Việt, Sđd.*

những cách khác nhau, có khi được dùng thay thế nhau, đồng nhất hoặc song hành cả hai cụm từ. Nhân đạo và từ thiện được hiểu chung là hành động trợ giúp người khó khăn, dễ bị tổn thương, bao gồm hoạt động quyên góp, trao tặng tiền, vật phẩm, trợ giúp nhân lực, chăm sóc sức khỏe, động viên tinh thần. Nhân đạo, từ thiện có thể là hành động của cá nhân, tập thể, cộng đồng, thông qua tổ chức nhân đạo, từ thiện<sup>1</sup>.

Hoạt động nhân đạo, từ thiện đóng vai trò quan trọng trong trợ giúp người nghèo, người yếu thế và các đối tượng dễ bị tổn thương khác trong cộng đồng, xã hội, tham gia xóa đói giảm nghèo. Từ xưa, nhân đạo, từ thiện luôn được các tôn giáo như Kitô giáo, Thiên chúa giáo, Do Thái giáo, Phật giáo, Hồi giáo khuyến khích thực hiện và được xem là căn bản của đạo đức cũng như đức tính hay là đức hạnh cần thiết trong giáo lý tôn giáo.

Trong Kitô giáo, Thiên chúa giáo, bác ái là một nguyên tắc quan trọng, có nghĩa là lòng yêu thương rộng khắp mọi người. Một trong những giới răn quan trọng nhất mà Chúa Giêsu<sup>2</sup> dạy là: “Người hãy yêu người gần gũi như chính

---

1. Helene Walterskirchen: *Benefiz-Ladies. Im Dienst der guten Sache*. Droste, Düsseldorf 2001, ISBN 3-7700-1128-7.

2. Giêsu (còn được viết là Giêxu, Yêsu, Jesus, Giatô, Datô), cũng được gọi là Giêsu Kitô, Jesus Christ, hay Giatô Cơđốc, là người sáng lập ra Kitô giáo. Giêsu là người Do Thái, có tên là *Yehoshua* (có nghĩa là

mình”. Thánh vịnh có câu: “Phúc cho người nào quan tâm đến kẻ yếu đau, khốn khổ”<sup>1</sup>. Giêsu cũng nhắc nhở: “Phúc cho những kẻ hay thương xót, vì sẽ được thương xót!”. Kinh Thánh có nhiều đoạn nhấn mạnh đến nghĩa vụ cần thiết của việc san sẻ và đóng góp vì phúc lợi của người nghèo, những người gặp khó khăn. Kinh Tân ước có chép những tông đồ đầu tiên của Chúa Giêsu san sẻ tài sản của mình cho nhau và quyên góp giúp đỡ người bị thiên tai<sup>2</sup>. Theo quan điểm của Công giáo, việc hiến tặng nên quan tâm tới chất lượng để thu được kết quả tốt cho cả người cho và người nhận; hiến tặng nên thận trọng và trực tiếp đến tay cá nhân hoặc gia đình; nhanh chóng và đảm bảo thuận lợi nhất; bí mật và khiêm nhường; vui vẻ và phong phú.

Trong Phật giáo, quá trình tu tập để trở thành Bồ tát thì hạnh bố thí đứng đầu. Bồ có nghĩa là phân tán, ban phát cho khắp nơi, cho hết; thí có nghĩa là giúp, cho, là đem tiền của và các thứ mình có mà cấp cho người khác. Trong Phật giáo cổ

---

“Thiên Chúa là Đấng Cứu Độ” trong tiếng Hebrew), thường được gọi vắn tắt là *Yeshua*.

1. Thánh Vịnh Psalm, bản dịch năm 2011.

2. Công vụ các Sứ đồ ghi: “Các tín hữu đều đồng lòng và xem của riêng mình như của chung. Thật ra, họ san sẻ với nhau mọi thứ”.

“Một trong những người ấy tên Agabút, được cảm Thánh Linh, đứng lên nói tiên tri rằng: “Sẽ có nạn đói kém trên khắp đất”. Biển cố này xảy ra trong đời hoàng đế Claudia. Các môn đồ bèn quyết định, tùy khả năng của mình, mỗi người nên gởi một món quà cứu trợ đến anh chị em ở Giuđê”.



xưa, bố thí được xem là phương tiện để đối trị tính tham ái, ích kỷ và được thực hành để tránh khổ đau cho đời sau. Theo Đại thừa, bố thí là biểu hiện của lòng từ bi và là phương tiện để dẫn dắt chúng sinh đến giác ngộ. Hành động bố thí thức ăn cho các vị khất sĩ hiện nay vẫn còn phổ biến tại các nước theo Phật pháp Nam truyền. Phật tử tại các nước này cúng tặng tiền bạc, phẩm vật cho chùa chiền và tặng sĩ, ngược lại các vị tỉ - khâu “bố thí” Phật pháp, hướng dẫn tu học. Hành động này cũng được xem là để nuôi dưỡng phúc đức.

Trong Do Thái giáo, việc từ thiện được xem là việc đúng, phải làm. Tzedakah - một thuật ngữ tiếng Do Thái, thường được sử dụng để biểu lộ sự từ thiện, nhưng nguyên gốc có nghĩa là sự công bình - đề cập đến nghĩa vụ tôn giáo để làm những gì đúng và hợp lý<sup>1</sup>. Người Do Thái không thực hành nhân đạo, từ thiện và khái niệm này hầu như không tồn tại trong truyền thống Do Thái. Thay vào đó, người Do Thái thực hành Tzedakah, có nghĩa là “sự công chính” và “công lý”<sup>2</sup>. Người Do Thái khi đóng góp tiền bạc, thời gian và nguồn lực của mình để giúp những người nghèo, thì người đó không phải là nhân từ, hào phóng hay làm từ thiện mà người đó đang làm “việc đáng làm, phải làm/việc công bình” (công chính) đúng theo như đã chỉ dạy trong Torah (phần luật của Kinh

---

1. Rabbi Hayim Halevy Donin: To Be A Jew (Để trở thành người Do Thái), Basic Books, New York, 1972, p. 48.

2. Tzedakah vs The Myth of Charity, by Yanki Tauber, Retrieved 03-11-2012.

Thánh Hebrew). Luật Torah yêu cầu 10% thu nhập của một người Do Thái phải được phân bổ cho “việc công bình”, bất kể người đó là giàu hay nghèo<sup>1</sup>.

Trong Hồi giáo, việc này được gọi là Zakat và là một trong những trụ cột chính của Hồi giáo, theo đó, tín đồ được khuyến khích tặng ít nhất 2,5% phần thu nhập mỗi năm của mình cho người khác.

## **2. Chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa nhân văn**

Chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa nhân văn được hiểu theo nhiều cách khác nhau trong triết học và thực tiễn. Phương Tây thường đồng nhất khái niệm nhân văn với nhân đạo. Thuật ngữ Humanism (Anh), Humanisme (Pháp) và Gumanizm (Nga) có nghĩa chung là nhân văn hay nhân đạo. Các tiếng Latinh, như

---

1. Nhà thần học Maimonides (thế kỷ XII) liệt kê 8 cấp độ của “sự công bình”, viết trong “Luật về Ban cho người nghèo”, gồm: i) Cung cấp cho những người nghèo đủ khả năng để họ có thể tự sống độc lập (giúp để họ tự giúp mình), như cho vay không lãi suất, trợ cấp, tìm kiếm công việc, hình thành quan hệ đối tác lâu dài với một người có nhu cầu... (cấp cao nhất); ii) Từ thiện mà các nhà tài trợ, người cho và người nhận không biết nhau (vô danh), thông qua một người (hoặc một quỹ) đáng tin cậy, có uy tín và có thể thực hiện hành vi Tzedakah với tiền của họ một cách hoàn hảo nhất; iii) Người cho biết mình tặng ai, nhưng người nhận không biết danh tính của người tài trợ; iv) Người cho không biết danh tính của người nhận, nhưng người được nhận biết người nào cho; v) Tặng, trước khi được yêu cầu; vi) Tặng, sau khi được yêu cầu; vii) Trao tặng với sự vui vẻ, thân thiện; viii) Trao tặng với sự không vui vẻ (miễn cưỡng).

tiếng Anh gọi là “Humanism”, thường chuyển sang tiếng Việt là “chủ nghĩa nhân đạo”. Từ điển Trung Quốc định nghĩa “chủ nghĩa nhân văn” hàm chứa nội dung của “chủ nghĩa nhân đạo”<sup>1</sup>. Hai khái niệm chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa nhân văn được cho là có nghĩa tương đương, đều có chung điểm quy chiếu là hạnh phúc của con người. Tuy vậy, chủ nghĩa nhân đạo thể hiện tinh thần đạo đức, đề cao lòng yêu thương con người, đặc biệt là những người lao động, còn chủ nghĩa nhân văn được sử dụng thể hiện tinh thần văn hóa, nhấn mạnh đến các giá trị con người, các quyền cơ bản của con người.

Chủ nghĩa nhân đạo cũng có thể hiểu là một đạo lý nhằm mang lòng tốt, từ thiện và nhân ái đến toàn thể loài người một cách vô tư. Theo chủ nghĩa này, người đau khổ không bị kỳ thị hoặc bị hành hạ vì lý do giới tính, thiên hướng tình dục, dân tộc, đẳng cấp, tuổi tác, tôn giáo hay quốc tịch. Chủ nghĩa nhân đạo cũng được xác định là sự chấp nhận tất cả mọi người, vì con người và bỏ những quan điểm xã hội thiên vị, thành kiến và thói quen phân biệt chủng tộc. Chủ nghĩa nhân văn là một nhánh triết học luân lý lớn cũng như một thế giới quan chuyên chú vào lợi ích, giá trị và phẩm cách của cá nhân. Theo chủ nghĩa nhân văn, bao dung, bất bạo

---

1. Xem Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh: *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2010)), Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2010, tr.547.

động và tự do lương tâm là những nguyên tắc quan trọng cho sự cộng sinh của nhân loại. Chủ nghĩa nhân văn coi việc đi tìm chân lý và đạo đức bằng những hoạt động của con người để phục vụ lợi ích của con người.

Chủ nghĩa nhân đạo hay chủ nghĩa nhân văn (Humanism) là toàn bộ những tư tưởng, quan điểm, thái độ, hành vi ứng xử và tình cảm quý trọng các giá trị của con người. Chủ nghĩa nhân đạo không phải là một khái niệm đạo đức đơn thuần, mà còn bao hàm cả cách nhìn nhận, đánh giá con người về nhiều mặt trong quan hệ với tự nhiên, xã hội và đồng loại. Biểu hiện của chủ nghĩa nhân đạo bao gồm toàn bộ những tư tưởng, quan điểm quý trọng các giá trị của con người, có thể phân ra bốn nhóm chính, đó là: i) Thông cảm, thấu hiểu số phận con người; ii) Khám phá và tôn vinh vẻ đẹp con người; iii) Tố cáo, phê phán những thế lực chà đạp lên con người, bảo vệ phẩm giá con người; iv) Nâng niu ước mơ của con người hay mở ra một tương lai tươi sáng cho con người.

### **3. Giá trị nhân đạo**

Giá trị nhân đạo là một trong những giá trị cơ bản của con người được tạo nên bởi niềm cảm thông sâu sắc của con người với nỗi đau của người khác, những cảnh đời bất hạnh trong cuộc sống; thể hiện sự nâng niu, trân trọng những nét đẹp trong tâm hồn và niềm tin vào khả năng vươn dậy của con người dù trong hoàn cảnh nào.

Nguồn gốc hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh từ giá trị nhân đạo, nhân văn của dân tộc và nhân loại, hai giá trị này có điểm chung là đề cao những phẩm chất, giá trị của con người với tính cách là một cá nhân, khẳng định quyền của con người được tự do phát triển, thừa nhận các nguyên tắc bình đẳng, công bằng, nhân đạo trong quan hệ giữa con người với con người.

Khi dùng khái niệm giá trị nhân văn thì các giá trị về con người, các quyền cơ bản của con người được đề cao chủ yếu nhìn từ góc độ văn hóa. Còn khi nói các giá trị nhân đạo là chủ yếu từ góc độ đạo đức, đề cao lòng yêu thương, quý trọng con người. Đó là các giá trị được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa, phát triển, hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh.

*Tóm lại*, nhân đạo (hiểu theo nghĩa rộng) là đạo làm người, là lý tưởng hướng tới một xã hội tốt đẹp, công bằng, ít khổ đau, là sự trợ giúp đầy tình người về vật chất và tinh thần cho các đối tượng dễ bị tổn thương; là tư tưởng xuyên suốt trong mọi tín ngưỡng, tôn giáo, là chỉ số, thước đo của văn minh nhân loại và sự tiến bộ xã hội, là xu thế tất yếu, điểm chung kết nối các chế độ xã hội khác nhau.

## *Chương II*

# TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO HỒ CHÍ MINH

## I- GIÁ TRỊ NHÂN VĂN, NHÂN ĐẠO CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ CỦA NHÂN LOẠI VỚI VIỆC HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO HỒ CHÍ MINH<sup>1</sup>

### **1. Truyền thống nhân văn, nhân đạo của dân tộc Việt Nam**

#### *a) Về đạo làm người, lòng nhân ái và lòng yêu nước*

Trải qua mấy nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, nền kinh tế của Việt Nam chủ yếu là nông nghiệp, là nền văn minh lúa nước. Sản xuất nông nghiệp là lao động vất vả và khó nhọc:

---

1. Phần này có sử dụng bài viết của PGS.TS. Nguyễn Thế Thắng: “Giá trị nhân văn, nhân đạo của nhân loại, của dân tộc Việt Nam với việc hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh”; TS. Nguyễn Xuân Trung: “Những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh” và một số tác giả khác.

*Cày đồng đang buổi ban trưa.  
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.  
Ai ơi bưng bát cơm đầy.  
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.*

(Ca dao)

Kết quả lao động phụ thuộc rất lớn vào thiên nhiên, thời tiết “Trông trời trông đất trông mây. Trông mưa trông nắng trông ngày trông đêm. Trông cho chân cứng đá mềm. Trời yên biển lặng mới yên tấm lòng” (Ca dao). Bão tố, lụt lội, vỡ đê, hạn hán... luôn là mối đe dọa đáng sợ đối với người nông dân quanh năm hai sương một nắng, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời.

Thiên tai còn thường xuyên đi đôi với địch họa. Trong suốt một ngàn năm Bắc thuộc và các cuộc xâm lăng của quân Hán, quân Tống, quân Nguyên, quân Minh, quân Thanh, giặc Chiêm Thành, giặc Xiêm La, Nam Chiếu cùng nhiều cuộc xung đột, nội chiến, người dân luôn nom nớp sống trong cảnh binh đao, chết chóc; luôn mơ đến cuộc sống trong hòa bình trọn vẹn. Cuộc sống khó khăn trong thiên tai, địch họa đã rèn giũa, hun đúc nên cốt cách người Việt yêu lao động, chăm chỉ cần cù, có khát vọng tự do, độc lập, ý chí kiên cường bất khuất, lòng yêu nước thiết tha, căm thù xâm lược. Và chính cuộc sống khó khăn đó cũng đã hun đúc nên lòng nhân ái, tính nhân văn của dân tộc, tinh thần đoàn kết, gắn bó, đùm bọc yêu thương, chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ người hoạn nạn, khó khăn.

Trong văn học dân gian truyền miệng, có nhiều câu ca dao nói về lòng nhân ái, cách đối xử của con người: Thương người như thể thương thân; Một miếng khi đói bằng một gói khi no; Nhiều điều phũ phàng giá gương, người trong một nước thì thương nhau cùng; Lá lành đùm lá rách; Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại; Tay đứt ruột xót; Ở hiền gặp lành; Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn... Người dân sinh sống quần tụ trong làng xã, xây dựng hương ước để hỗ trợ, giúp đỡ nhau. Làng có những ruộng công, lợi tức dành giúp đỡ những kẻ khó, những quả phụ điền, cô nhi điền, trợ sư điền, khẩu phần điền. Chính quyền có những kho nghĩa thương, dưỡng tế sở, tuất cô cùng dành cứu giúp những người thiếu đói, tật nguyền, cô nhi quả phụ, cơ nhỡ... Đối với kẻ thù thất bại, đầu hàng, tổ tiên ta cũng đối xử rất nhân đạo. Trong *Binh thư yếu lược*, Hưng Đạo Vương viết: giết quân địch đã ra hàng là điều bất nhân. *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi: khi đánh Chiêm Thành, vua Lê Thái Tông đã ra lệnh cấm chém giết người dân vô tội. Lê Lợi đã cấp thuyền, xe, lương thảo cho quân Vương Thông thất trận.

Yêu nước, thương người là truyền thống cốt lõi và nổi bật của dân tộc Việt Nam. Lòng yêu nước là phẩm chất hàng đầu trong đạo lý làm người của dân tộc Việt, là tiêu chí để nhận định đúng - sai, đánh giá tốt - xấu đối với mỗi con người bình thường cũng như để bình chọn ra những danh nhân kiệt xuất. Những người đã vì nước hy sinh hoặc những người có công lao đối với quê hương, đất nước đều được người Việt Nam tôn thờ,



có người được tôn làm Thành hoàng, Thánh, Đức Thánh. Truyền thống nhân ái của dân tộc đã được kết nối từ đời này qua đời khác và phát triển ngày càng rực rỡ trong thời đại Hồ Chí Minh, tạo thành dòng chảy tự nhiên của lòng yêu nước, lòng nhân ái và tinh thần sẻ chia kết tinh trong cốt cách của con người Việt Nam. Hồ Chí Minh cho rằng, đã là con Lạc, cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng yêu nước, đó là nguồn gốc sức mạnh giúp dân tộc ta vượt qua muôn vàn thử thách, khó khăn, là động lực mạnh mẽ trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, giành lại độc lập dân tộc. Người nhận định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước. Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta”<sup>1</sup>.

Yêu nước gắn liền với yêu thương, quý trọng con người. Từ hàng ngàn năm nay, nhân dân ta vẫn sống theo đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, hình thành nên những giá trị nhân văn, nhân đạo quý báu với lối sống thủy chung, biết ơn, tôn kính, noi gương những anh hùng, nghĩa sĩ có công, có đức với dân, với nước. Phát huy truyền thống yêu nước, thương người của dân tộc ta, Hồ Chí Minh cũng thường dặn:

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.38.

*“Nhiều điều phủ lấy giá gương.  
Người trong một nước phải thương nhau cùng”<sup>1</sup>.*

Sống hòa thuận, đoàn kết, yêu thương đồng bào, đồng loại, theo tinh thần “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách”, “tắt lửa tối đèn” là tính cách của dân tộc ta được phản ánh sâu đậm trong cuộc sống, hương ước, tập tục, văn thơ, trong các tầng văn hóa Việt Nam.

*b) Về sự tôn trọng con người, đề cao con người và những giá trị tốt đẹp của con người*

Truyền thống văn hóa Việt Nam thấm đẫm tinh thần nhân văn, luôn đặt con người ở vị trí trung tâm, luôn coi con người là sự kết tinh những giá trị tinh tuý nhất của tạo hoá, coi “người ta là hoa của đất”, “người sống đồng vàng”, “một mặt người bằng mười mặt của”, “dân làm gốc”... Các triều đại phong kiến Việt Nam giữ và giành lại được độc lập đều bởi biết “lấy dân làm gốc”. Triều Lý có chính sách “ngụ binh ư nông”; triều Trần một thời hùng mạnh bởi anh em đồng lòng, cả nước góp sức. Đề hồi ý kiến nhân dân và quy tụ sự đồng lòng, đoàn kết của toàn dân đánh giặc, nhà Trần đã tổ chức Hội nghị Diên Hồng. Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn để lại lời căn dặn bất hủ: “Khoan thư sức dân để làm kế bền gốc, sâu rễ, đó là thượng sách giữ nước”. Triều Lê luôn đề cao vai trò của nhân dân: “Dân như nước có thể đẩy thuyền, lật thuyền”. Trong Bộ luật Hồng Đức còn có

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.98.

những điều luật đặt ra với mục đích bảo vệ thuần phong mỹ tục. Để khuyến khích tình thương yêu đồng loại, đồng tộc, đồng bào, trong Bộ luật Hồng Đức có quy định các điều luật như: thôn, phường phải giúp đỡ kẻ ốm đau không nơi nương tựa, phải chôn cất những người chết đường (Điều 294); phải chăm sóc người cô quả tàn tật không nơi nương tựa (Điều 295); bắt được trộm lạc phải báo quan (Điều 604); có người chết đường, dân sở tại phải chôn cất (Điều 607). Những điều luật đó thể hiện tính nhân đạo sâu sắc của nhà nước phong kiến.

Trong đời sống, sự tôn trọng con người còn được thể hiện một cách thiết thực bằng việc quan tâm tới lợi ích của người dân. Chăm lo đến đời sống an lành của nhân dân được coi là một tiêu chí đánh giá cơ bản về tính nhân nghĩa, đúng đắn trong chính sách của triều đình. Đúng như Nguyễn Trãi từng chỉ rõ: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”, và phải làm sao để khắp trong thôn cùng ngõ hẻm không có một tiếng hờn giận, oán sầu.

### *c) Về lòng khoan dung và yêu chuộng hòa bình*

Với vị trí địa lý đặc biệt, cùng với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, Việt Nam luôn bị các thế lực ngoại bang nhòm ngó. Nhận thấy rõ thế và lực của đất nước, với mong ước được sống trong hòa bình, dân tộc Việt Nam luôn nêu cao tinh thần hòa hiếu, không gây chiến tranh. Chỉ khi nào chủ quyền dân tộc bị đe dọa, chà đạp, nhân dân ta mới đứng

lên đấu tranh bảo vệ. Nêu cao tinh thần hoà hiếu trong cách ứng xử giữa con người đã thành đường lối ngoại giao của Việt Nam “lấy chí nhân thay cường bạo”.

Trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược, khi kẻ thù bị đánh bại, người dân Việt Nam dù phải chịu nhiều đau thương, trong lòng còn oán hận, nhưng không vì thế mà tàn sát kẻ thù; ngược lại, còn mở đường “hiếu sinh” cho những kẻ đi cướp nước ấy được rút về an toàn, lấy đó làm điều kiện để xây dựng mối quan hệ hữu nghị đối với các quốc gia bại trận. Các vua Trần từng đã đảm bảo cho quân Nguyên rút về nước an toàn. Lê Thái Tổ, Nguyễn Trãi cung cấp lương thực, phương tiện cho quân Minh rút về nước sau khi chúng thua trận. Tinh thần khoan dung, hoà hiếu là một nét đặc sắc của chủ nghĩa nhân đạo Việt Nam. Dân tộc Việt Nam chỉ đứng lên vũ trang chống xâm lược khi không còn con đường nào khác để giữ gìn hoà bình cho đất nước. Tinh thần yêu chuộng hòa bình, ghét chiến tranh của dân tộc Việt Nam thực chất cũng bắt nguồn từ truyền thống yêu thương con người. Bởi hơn ai hết, mọi người đều hiểu rằng, chiến tranh đi liền với chết chóc, với đổ máu. Dù máu của ta hay của địch phải đổ xuống thì đó cũng là điều không muốn đối với một dân tộc có truyền thống quý trọng con người.

Kế thừa, phát triển những giá trị nhân văn, nhân đạo trong truyền thống tư tưởng văn hóa dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở cán bộ, đảng viên: “Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta

lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được”<sup>1</sup>.

## **2. Tư tưởng nhân đạo trong các tôn giáo với việc hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh**

Nhân nghĩa là giá trị cốt lõi trong học thuyết Nho giáo của Khổng Tử. Hồ Chí Minh khẳng định: “chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử, và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lênin”<sup>2</sup>. Hồ Chí Minh đã chú ý kế thừa, phát triển những giá trị nhân văn, nhân đạo trong học thuyết nhân nghĩa của Khổng Tử.

Trong sách Luận ngữ, chữ “nhân” được nhắc đến 109 lần. Khổng Tử coi nhân là chuẩn mực đạo đức cao nhất của Nho giáo. Nội hàm của chữ nhân rất rộng, trong đó, nghĩa căn bản nhất là tôn trọng, yêu thương con người. Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển hạt nhân căn bản đó trong giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân. Người chỉ rõ: “*NHÂN* là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.668.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.563.

Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ oai quyền. Những người đã không ham, không e, không sợ gì thì việc gì là việc phải họ đều làm được”<sup>1</sup>.

Nho giáo với tư tưởng “trung hòa”, chủ trương kết hợp hài hòa các mặt đối lập: “thiên nhân hợp nhất”, “tri hành hợp nhất”, coi “thiên thời, địa lợi bất như nhân hòa”, điều đó đã góp phần làm cho nội bộ dân tộc đoàn kết, quốc gia hòa hợp, xã hội ổn định, mong đạt tới “mưa thuận, gió hòa”. Bản thân Nho giáo trong quá trình phát triển cũng tiếp thu những yếu tố nhất định của Phật học, Đạo học... để tạo ra sức sống mới trong mỗi thời kỳ phát triển.

Không Tử là người đầu tiên đưa ra khái niệm đạo nghĩa, đó là con người có đạo đức phải chính trực, thẳng thắn, trọng nghĩa khí, trọng tình nghĩa. Đạo nghĩa phải được thể hiện bằng các hành động cụ thể mới có thể đạt đến chân - thiện - mỹ. Trên cơ sở kế thừa và phát huy tư tưởng đó, Hồ Chí Minh khẳng định: “NGHĨA là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu... Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đứng

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.5, tr.291-292, 292.

đần”<sup>2</sup>.

Phật giáo là một trong 5 tôn giáo lớn của thế giới, có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống con người Việt Nam<sup>1</sup>. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chú ý kế thừa, phát huy những giá trị nhân văn, nhân đạo trong giáo lý Phật giáo vào quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Những giá trị nhân văn, nhân đạo tiêu biểu trong Phật giáo mà Hồ Chí Minh kế thừa là: i) Tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân, một tình yêu bao la đến cả chim muông cây cỏ; ii) nếp sống có đạo đức, trong sạch giản dị, chăm lo làm điều thiện; iii) Tinh thần bình đẳng, tinh thần dân chủ chất phác chống lại mọi sự phân biệt đẳng cấp. Đức Phật nói: “Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với đồng bào Phật tử Việt Nam rằng: “Đức Phật là đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh, tranh đấu, diệt lũ ác ma. Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hy sinh của cải xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ, đại bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi

---

1. Gồm: Ấn Độ giáo (Hinduism), Phật giáo (Buddhism), Thiên Chúa giáo (Christianity), Do Thái giáo (Judaism) và Hồi giáo (Islam).

ra khỏi cái khổ ải nô lệ”<sup>1</sup>. Giá trị nhân văn cốt lõi trong triết lý Phật giáo là: “Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha”, có nghĩa là: đem lại lợi ích và vui sướng cho mọi người, quên mình vì người khác. Tư tưởng này hoàn toàn phù hợp với việc giáo dục con người trong xã hội mới, khắc phục chủ nghĩa cá nhân mà sống theo phương châm mình vì mọi người, mọi người vì mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh cổ vũ: “*Đồng bào Phật giáo cả nước, từ Bắc đến Nam, đều cố gắng thực hiện lời Phật dạy là: “Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha”<sup>2</sup>... đồng bào Phật giáo góp phần xứng đáng trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh*”<sup>3</sup>.

Văn hoá Phật giáo cũng mang tính dung hòa mềm dẻo, hòa hợp, hòa giải, kêu gọi tình thương yêu, tha thứ, chấp nhận lẫn nhau. Phật giáo vào Việt Nam từ đầu công nguyên, góp phần làm giàu thêm giá trị nhân văn, tính hướng thiện trong văn hóa Việt Nam, xây dựng và củng cố nền chính trị và ngoại giao của nhà nước phong kiến Việt Nam trong những thế kỷ đầu vừa giành lại độc lập. Đến khi Nho giáo thịnh lên, Phật giáo mất đi địa vị quốc giáo, nhưng Nho - Phật vẫn cùng nhau chung sống, theo tinh thần “*Nhật, Nguyệt*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.228.

2. Nghĩa là: Đem lại lợi ích và vui sướng cho mọi người, quên mình vì người khác (BT).

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.383.



*tinh minh, các hữu sở chiếu*”, (nghĩa là mặt trời, mặt trăng đều chiếu sáng, mỗi cái có cách chiếu riêng), “*Ngày vừng ô chiếu sáng, đêm bóng tỏ rạng soi*”, “*Thích lo việc đạo, Nho lo việc đời*”. Phật giáo chủ trương dung thông, vượt lên sự khác biệt về học thuyết, không loại trừ nhau mà dung hòa với nhau, cùng tồn tại.

Trong Lão giáo và Phật giáo mà Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn ngay từ thời phong kiến, thì cuộc sống có tham, sân, si, có lục căn (tức là sáu căn của con người gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Thường thì trong cuộc sống hằng ngày, con người ta ai cũng phải xử lý lục căn đó để không rơi vào lục tặc, tức là không để chúng bị tha hóa biến thành tặc hay giặc (chẳng hạn: tai nghe những lời nịnh hót; lưỡi được cho ăn ngon; mắt bị quyến rũ, mê mẩn bởi nhan sắc...). Theo đạo Phật thì con người có lục dục (sáu loại dục vọng); lục cảnh (sáu loại cảnh giới: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp); lục tình (sáu loại biểu lộ tình cảm: hỉ, nộ, ái, ố, ai, lạc). Con người khi đã tu đắc đạo, chân tu, đã thành chính quả, thì trở thành người ung dung, tự tại, không bị bất cứ mọi cám dỗ nào từ bên ngoài lung lạc được cả. Đó là khi đã đạt đến cảnh giới *ngộ* của người tu hành ở phương Đông, đạt đến trình độ giác ngộ được tám chính đạo (chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tinh tiến, chính niệm, chính định). Lúc đó, người tu hành sẽ đạt tới chân lý tuyệt đối của đạo Phật.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu có chọn lọc tinh thần khoan

dung, đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn ở cả Nho giáo và Phật giáo trong tư tưởng nhân đạo của mình. Người cho rằng: tôn chỉ, mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm. Kế thừa giá trị cốt lõi “lấy cái Tâm làm gốc, lấy sự giác ngộ trong lòng làm căn bản, Phật là trong mỗi người, trong mỗi nhà, là tu tại tâm và tu không thoát khỏi trần thế mà lại gắn với sự đời, với thực tại, với vận mệnh của đất nước” của Thiền phái Trúc Lâm do vua Trần Nhân Tông<sup>1</sup> sáng lập vào thế kỷ XIII, Hồ Chí Minh đã thực hành thiền ngay giữa nhân gian, giữa đất trời của dân chúng, giữa cái bao la đất trời ngồn ngộn đại sự<sup>2</sup>; thiền để *ngộ*, ngộ để *hành*, hành để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, của nhân loại.

Đạo Lão là một tôn giáo xuất hiện từ thời cổ đại ở Trung Quốc, do Lão Tử sáng lập<sup>3</sup>. Trong tác phẩm *Đạo đức kinh*,

---

1. Trần Nhân Tông (7-12-1258 - 16-12-1308) là vị hoàng đế thứ ba của vương triều Trần. Ông trị vì từ năm 1278 đến năm 1293, sau đó làm Thái thượng hoàng từ năm 1293 cho đến khi qua đời. Trần Nhân Tông được đánh giá là vị vua anh minh, đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển bền vững của quốc gia Đại Việt vào cuối thế kỷ XIII. Ông còn là một thiền sư lớn của Phật giáo Việt Nam thời trung đại.

2. Theo tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh, cán bộ Hội Chữ thập đỏ ngày nay làm chữ thập đỏ mỗi ngày, là mỗi ngày lên chùa tại tâm.

3. Lão Tử họ Lý, tên Nhĩ, tự là Đam, hiệu là Bá Dương, sống vào khoảng thế kỷ VI trước Công nguyên, cuối thời Xuân Thu. Tác phẩm *Đạo đức kinh* được cho là của Lão Tử soạn gồm hai phần: Đạo kinh bàn về vũ

Lão Tử cũng đề cao chữ nhân có nghĩa là “yêu thương”. Lão Tử còn nêu ra mẫu người “thánh nhân” - con người lý tưởng trong học thuyết Đạo giáo, là người khéo dùng lòng nhân cư xử với mọi người. “Thánh nhân” thường khéo cứu người, nên không có người nào bị bỏ, thường khéo cứu vật nên không có vật nào bị bỏ; là người vượt trên lòng nhân phổ thông để sống chan hòa, tự nhiên như Đạo để đem Đạo đến cho mọi người. “Thánh nhân” sống khiêm hạ, làm lợi cho mọi người, như nước làm lợi cho vạn vật. Vì khiêm hạ và quảng đại như đầm sâu, người ấy không tranh giành, có Đức hành động như bầu trời đổ mưa, như mặt trời tỏa ánh sáng cho tất cả mọi người, không phân biệt người lành, kẻ dữ; không tranh với ai, cho nên không bị ai oán trách.

Đạo Lão cũng chủ trương sống hòa hợp với tự nhiên, tôn trọng quy luật của đất trời, từ đó nêu lên thuyết “vô vi, bất tranh”, “được ít không chê, được nhiều không mừng, cái vui đến thì tận hưởng, cái vui đi không than tiếc, vui vẻ với bốn mùa, hòa hợp cùng ngoại vật...”. Lão Tử kêu gọi: “Khoáng hề kỳ nhược cốc” (Hãy trống không như hang núi), nghĩa là “hãy không là gì cả” thì đời sẽ trở nên cực kỳ đơn giản và tốt đẹp. Những quan niệm về nhân và thánh nhân có đạo đức cao cả như thế đã ít nhiều ảnh hưởng đến sự hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh.

Kitô giáo/Thiên Chúa giáo được truyền sang phương Đông

---

trụ; Đức kinh bàn về đức.

vào thời kỳ chủ nghĩa thực dân xâm chiếm thuộc địa, mở rộng thị trường nên lúc đầu không mấy được hoan nghênh. Trong khi cố gắng đứng chân tại các nước Viễn Đông như Nhật Bản, Triều Tiên, Trung Quốc... ít đạt kết quả, thì Kitô giáo lại sớm tạo được chỗ đứng ở Việt Nam. Ngoài “lòng nhân ái cao cả” như Hồ Chí Minh nhận xét, thì tôn giáo này dễ được tiếp nhận ở nước ta hơn nhiều nơi khác có thể nhờ tinh thần hòa đồng tôn giáo của văn hóa Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa”<sup>1</sup>. Trong thư gửi các giám mục và đồng bào công giáo Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Bình, ngày 14-10-1945, Người viết: “Đức Giêsu hy sinh vì muốn loài người được tự do hạnh phúc, đồng bào ta cả lương cả giáo cũng vì tự do hạnh phúc cho toàn dân mà hy sinh phấn đấu”<sup>2</sup>. Giữa tháng 10-1945, vào ngày lễ hành nguyện Phật giáo, trong một bữa tiệc chay được tổ chức tại chùa Quán Sứ (Hà Nội), có tín hữu hai tôn giáo (Công giáo và Phật giáo) tham dự, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dặn, mặc dầu hai tôn giáo có hai giáo lý khác nhau nhưng tôn giáo nào cũng từ bi nhân đạo mà ra, thì không lý gì lúc này cùng là con dân Việt Nam lại không thể có sự đoàn kết giữa hai tôn giáo.

Những giá trị khoan dung này đã tạo cho con người

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.95.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.56.

Việt Nam một nếp tư duy mềm mại, uyển chuyển, không cực đoan. Trong văn hóa đối thoại, người Việt Nam thường nhớ đến một câu Kiều: “*Mà trong lẽ phải có người, có ta*”, tức là không hề có ý giành độc quyền chân lý! Bởi mỗi sự vật, hiện tượng vốn chứa đựng nhiều khía cạnh, nhiều tầng ý nghĩa, mỗi người, từ góc nhìn của mình, chỉ có thể tiếp cận được một phần chân lý, chứ chưa thể nắm ngay được toàn bộ chân lý tuyệt đối. Mỗi vấn đề chính trị - xã hội còn có những nhận thức khác nhau là điều bình thường. Vì vậy, cần thiết có sự lắng nghe nhau, tôn trọng nhau, hợp tác với nhau trong tìm tòi chân lý. Hồ Chí Minh chính là biểu tượng nổi bật của tinh thần đó và vì vậy, chúng ta có thể tìm thấy trong Hồ Chí Minh cái đẹp của Thiên Chúa giáo, cái thiên mỹ của Phật giáo, cái hòa đồng vũ trụ vĩnh hằng của Lão giáo, những viên ngọc của các học thuyết, của các luồng tư tưởng về đạo làm người... trong tổng hòa, chung đúc tất cả lại thành một, thành cái riêng mang tên Hồ Chí Minh.

### **3. Chủ nghĩa nhân đạo phương Tây với việc hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh**

Khái niệm chủ nghĩa nhân đạo (*Humanism*) là tổng hợp những quan niệm, quan điểm biểu hiện tư tưởng thừa nhận và đề cao quyền sống, phẩm giá của con người, đấu tranh tích cực cho sự tồn tại và phát triển của con người. Xu hướng tư

tưởng thể hiện sự tôn trọng phẩm giá, quyền tự do và sự phát triển toàn diện của nhân cách cá nhân, bảo vệ tính người trong quan hệ xã hội.

Các nhà chủ nghĩa nhân đạo lớn nhất thời Phục hưng ở phương Tây là Pêtao, Đăngtơ, Picátô, Lêôna - Đờ Vinci, Eraxmơ, Brunô, Rabolơ, Môngtécxiơ, Côpécnic, Sếchxpia, Ph.Bêcơ. Họ đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành thế giới quan phi tôn giáo, chống lại chế độ phong kiến độc đoán chuyên quyền. Chủ nghĩa nhân đạo của giai cấp tư sản đạt tới sự hưng thịnh trong các tác phẩm của những nhà khai sáng thế kỷ XVIII.

Tinh túy của chủ nghĩa nhân đạo phương Tây nằm trong các thuật ngữ: tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người, đã có sức cuốn hút Hồ Chí Minh; được Người khao khát tìm hiểu ngay từ thời niên thiếu. Khi còn ở trong nước, cũng như khi sinh sống, hoạt động ở Pháp, Hồ Chí Minh say mê đọc các tác phẩm của Vôn-te, Rút-xô, Môngtécxiơ và tìm hiểu về cuộc Đại cách mạng tư sản Pháp năm 1789. Những giá trị cốt lõi của chủ nghĩa nhân đạo phương Tây được biểu hiện tập trung trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của Hoa Kỳ và Tuyên ngôn về nhân quyền, dân quyền của Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn giải trong phần mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được

sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”<sup>1</sup> và “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi. Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”<sup>2</sup>. Ở Hồ Chí Minh quyền tự do, bình đẳng, bác ái của con người, quyền con người gắn liền với quyền độc lập, tự do, bình đẳng, mưu cầu hạnh phúc của dân tộc. Người viết: “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>3</sup>. Trong luận điểm này, chủ nghĩa nhân văn, chủ nghĩa nhân đạo phương Tây đã được Hồ Chí Minh phát triển sáng tạo, có sự biến đổi về chất, thực sự trở thành một trong những giá trị cốt lõi hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh.

#### **4. Chủ nghĩa nhân đạo cộng sản với việc hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh**

Khi đặt bút viết tiểu luận về việc chọn nghề cho mình, C.Mác đã định hình những nét cơ bản của chủ nghĩa nhân đạo, giá trị của phẩm giá con người, mục tiêu đấu tranh cho sự hoàn thiện con người, giải phóng con người. Coi đó là kim chỉ nam trong việc chọn nghề và sự nghiệp mà cả đời C. Mác trung thành theo đuổi: *Tất cả vì con người*. C. Mác đã viết: “kim chỉ nam chủ yếu phải định hướng cho chúng ta trong việc lựa chọn nghề nghiệp chính là phúc lợi của loài người, là sự hoàn thiện

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.1.

của chính chúng ta... bản chất con người được cấu tạo khiến cho con người chỉ có thể đạt được sự hoàn thiện của mình bằng hoạt động cho sự hoàn thiện của những người cùng thời, với mình và vì phúc lợi của họ... những ai đem lại hạnh phúc cho một số lượng người nhiều nhất là người hạnh phúc nhất... Nếu chúng ta đã lựa chọn một nghề mà trong đó chúng ta có thể lao động nhiều nhất cho loài người thì chúng ta sẽ không cúi đầu vãn lưng dưới gánh nặng của nó, bởi gánh nặng ấy là sự hy sinh vì mọi người..., niềm hạnh phúc của chúng ta sẽ thuộc về hàng triệu người, lúc đó sự nghiệp của chúng ta sẽ có một cuộc sống thầm lặng nhưng có hiệu lực vĩnh hằng, và những con người cao thượng sẽ rơi những giọt lệ cháy bỏng trước thi hài của chúng ta”<sup>1</sup>.

Quả thật, trong quá trình hoạt động cách mạng, chủ nghĩa nhân đạo mà C. Mác đưa lại cho giai cấp công nhân và cổ vũ giai cấp công nhân đấu tranh là chủ nghĩa nhân đạo cao nhất. Quá trình hình thành chủ nghĩa Mác là sự phát triển từ thấp lên cao của sự thống nhất chặt chẽ giữa hệ tư tưởng và khoa học, giữa chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa cộng sản. Không có bước đầu thì không có bước cuối. Không có cơ sở vững vàng từ trước thì không có lâu đài đồ sộ về sau. Muốn xây dựng con người có tính người thì phải xóa bỏ các điều kiện xã hội đã tạo nên cái làm cho con người mất tính người.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.40, tr.17-18.



Không thể xây dựng con người bằng thuyết giáo, bằng kêu gọi con người: “Hãy yêu thương nhau đi”, mà phải tập trung xóa bỏ cơ sở xã hội đã tạo ra sự mất tình yêu thương, có nghĩa là xây dựng một xã hội mới làm cơ sở tạo ra tình yêu thương con người thật sự.

Chủ nghĩa xã hội sẽ tạo cơ sở giải quyết những mục tiêu vĩ đại mà chủ nghĩa nhân đạo đã đặt ra. Theo C. Mác, bản thân xã hội sản sinh ra con người với tính cách là con người như thế nào thì con người cũng sản sinh ra xã hội như vậy. Chủ nghĩa xã hội sẽ thủ tiêu chế độ người bóc lột người, giải phóng người lao động khỏi sự bất bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay, tiêu diệt nghèo đói và thất nghiệp cho đông đảo quần chúng nhân dân, làm cho họ được hưởng những thành quả của nền kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển. Chủ nghĩa xã hội kiên trì đấu tranh cho hòa bình và loại trừ chiến tranh ra khỏi đời sống con người. Phương châm của chủ nghĩa xã hội là tất cả vì con người, tất cả vì hạnh phúc của con người. Chủ nghĩa xã hội sẽ là sự thể hiện cao nhất của chủ nghĩa nhân đạo. Trong xã hội đó, con người sẽ được phát triển toàn diện.

Từ chủ nghĩa yêu nước và truyền thống nhân văn, nhân đạo của dân tộc Việt Nam, bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin với quan niệm về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, Hồ Chí Minh đi đến kết luận: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn

kết, âm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau. Tất cả mọi người hãy đứng lên quanh lá cờ đỏ để chinh phục thế giới. Lao động tất cả các nước, đoàn kết lại!”<sup>1</sup>.

## II- NỘI DUNG VÀ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO HỒ CHÍ MINH

### **1. Nội dung cơ bản của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh**

Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh không phải là một lý thuyết siêu thực, mà là một hệ thống những quan điểm về nhân đạo được Chủ tịch Hồ Chí Minh chắt lọc, phát triển từ giá trị nhân văn, nhân ái của dân tộc, từ các đạo giáo, tôn giáo, từ chủ nghĩa nhân đạo phương Tây, đặc biệt từ tư tưởng nhân đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh luôn toát lên tình thương yêu con người, thương yêu nhân dân, hết lòng vì nhân dân phục vụ; sự tin tưởng, coi trọng phẩm giá con người, tin tưởng vào sức mạnh to lớn của nhân dân; tư tưởng về giải phóng con người, phát triển con người toàn diện; coi trọng giáo dục, đặt giáo dục là vấn đề nền tảng,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.496.

lâu dài; ý thức chăm lo bồi dưỡng, phát huy sức mạnh mỗi con người cũng như cả cộng đồng, dân tộc. Biểu hiện cụ thể:

*a) Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là tư tưởng về tình thương yêu con người, thương yêu nhân dân, hết lòng vì nhân dân phục vụ*

Khác với một số quan niệm chưa đúng đắn về nhân dân lao động, về con người tôn giáo... Hồ Chí Minh đề cập con người cụ thể, không có con người chung chung, trừu tượng phi nguồn gốc lịch sử hay con người kiểu tôn giáo. Từ thập kỷ 40 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã bàn đến chữ “người” (nhân) với nhiều nghĩa và phạm vi khác nhau, trong đó nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn; nghĩa rộng là đồng bào cả nước; rộng nữa là cả loài người và Người thường sử dụng khái niệm “*người bản xứ bị bóc lột*”, “*người mất nước*”, “*người da đen*”, “*người cùng khổ*”, “*người vô sản*”, “*đồng bào*”, “*quốc dân*”, “*công nhân*”, “*nông dân*”, “*trí thức*”, “*lao động chân tay*”, “*lao động trí óc*”, “*người chủ xã hội*”... Tất nhiên, Hồ Chí Minh cũng có bàn tới khái niệm “con người” theo nghĩa chung trong một số trường hợp như “*phẩm giá con người*”, “*giải phóng con người*”...

Hồ Chí Minh luôn thương yêu, quý trọng con người. Con người ở đây là đồng bào, đồng chí, là người Việt Nam yêu nước, là già, trẻ, gái, trai, miền xuôi, miền ngược... Hồ Chí Minh thương yêu những người nô lệ mất nước, những người cùng khổ, giai cấp vô sản bị bóc lột, những thanh niên chết

vô ích ở Việt Nam dù họ là người da trắng, da đen, người Pháp hay người Mỹ. Bởi vì “máu nào cũng là máu; người nào cũng là người”. Những dòng máu đó đều quý như nhau. Tấm lòng yêu thương con người của Hồ Chí Minh khác lòng từ bi, nhân ái của các tôn giáo về đối tượng thương yêu, Người yêu thương con người đang sống thực ở trên trần gian này và trên cơ sở khoa học là duy vật, biện chứng.

Có thể nói rằng, với Hồ Chí Minh lòng nhân ái không chỉ dừng lại ở lòng từ bi, bác ái một cách mơ hồ chung chung, càng không phải là lòng thương hại của bề trên ban phát cho kẻ dưới, mà lòng nhân ái ở Người là sự cảm thông sâu sắc đối với mỗi số phận, mỗi hoàn cảnh éo le của con người, đặc biệt là những người cùng khổ, bất hạnh, chịu nhiều thiệt thòi nhất trong xã hội. Người từng nói: “Nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp cũng như mọi vấn đề khác trong lúc này là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đang bị đau khổ, áp bức”<sup>1</sup>.

Người bộc bạch: “Lòng yêu thương của tôi đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi”<sup>2</sup>, và quả đúng như vậy, dấu cho thế giới có đổi thay nhưng tình yêu thương bao la, rộng lớn của Người vẫn luôn dành trọn cho mỗi con người ở khắp mọi nơi. Trong trái tim nhiệt huyết ấy vẫn luôn có chỗ

---

1, 2. Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.231, 232.

dành cho tất cả mọi người để được cảm thông, chia sẻ và giúp đỡ, mang đến cho họ một cuộc sống mới tốt đẹp hơn, nhân văn hơn.

Tình yêu thương con người của Hồ Chí Minh thể hiện trước hết là tình yêu thương với đại đa số nhân dân, những người lao động, người nghèo khổ, bị áp bức, bóc lột trong xã hội. Xuất phát từ yêu thương con người mà Người đã làm mọi việc để phát huy sức mạnh của con người, đoàn kết mọi người lại phấn đấu cho mục tiêu “ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”.

Luôn thương yêu con người, nên Hồ Chí Minh luôn khát khao hòa bình, một nền hòa bình thật sự, trong độc lập, tự do. Vì thương yêu đồng bào bị đế quốc và phong kiến áp bức, bóc lột, dân tộc mất độc lập, tự do mà Người đi ra thế giới tìm đường cứu nước, cứu dân, trải qua muôn vàn gian khổ, Hồ Chí Minh cùng với Đảng do Người sáng lập và rèn luyện lãnh đạo nhân dân ta thoát khỏi ách thực dân phong kiến. Đúng như Người viết: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, uỷ thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẩn nhục có

gắng - cũng vì mục đích đó”<sup>1</sup>.

Tư tưởng nhân đạo thấm đẫm trong những lời Hồ Chí Minh giáo dục cán bộ, đảng viên, bộ đội phải biết “Thương dân, trọng dân và tốt với dân”. Còn với cán bộ lãnh đạo cao cấp hoặc các vị tướng lĩnh, Người khuyên phải có lòng thương người sâu sắc mới xứng đáng là tướng và có thể hoàn thành nhiệm vụ: “Thương người như thương con mình, chỗ khó khăn thì ta đi trước, có công trạng thì ta hưởng sau. Gặp người bị thương ta phải mau mau an ủi họ, thấy người chết phải chôn cất cho họ. Thấy người đói ta phải cho họ ăn, người rét ta cởi áo cho họ mặc, thấy người tài giỏi ta cất nhắc họ, thấy người dũng cảm ta thưởng họ, tướng mà như thế thì đánh đâu thắng đấy”<sup>2</sup>. Hồ Chí Minh coi sinh mạng con người là quý giá nhất. Theo Người, không có một trận đánh đẫm máu nào là “đẹp” cả, mặc dù thắng lớn. Người quý trọng sức dân, của dân; trọng người tài, đức, trân trọng người tốt, việc tốt dù rất nhỏ. Người trân trọng từng ý kiến của dân, lắng nghe dân, học hỏi dân, bàn bạc với dân, tự phê bình trước dân, trả lời ý kiến của dân, tôn trọng và chấp hành nghiêm minh pháp luật. Lòng thương yêu con người ở Hồ Chí Minh theo tinh thần làm cho nước nhà hoàn toàn độc lập, nhân dân hoàn toàn tự do, mọi người ai cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành, chữa bệnh... Đó là triết lý

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.272.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.698.

nhân văn hành động: Ở đời và làm người thì phải yêu nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức và đấu tranh nhằm đem lại hạnh phúc, tự do cho con người.

Đối với Đảng, Chính phủ, Người khǎng định trách nhiệm: “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi. Vì vậy cán bộ Đảng và chính quyền từ trên xuống dưới, đều *phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân*”<sup>1</sup>. Đứng đầu Đảng, Nhà nước, quyền cao, chức trọng, nhưng Hồ Chí Minh không xa cách với quần chúng, luôn sống và làm việc sâu sát với thực tiễn, gần gũi với nhân dân, thấu hiểu và chia sẻ mọi niềm vui và nỗi vất vả của người dân. Với quần chúng, Hồ Chí Minh vừa là người đồng hành, vừa là người dẫn dắt, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Người nói: “Bất kỳ ở địa vị nào, làm công tác gì, chúng ta đều là đày tớ của nhân dân. Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng, đều do mồ hôi, nước mắt của nhân dân mà ra. Vì vậy chúng ta phải đền bù xứng đáng cho nhân dân. Muốn làm như vậy, chúng ta phải cố gắng thực hiện Cần, Kiệm, Liêm, Chính”<sup>2</sup>.

Tựu chung lại, tinh thần cốt lõi của tư tưởng nhân văn - nhân đạo chính là con người - yêu thương con người, quý trọng con người, giúp đỡ lẫn nhau, tất cả vì con người. Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: “Nếu như khi còn trẻ... Bác Hồ

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.518, 145.

đã chú trọng vấn đề con người và giải phóng con người, thì 43 năm sau, đến cuối đời, trong Di chúc Bác vẫn căn dặn lại sau khi chiến tranh kết thúc, “đầu tiên là công việc đối với con người”, tư tưởng về con người, về giải phóng và phát triển con người, coi con người là nhân tố quyết định thành công của cách mạng, quán xuyên toàn bộ sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Tin dân mãnh liệt, lại thương dân hết mực...”<sup>1</sup>.

*b) Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là tư tưởng về sự tin tưởng, coi trọng phẩm giá con người, tin tưởng vào sức mạnh to lớn của nhân dân*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ có niềm tin tưởng to lớn vào sức mạnh, năng lực sáng tạo của nhân dân. “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”<sup>2</sup>. Không có lực lượng nhân dân, thì việc nhỏ mấy, dễ mấy, làm cũng không xong: “Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong”<sup>3</sup>. Đảng, Nhà nước phải biết dựa vào

---

1. Võ Nguyên Giáp: “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng và phát triển con người”, in trong *Kỷ yếu Tư tưởng Hồ Chí Minh - Phương pháp luận nghiên cứu con người*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003, tr.17-39.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.453.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.280.



nhân dân để chống các bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí. Cán bộ, đảng viên phải có phong cách làm việc quần chúng, phải đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân.

Theo Hồ Chí Minh, dân ta có tài năng, trí tuệ và sáng tạo, họ biết “giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”<sup>1</sup>, “vô luận việc gì, đều do người làm ra và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”. Trong khi giữ vững niềm tin vào dân thì phải chống các bệnh xa nhân dân, khinh nhân dân, sợ nhân dân; không tin cậy nhân dân; không hiểu biết nhân dân; không yêu thương nhân dân<sup>2</sup>. Không yêu thương và tin tưởng nhân dân là nguyên nhân của căn bệnh nguy hiểm - bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Bệnh này sẽ dẫn đến kết quả là “hỏng việc” như Hồ Chí Minh đã chỉ ra.

Hồ Chí Minh dành nhiều công sức giáo dục các cán bộ lãnh đạo, quản lý phong cách làm việc đi sâu, đi sát quần chúng, mong muốn họ trở thành những người được dân tin, dân yêu, dân phục, dân theo, dân ủng hộ. Theo đó, cán bộ lãnh đạo, quản lý không được quan liêu, hách dịch, coi thường quần chúng nhân dân. Phải biết đời sống thực của nhân dân như thế nào, khả năng thực của nhân dân ra sao? Họ đang nghĩ và đang mong muốn những gì? Mỗi lời nói,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.335.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.176.

mỗi việc làm của người cán bộ phải phù hợp với quần chúng, phản ánh đúng được khát vọng của quần chúng. Cán bộ phải biết được những băn khoăn, trăn trở của dân để kịp thời uốn nắn và tháo gỡ cùng dân. Người khuyên: “Cán bộ tỉnh phải đến tận các huyện, các xã. Cán bộ huyện phải đến tận các xã, các thôn. Cán bộ phải chân đi, mắt thấy, tai nghe, miệng nói, tay làm, óc nghĩ. Để thiết thực điều tra, giúp đỡ, kiểm soát, rút kinh nghiệm, trao đổi kinh nghiệm giúp đỡ nông dân và học hỏi dân”<sup>1</sup>.

*c) Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là tư tưởng về lòng khoan dung rộng lớn đối với con người*

Hồ Chí Minh có cách nhìn nhận, xem xét con người trong tính đa dạng của nó: đa dạng trong quan hệ xã hội (quan hệ dân tộc, giai cấp, tầng lớp, đồng chí, đồng bào...); đa dạng trong tính cách, khát vọng, phẩm chất, khả năng; đa dạng trong hoàn cảnh xuất thân, điều kiện sống, làm việc... Trên cơ sở đó, lòng khoan dung ở Hồ Chí Minh có nội dung sâu sắc, rộng lớn: Người trân trọng phần thiện dù nhỏ nhất; khai thác “tính người” trong mỗi con người. Chỉ có lòng độ lượng và chí công vô tư của Hồ Chí Minh mới quy tụ được nhiều nhân sĩ từ chế độ cũ, từ nước ngoài trở về Việt Nam đến như vậy, nhất là khi chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ vừa mới thành lập.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.249.

Với lòng nhân ái bao la, phát huy truyền thống “thương người như thể thương thân”, “đánh kẻ chạy đi không đánh kẻ chạy lại”, Hồ Chí Minh có chính sách khoan hồng đại lượng, đối xử nhân đạo với tù binh. Khi cán bộ, đảng viên có lỗi, Người chú ý giáo dục, nhẹ về xử phạt. Người cố gắng cổ vũ con người, hướng con người tới chân - thiện - mỹ, trân trọng mọi ý kiến khác nhau, kể cả những ý kiến không đồng tình, trái với suy nghĩ của Người.

*d) Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là tư tưởng về giải phóng con người, phát triển con người toàn diện*

Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản “tất cả vì con người, tất cả vì hạnh phúc của con người” được Hồ Chí Minh cụ thể hóa trong mệnh đề Việt Nam: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Và Người khẳng định sứ mệnh lịch sử của đời mình là: “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>1</sup>.

Bởi con người có vị trí quan trọng bậc nhất trong việc làm cách mạng lật đổ xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, nên Hồ Chí Minh chỉ ra sự cần thiết phải xây dựng, phát triển con người Việt Nam một cách toàn diện. Vấn đề xây dựng, phát triển con người phải là một nhiệm vụ chiến lược lâu dài vì sự vững bền của chế độ xã hội mới và sự

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.627.

trường tồn của dân tộc, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Con người toàn diện theo Hồ Chí Minh nói một cách khái quát nhất phải là người đủ đức, đủ tài. “Có tài phải có đức. Có tài không có đức, tham ô hủ hóa có hại cho nước. Có đức không có tài... không giúp ích gì được ai”<sup>1</sup>. Người khẳng định, con người toàn diện là con người vừa hồng, vừa chuyên. Tùy theo từng đối tượng giáo dục, là thanh niên hay phụ nữ, người cao tuổi hay thanh thiếu niên nhi đồng, bộ đội hoặc công an, công nhân, nông dân hay trí thức, Người đều có những lời khuyên cụ thể, phù hợp về những phẩm chất làm nên đức tài, hồng chuyên của một con người.

Tổng hợp lại, theo Hồ Chí Minh, những phẩm chất cụ thể mà người Việt Nam ngày nay cần có, đó là: 1) Lòng yêu nước, tinh thần làm chủ, cần kiệm xây dựng nước nhà; 2) Đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh và nhân cách trong sạch; 3) Có trí tuệ, có sức khỏe, phương pháp làm việc khoa học và phong cách công nghiệp. Việc xác định hệ giá trị con người Việt Nam như vậy trở thành định hướng cho việc xây dựng con người Việt Nam hiện đại ở nước ta.

*e) Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là tư tưởng coi giáo dục là nền tảng, lâu dài, là quá trình “trồng người”*

Đề “trồng người”, có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục -

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.345-346.

đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất. Bởi vì giáo dục tốt sẽ tạo ra tính thiện, đem lại tương lai tươi sáng cho thế hệ trẻ. Ngược lại, giáo dục tồi sẽ ảnh hưởng xấu tới thế hệ trẻ. Hồ Chí Minh nói về vai trò của giáo dục: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”<sup>1</sup>; “Dốt thì đại, đại thì hèn”<sup>2</sup>... Cho nên phải chống giặc dốt cũng như chống giặc đói, giặc ngoại xâm, giặc nội xâm.

Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ, phải đặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. Hai mặt đức, tài thống nhất với nhau, không tách rời nhau, trong đó “đức” là gốc, là nền tảng cho tài năng phát triển. Phải kết hợp giữa nhận thức và hành động, lời nói với việc làm... Có như vậy mới có thể “*học để làm người*”.

“Trồng người” là công việc “trăm năm”, không thể nóng vội một sớm một chiều, không phải làm một lúc là xong, cũng không phải tùy tiện, đến đâu hay đó. Nhận thức và giải quyết vấn đề này có ý nghĩa thường trực, bền bỉ trong suốt cuộc đời mỗi con người, trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy không được coi nhẹ, sao nhãng sự nghiệp giáo dục. Theo tinh thần của V.I. Lênin: “Học, học nữa, học mãi” và của Khổng Tử: “Học không biết chán, dạy

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.7.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.125.

không biết mỗi”, Hồ Chí Minh cho rằng: “Học không bao giờ cùng. Học mãi để tiến bộ mãi”<sup>1</sup>, “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”<sup>2</sup>.

*g) Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng, phát huy sức mạnh mỗi con người cũng như cả cộng đồng, dân tộc*

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công sức trong xã hội. Lợi ích cá nhân nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Hồ Chí Minh khuyến khích lợi ích cá nhân chính đáng, coi trọng động lực cá nhân, tìm và tạo ra cơ chế, chính sách để kết hợp hài hòa lợi ích xã hội với lợi ích cá nhân. Như khoán, thưởng, phạt trong kinh tế, cần có sự công bằng, hài hòa về lợi ích trong mọi chủ trương, chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Người coi công bằng là một mục tiêu cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Vì thế, Người nhắc nhở: trong phân phối và trong mọi công việc luôn nhớ: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng. Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”<sup>3</sup>.

Đại đoàn kết phát huy sức mạnh con người ở tầm quốc

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.61.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.528.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.224.

gia, dân tộc. Trong những người mácxít, Hồ Chí Minh là người sớm thấy tầm quan trọng của yếu tố dân tộc. Lợi ích quốc gia, dân tộc là một động lực giúp các quốc gia, dân tộc tiếp tục tồn tại và phát triển trong thời đại cạnh tranh, đấu tranh dân tộc và giai cấp quyết liệt. Người chỉ rõ: Lịch sử nước ta đã cho thấy, lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết, chia rẽ thì suy yếu, bị nước ngoài xâm lấn. Do đó, đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở khối liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức tạo thành một động lực to lớn không chỉ trong cách mạng giải phóng dân tộc mà còn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

*Tóm lại*, tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh được hình thành trên cơ sở tiếp thu, kế thừa, phát triển các giá trị tinh hoa của chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa nhân văn của dân tộc Việt Nam và nhân loại trong quá trình hoạt động, lãnh đạo cách mạng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân đạo bao gồm những nội dung cơ bản, đó là: thương yêu con người, thương yêu Nhân dân, hết lòng vì Nhân dân phục vụ; tin tưởng, coi trọng phẩm giá con người, tin tưởng vào sức mạnh to lớn của Nhân dân; giải phóng con người, phát triển con người toàn diện; coi giáo dục là vấn đề nền tảng, lâu dài; chăm lo bồi dưỡng, phát huy sức mạnh mỗi con người cũng như cả cộng đồng dân tộc. Những nội dung cốt lõi đó được quán xuyên

trong các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và xuyên suốt trong các hoạt động của Hồ Chí Minh; là kim chỉ nam cho chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

## **2. Một số đặc trưng cơ bản của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh<sup>1</sup>**

Đồng chí Phạm Văn Đồng suốt gần 30 năm sống và làm việc trực tiếp với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã có một nhận định khái quát rất chính xác: “Chất con người Hồ Chí Minh là chất Việt Nam, chất cách mạng, chất cộng sản, chất nhân văn... Hồ Chí Minh là người của chủ nghĩa nhân đạo theo ý nghĩa đầy đủ nhất”. Có thể nói, đối với Hồ Chí Minh chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa nhân đạo trong cùng một vòng tròn lôgic<sup>2</sup>. Cuộc đời hoạt động cách mạng không mệt mỏi của Người còn là một tấm gương sáng ngời, một biểu hiện tiêu biểu cho chủ nghĩa nhân đạo cộng sản<sup>3</sup>. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh có một số đặc điểm tổng quát phản ánh quy luật

---

1. Nội dung này tham khảo từ bài viết: “Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh - bản chất và những đặc trưng tổng quát” của PGS. TS. Phạm Ngọc Anh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Xem Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh: *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Sđd, tr.550.

3. Xem Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr.229.



vận động của lý tưởng nhân văn, nhân đạo loài người, lại rất riêng có của Hồ Chí Minh, đó là:

*a) Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển từ giá trị nhân đạo truyền thống Việt Nam và tinh hoa của nhân loại*

Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là một bước phát triển mới giá trị nhân đạo truyền thống Việt Nam, tinh hoa nhân văn của nhân loại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện thân khát vọng thể hiện các giá trị làm người cao quý, là linh hồn, là ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam, lương tâm của thời đại, có sức sống bền vững và có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của Nhân dân Việt Nam và của nhân dân nhiều dân tộc trên thế giới, cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai, chính là vì tư tưởng của Người đã kế thừa những giá trị tư tưởng, văn hóa “vĩnh cửu” của nhân loại thấm đượm một chủ nghĩa nhân văn cao cả, đáp ứng những yêu cầu, nguyện vọng cháy bỏng và sâu xa của dân tộc và nhân loại.

Nói về thái độ của mình đối với một số học thuyết và tôn giáo lớn trên thế giới, Hồ Chí Minh đã xác nhận: “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta.

Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, cho xã hội. Nếu nay họ còn sống trên đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”<sup>1</sup>.

Lời nói trên đây nổi lên hai khía cạnh đáng lưu ý: 1) Khi nhận xét các nhà tư tưởng tiền bối, Hồ Chí Minh đã chỉ ra được điểm tương đồng, cốt lõi trong tư tưởng của họ, hạt nhân đó không có gì khác hơn là tinh thần nhân đạo, tư tưởng nhân văn. Hồ Chí Minh đã tiếp thu, tích hợp giá trị nhân đạo của loài người thành tư tưởng nhân đạo của chính mình. Vì thế, sự kế thừa và chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại ở Hồ Chí Minh là nhằm chủ đích nhân đạo; 2) Các giá trị nhân đạo của nhân loại chỉ có thể phát triển và thăng hoa trên nền gốc mà Người đã mang trong mình trước đó: Truyền thống nhân đạo lâu đời của dân tộc Việt Nam.

Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh được nâng lên tầm cao hơn khi Người hội tụ được các tư tưởng tiến bộ toàn nhân loại: Văn minh châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, với các hệ tư tưởng nhân văn Phục hưng, Khai sáng, tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng Italia, Pháp... Đặc biệt, tư tưởng nhân đạo đó trở thành lý luận khoa học, như một lý thuyết vững chắc khi Người gặp tư tưởng cộng sản chủ nghĩa với các lãnh

---

1. Dẫn theo: *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh xuất bản, 1993, t.2, tr.134.

tự thiên tài C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lênin.

Tại Hội thảo quốc tế kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ chức tại Hà Nội, tháng 3-1990, một đại biểu nói: Chúng tôi đến đây, có người theo đạo Hồi, có người theo đạo Phật, đạo Tin lành, đạo Thiên chúa, trước chúng tôi không hiểu nhau, qua hai ngày hội thảo, chúng tôi có thể ngồi lại nói chuyện vui vẻ với nhau, vì chúng tôi có cái chung là lý tưởng Hồ Chí Minh: Muốn cho nhân loại được tự do, hạnh phúc<sup>1</sup>.

Hồ Chí Minh là một hiện tượng đa văn hóa. Các nhà báo nước ngoài từng tiếp xúc với Hồ Chí Minh đều nhận xét: Trong văn hóa Hồ Chí Minh có chất “uymua” Anh, chất lịch thiệp, trang nhã Pháp, chất thâm thúy, hàm súc của các nhà hiền triết phương Đông.

Trong nghiên cứu về tư tưởng, giá trị nhân văn Hồ Chí Minh, nhiều học giả, các nhà hoạt động chính trị, xã hội nước ngoài cho rằng, trong con người Hồ Chí Minh có sự kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa nhân văn với nhiệt tình và tinh thần cách mạng. T.N. Kaun, Chủ tịch Trung tâm Ấn Độ nghiên cứu về Đông Dương đã cho rằng: “Bác Hồ..., Người đại diện cho sự vĩ đại vốn có của Nhân dân Việt Nam, bình dị, chuyên cần, yêu quý trẻ thơ và thanh niên, thẳng thắn, trung thực, chân thành và

---

1. Xem Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.9.

một ý thức mạnh mẽ về nhân văn kết hợp với nhiệt tình có tinh thần cách mạng”. Còn Tiến sĩ M. Atmét, Giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cũng nói: Trong khi chiến đấu cả đời mình chống lại ách thống trị thực dân, Người vẫn là một nhà nhân văn chân chính trong tư tưởng và hành động.

*b) Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là sự thống nhất trong biện chứng giữa tính giai cấp với tính dân tộc và tính quốc tế, không phân biệt ranh giới quốc gia, dân tộc*

Trong chủ nghĩa nhân đạo Hồ Chí Minh, lòng nhân ái giữ vị trí hàng đầu, song nó không bó hẹp lòng thương người ở tình nghĩa đồng bào, những “người trong một nước phải thương nhau cùng”, mà mở rộng đến khắp năm châu bốn biển. Người luôn coi con người và cuộc sống ở bất cứ nơi đâu đều là giá trị cuối cùng và cao nhất phải đấu tranh giành được.

Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh đề xướng việc giải phóng hoàn toàn con người, mà trước hết và chủ yếu là giải phóng con người lao động bị áp bức bóc lột, thủ tiêu mọi gông xiềng, nô lệ, bất công, đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc, cơm no, áo ấm cho các dân tộc và mỗi con người. Tính giai cấp công nhân gắn liền với tính dân tộc, tính quốc tế và tính thời đại là một đặc trưng nổi bật nhất của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh.

Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh bao giờ cũng gắn liền hạnh phúc của những con người bị áp bức, bị đọa đày, đói khổ thuộc các dân tộc bị thống trị và lệ thuộc ở thuộc địa với độc lập dân tộc, với tự do, giai cấp được giải phóng.

Lòng thương yêu con người, gắn chặt với tình yêu Tổ quốc và dân tộc, đã thúc giục Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Sau khi trở thành Chủ tịch nước, mặc dù bận trăm công nghìn việc, Người luôn luôn quan tâm đến cuộc sống của nhân dân, đặc biệt nhân dân miền Nam đang sống dưới ách kìm kẹp của đế quốc Mỹ và nguy quyền. Khi đi thăm bất cứ nước nào, Người đều dành thời gian tiếp xúc với nhân dân lao động. Đối với các cháu thiếu niên, nhi đồng, Hồ Chí Minh không chỉ là “Bác Hồ” của Nhân dân, của thiếu nhi Việt Nam, mà còn của cả nhân dân, thiếu nhi nhiều nước trên thế giới. Lòng nhân ái, tư tưởng nhân đạo của Người đã chinh phục hết thảy Nhân dân Việt Nam và nhân loại tiến bộ.

Câu chuyện lịch sử năm 1931 về Hồ Chí Minh là một minh chứng điển hình. Nguyễn Ái Quốc (bí danh Tống Văn Sơ khi đó) bị cảnh sát Anh bắt giam trái phép tại Hương Cảng, Hồng Kông. Chính quyền Anh định dẫn độ Nguyễn Ái Quốc cho nhà cầm quyền Pháp để lấy tiền. Ngày 6-6-1931, nhận được tin này, Hồ Tùng Mậu cùng cộng sự liên hệ với *Quốc tế cứu tế đỏ* nhờ can thiệp và vận động luật sư Lôđôbi (người Anh) bào chữa, buộc chính quyền thực dân Anh trả lại

tự do cho Nguyễn Ái Quốc. Tại Viện bảo tàng cách mạng Việt Nam, tháng 1-1960, khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời sang thăm Việt Nam, trước đông đảo cán bộ và nhân viên của Viện, luật sư Lôdôbi đã nói: “Không phải tôi đã cứu Chủ tịch Hồ Chí Minh mà là chủ nghĩa nhân đạo của Người đã cứu Người; vì chủ nghĩa nhân đạo của Người nên các bạn tôi ở Hạ Môn, Hồng Kông và cả trên nước Anh cũng nhiệt tình giúp tôi giải thoát cho Người”.

Con người Bác còn là hiện thân sức mạnh của chính nghĩa. Nhiều chính khách nước ngoài gặp Bác hồi đó, cũng như sau này đều thể hiện sự cảm phục với Người. Ngay cả với kẻ thù, với một sự nhạy cảm lạ thường, Bác dường như thấu hiểu mọi trạng thái tư tưởng, tình cảm của đối phương. Bác đã vận dụng sắc bén những đối sách cụ thể đối với từng loại kẻ thù, với từng tên địch. Cả với những tên khét tiếng chống cộng, khi tiếp xúc với Bác đều phải tỏ ra kính nể. Đứng trước Bác, dường như chúng cũng bớt hung hãn đi nhiều<sup>1</sup>.

Tháng 9-1946, trong chuyến trở về Tổ quốc từ nước Pháp trên chiến hạm Đuymông Đuyécvin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hoàn toàn cảm hóa được cả thuyền trưởng và toàn bộ đoàn thủy thủ. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, binh lính

---

1. Xem Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1977, tr.303.

và sĩ quan trên chiến hạm này từ vịnh Hạ Long, theo lệnh cấp trên đã nã đại bác vào đất liền nhưng là những chỗ không người.

Ở chủ nghĩa nhân đạo Hồ Chí Minh, không có tình yêu thương con người chung chung, mà đó là tình thương yêu dành cho người bị áp bức, nghèo khổ ở bất cứ nước nào. Người đã phân biệt bạn thù rõ rệt, phân biệt nhân dân Pháp, Mỹ với những bọn thực dân đế quốc là người Pháp, Mỹ - những kẻ chủ mưu xâm lược, nuôi mộng thôn tính các dân tộc nhỏ yếu và đẩy nhân dân nước họ đến chỗ chết chóc. Vì vậy, Hồ Chí Minh bao giờ cũng độ lượng khoan dung với những người lầm đường lạc lối, đi đánh thuê cho bọn thực dân đế quốc.

Hồ Chí Minh là biểu tượng của lòng khoan dung, nhân ái, của việc thực hành lối sống nhân văn. Nhà sử học Ba Lan Hêlen Tuôcmêrô đã viết về Người: Hồ Chí Minh là hình ảnh hoàn chỉnh của sự kết hợp đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học của Mác, thiên tài cách mạng của V.I. Lênin, tình cảm của người chủ gia tộc. Tất cả đều hòa hợp trong một dáng dấp tự nhiên<sup>1</sup>.

Tình yêu thương dân tộc trong Hồ Chí Minh đã quện chặt với tình yêu thương nhân loại bị bóc lột, đọa đày, áp bức. Đó là lý do vì sao tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh được ca tụng,

---

1. Xem Tạp chí *Cộng sản*, số 3-1992.

được noi theo và dần dần trở thành tư tưởng của thời đại. Nó không chỉ có tác dụng trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do mà còn phát huy ảnh hưởng trong công cuộc xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ sau khi các dân tộc đã thoát được ách đô hộ của thực dân.

*c) Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh thể hiện trong hành động cách mạng, lòng nhân ái, bao dung rộng lớn, biểu đạt quan điểm nhân sinh và triết lý nhân sinh hành động*

Chủ nghĩa nhân đạo, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là sự thể hiện tập trung quan điểm nhân sinh, triết lý nhân sinh của Người. Đó là triết lý sống cống hiến hết mình cho sự nghiệp giải phóng con người, giải phóng giai cấp và giải phóng nhân loại. Một cuộc đấu tranh không mệt mỏi để xóa bỏ áp bức, bất công, phi lý; giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân; cho tự do và phát triển bình đẳng của mọi dân tộc, toàn nhân loại.

Quan điểm, triết lý nhân sinh ở Hồ Chí Minh là sự gắn kết giữa chủ nghĩa nhân đạo cao cả với tư tưởng nhân văn sâu sắc, có cội nguồn là truyền thống nhân văn, nhân ái của dân tộc kết hợp với các giá trị nhân văn, nhân ái trong văn hóa phương Đông, phương Tây. Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa nhân đạo và tư tưởng nhân văn ấy là lòng thương yêu, quý trọng con người gắn với lòng yêu nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ. Mục tiêu của chủ nghĩa nhân đạo cao cả ấy là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã



hội, giải phóng con người và phát triển con người toàn diện. Phương thức thực hiện chủ nghĩa nhân đạo và tư tưởng nhân văn ấy bằng hành động cách mạng thực tiễn.

Suốt cuộc đời đấu tranh, Hồ Chí Minh cống hiến trọn vẹn đến hơi thở cuối cùng cho độc lập dân tộc, vì hạnh phúc của Nhân dân. Ngay cả khi phải từ biệt thế giới này theo quy luật sinh tồn, Người vẫn tiếc vì không còn được phục vụ Nhân dân lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Trước khi qua đời, Người không quên căn dặn Đảng và Chính phủ phải lấy công việc đối với con người làm công việc hàng đầu, coi đó là công việc đầu tiên cần phải làm, nhất thiết phải làm, ra sức làm.

Đối với những thương bệnh binh đã hy sinh một phần xương máu của họ trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, Đảng và Chính phủ phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn, chốn ở, phải mở những lớp dạy nghề thích hợp để họ có được hành trang cần thiết bước vào cuộc sống tự lập, tự lực cánh sinh.

Đối với những người đã anh dũng hy sinh vì Tổ quốc, mỗi địa phương cần xây dựng vườn hoặc bia kỷ niệm để mãi mãi ghi nhớ công lao của họ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho Nhân dân ta. Khi gia đình, người thân của họ thiếu sức lao động, gặp khó khăn, chính quyền địa phương cần phải giúp đỡ họ có công ăn việc làm thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Đối với những người còn trẻ, có nhiều cống hiến trong các lực lượng vũ trang và thanh niên xung phong, Đảng và Chính phủ cần chọn một số người ưu tú nhất để đào tạo họ thành những người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật giỏi, có tư tưởng, lập trường cách mạng vững vàng và lấy đó làm đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

Đối với phụ nữ, Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch bồi dưỡng, cất nhắc, giúp họ tiến bộ, trở thành những người lãnh đạo và đem lại quyền bình đẳng thực sự cho họ. Đối với nông dân, Đảng và Chính phủ cần có kế hoạch thực hiện miễn thuế nông nghiệp một năm cho họ để đồng bào hỉ hã, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất.

Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, Đảng và Chính phủ cần kết hợp giáo dục với sử dụng luật pháp để cải tạo, giúp đỡ họ trở thành những người lao động lương thiện<sup>1</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn thấu hiểu và căn dặn, khích lệ từng con người, từng đối tượng trong đời sống, công việc để mọi người đều làm tốt bổn phận, tham gia các hoạt động nhân đạo và tự tin vượt lên chính mình. Với thiếu niên nhi đồng Bác có 5 điều dạy: “Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; học tập tốt, lao động tốt; đoàn kết tốt, kỷ luật tốt; giữ gìn vệ sinh thật tốt; khiêm tốn, thật thà, dũng

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.15, tr.616-617.

cảm”<sup>1</sup>. Đối với Quân đội nhân dân, Bác quán triệt: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”<sup>2</sup>. Đối với Công an nhân dân, Bác có 6 điều dạy: “Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính. Đối với đồng sự, phải thân ái, giúp đỡ. Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành. Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép. Đối với công việc, phải tận tụy. Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo”<sup>3</sup>. Bác còn căn dặn, khích lệ các địa phương, đơn vị, công trường, nhà máy; luôn theo dõi gương người tốt, việc tốt để tặng thưởng Huy hiệu Bác Hồ - phần thưởng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tặng cho các cá nhân có những gương làm việc tốt<sup>4</sup>.

Tinh thần, đạo đức, tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sâu sắc ở bức thư mà Người gửi cho gia đình bác sĩ

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.131-132.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.435.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.498-499.

4. Phần thưởng Huy hiệu Bác Hồ có ý nghĩa quan trọng trong công tác giáo dục, động viên người dân Việt Nam khi có những gương làm việc tốt mà Bác Hồ đọc được trên báo chí của miền Bắc Việt Nam vào những năm 1959 đến năm 1969.

Vũ Đình Tụng<sup>1</sup> - Chủ tịch Hội Hồng thập tự lúc bấy giờ, khi con trai thứ ba của ông, anh Vũ Chí Thành, tự vệ thành Hoàng Diệu, hy sinh ngày 2-1-1947 do vết thương quá nặng, mặc dù được chính bác sĩ Vũ Đình Tụng và tập thể kíp mổ của Bệnh viện Bạch Mai cứu chữa.

Thư viết:

*“Gửi bác sĩ Vũ Đình Tụng,*

*Thưa ngài,*

Tôi được báo cáo rằng: Con giai ngài đã oanh liệt hy sinh cho Tổ quốc.

Ngài biết rằng tôi không có gia đình, cũng không có con cái. Nước Việt Nam là gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu của tôi. Mất một thanh niên thì hình như tôi đứt một đoạn ruột.

---

1. Bác sĩ Vũ Đình Tụng, sinh ngày 25-6-1895 tại làng Trinh Xuyên, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông là một trí thức công giáo, giàu lòng yêu nước và là một thầy thuốc có y đức cao, tận tụy với người bệnh không kể giàu nghèo, luôn hết lòng với các hoạt động từ thiện xã hội. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông là Giám đốc Nha Y tế Bắc Bộ và khi Bộ Thương binh - Cựu binh được thành lập (ngày 19-7-1947), ông được cử làm Bộ trưởng đầu tiên. Ngày 23-11-1946, tại Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Hội Hồng thập tự Việt Nam, họp tại đình làng Thanh Âm, Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Tây (nay là Hà Nội), ông được bầu làm Chủ tịch đầu tiên của Hội. Ông liên tục ở cương vị lãnh đạo cao nhất của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam qua bốn kỳ đại hội cho đến khi qua đời năm 1974.

Nhưng cháu và anh em thanh niên khác đừng cảm hy sinh để giữ gìn đất nước. Thế là họ đã làm rạng rỡ dân tộc, vẻ vang giống nòi. Họ chết cho Tổ quốc sống mãi; vật chất họ mất nhưng tinh thần họ vẫn luôn luôn sống với non sông Việt Nam.

Họ là con thảo của Đức Chúa, họ đã thực hiện cái khẩu hiệu: Thượng đế và Tổ quốc. Những thanh niên đó là dân tộc anh hùng. Đồng bào và Tổ quốc sẽ không bao giờ quên ơn họ.

Ngài đã đem món của quý báu nhất là con của mình, sẵn sàng hiến cho Tổ quốc. Từ đây chắc ngài sẽ thêm ra sức giúp việc kháng chiến để bảo vệ nước nhà thì linh hồn cháu ở trên trời cũng bằng lòng và sung sướng.

Tôi thay mặt Chính phủ cảm ơn ngài, và gửi ngài lời chào thân ái và quyết thắng!

*Tháng 1 năm 1947.*

HỒ CHÍ MINH<sup>1</sup>.

Với Hồ Chí Minh, cái quý giá nhất không chỉ là con người mà còn là độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của Nhân dân. Người khẳng định chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Với Người, độc lập và tự do không chỉ là cái quý giá nhất, mà còn là chân lý. Độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân là khát vọng suốt đời của

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.49.

Người. Xuất phát từ quan niệm đó, Người cho rằng, mục tiêu số một khi đất nước đang chìm đắm trong ách nô lệ là giải phóng dân tộc; còn khi đất nước đã được độc lập, Nhân dân đã được tự do thì mục tiêu hàng đầu, nhiệm vụ trung tâm là xây dựng chủ nghĩa xã hội mà mục tiêu cuối cùng là vì con người, vì hạnh phúc thực sự của Nhân dân.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội, với Hồ Chí Minh, không chỉ gắn liền với độc lập dân tộc, là con đường, cách thức để giữ vững độc lập dân tộc, mà còn là con đường, cách thức để thực hiện dân sinh, an sinh xã hội. Bởi lẽ, chủ nghĩa xã hội, trong quan niệm của Người, là chế độ xã hội trước hết làm cho nhân dân lao động có công ăn việc làm ổn định, mọi người ai cũng có được cuộc sống ngày một đầy đủ, ấm no và hạnh phúc. Đó là một xã hội mới, công bằng, nhân đạo và tốt đẹp, có mục tiêu cụ thể là dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh, con người hạnh phúc. Mục tiêu đó được Người nói một cách đơn giản và dễ hiểu là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trước hết là cho quần chúng nhân dân lao động. Với quan niệm như vậy về chủ nghĩa xã hội, Người đã khẳng định: “Điều quan trọng bậc nhất trong kế hoạch kinh tế của chúng ta hiện nay là *nhằm cải thiện đời sống của Nhân dân*”<sup>1</sup>.

Khẳng định đó càng cho thấy, trong quan niệm của Hồ

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.314.

Chí Minh, chủ nghĩa xã hội trước hết phải là xã hội vì con người, đem lại cho con người bản chất người đích thực; và ở đó, không chỉ dân sinh, mà cả an sinh xã hội được thực hiện và đảm bảo. Chỉ với một quan điểm nhân sinh, một triết lý nhân sinh hành động, thấm đượm chủ nghĩa nhân đạo cao cả và tư tưởng nhân văn sâu sắc, Người mới có được quan niệm như vậy về chủ nghĩa xã hội, về mục tiêu nhân đạo xã hội chủ nghĩa.

*d) Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh vừa rộng lớn, khái quát, vừa sâu sắc, phong phú nhưng cụ thể, thực tiễn*

Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là hệ thống những quan điểm toàn diện về sự tôn trọng phẩm giá, các quyền cơ bản của con người; về cuộc sống hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của nhân cách làm người; về tạo cho con người có được điều kiện sống, làm việc, sinh hoạt mang bản chất người. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh cũng phản ánh sâu sắc quan điểm của Người về công tác nhân đạo. Ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nhận rõ vai trò, vị trí quan trọng của công tác nhân đạo và Người coi đây như một trong những nhiệm vụ cấp thiết của cách mạng Việt Nam. Mục tiêu của công tác nhân đạo theo Hồ Chí Minh suy cho cùng là: tất cả vì con người. Người dạy cán bộ, hội viên Hội Chữ thập đỏ Việt Nam: Phải xuất phát từ tình thương yêu nhân dân tha thiết mà góp phần bảo vệ sức khỏe nhân

dân và làm mọi việc có thể làm được để giảm bớt đau thương cho họ. Đây cũng chính là mục tiêu cao nhất mà Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, mục tiêu công tác nhân đạo được xác định là hướng tới thực hiện thắng lợi mục tiêu của cách mạng nước nhà; góp phần thực hiện chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước và tập trung mọi lực lượng vật chất, tinh thần xây dựng thành công khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Khi đất nước chuyển sang thời bình, vai trò, mục tiêu của công tác nhân đạo hướng tới là tham gia hàn gắn vết thương chiến tranh, thực hiện những nhiệm vụ thích hợp để góp phần xoa dịu nỗi đau do chiến tranh gây ra, góp phần ổn định đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Để tập hợp đông đảo lực lượng quần chúng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, Người chủ trương thức tỉnh lương tri còn sót lại trong những con người tội lỗi<sup>1</sup>. Trong bài “Khoan hồng mà không nhu nhược”, ký bút danh Chiến Thắng, Người viết: “Đối với quan lại cũ, trừ những bọn đại gian, đại ác, Chính phủ Cộng hòa ta cũng tỏ một độ lượng

---

1. Chủ trương này của Người rất vô tư, như một trong 7 nguyên tắc hoạt động cơ bản của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế: nhân đạo, vô tư, trung lập, độc lập, tự nguyện, thống nhất, toàn cầu.



không để tâm moi ra những tội cũ đem làm án mới làm gì”<sup>1</sup>.

Trong những lần gặp gỡ, tiếp xúc, trong thư từ, điện văn, lời kêu gọi đồng bào cả nước, Người đều dành những lời tâm huyết nhắn gửi tới tất cả những ai còn chưa tham dự vào công việc chung. Ngày 31-5-1946, trong “Thư gửi đồng bào Nam Bộ” trước khi lên đường sang thăm nước Pháp và dự Hội nghị Phôngtennoblô, Người viết: “Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang”<sup>2</sup>.

Thực hiện chính sách nhân đạo trong chiến tranh đã rất quan trọng, thì khi hòa bình, độc lập, mức độ quan trọng lại càng tăng lên gấp bội. Cho đến những phút giây cuối, khi nằm trên giường bệnh, Hồ Chí Minh vẫn luôn canh cánh trong lòng: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ bị chế độ phong

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.49.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.279-280.

kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh... Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của Nhân dân*<sup>1</sup>. Theo Người, xã hội ấy có nhiệm vụ: “Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm. Người nào cũng biết chữ. Người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước”<sup>2</sup>.

Có thể nói, đề cập tới “chính sách nhân đạo” trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đề cập những giá trị tinh thần lớn lao. Chính sách nhân đạo đó có ý nghĩa cải tạo thực tiễn, vì con người và giải phóng con người. Là quan điểm nhân sinh thấm đượm chủ nghĩa nhân đạo cao cả và tư tưởng nhân văn sâu sắc, là triết lý nhân sinh hành động Hồ Chí Minh. Quan điểm nhân sinh đó, triết lý nhân sinh đó lấy thực tiễn cuộc sống làm điểm xuất phát, lấy giải phóng và phát triển con người làm mục tiêu. Đó là quan điểm hành động, vì cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mỗi người, cho dân tộc và cho cả cộng đồng nhân loại. Với Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội không chỉ gắn liền với độc lập dân tộc, mà còn là con đường, phương thức để giữ vững độc lập dân tộc, thực hiện quyền con người và an sinh xã hội.

*e) Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh mang đậm đặc điểm*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.81.

### *của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản*

Một trong những giá trị mà chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra cho loài người là con đường, cách thức để con người, nhất là những người cùng khổ, các dân tộc bị áp bức, bóc lột trên thế giới đi đến giải phóng mình, giải phóng xã hội. Tự do, hạnh phúc của con người chính là lý tưởng nhân đạo cao cả nhất mà nhân loại hướng tới thực hiện. Ngay từ rất sớm, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng: “Những ai đem lại hạnh phúc cho một số lượng người nhiều nhất là người hạnh phúc nhất”. Hạnh phúc này là thước đo quan trọng nhất của chủ nghĩa nhân đạo cao cả, chủ nghĩa cộng sản với ước vọng về một xã hội tốt đẹp hơn.

Kế thừa, tiếp thu giá trị chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và giá trị nhân đạo Đông - Tây, cùng với truyền thống nhân ái, bao dung, nhân đạo của dân tộc, ngay sau khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy hợp điểm của giá trị nhân đạo cộng sản và sứ mệnh cao cả của chủ nghĩa cộng sản đối với nhân loại. Người cho rằng: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách

tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”<sup>1</sup>.

Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là gắn liền hạnh phúc của những con người bị áp bức, đọa đày thuộc các dân tộc bị thống trị và lệ thuộc ở thuộc địa với độc lập dân tộc, với tự do, giai cấp được giải phóng. Vì thế, theo Hồ Chí Minh: “Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”<sup>2</sup>. Muốn giải phóng con người trước hết phải giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Quan điểm này nhất quán trong suốt cả cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh: Người có lòng nhân đạo là người lạc quan, có một lòng thương cao cả đối với nhân loại, đối với nhân dân, đồng chí bè bạn của mình. Người ta không thể nói gì đến lạc quan hay tự trọng nếu người ta không có chút thương yêu đối với Tổ quốc, đối với Nhân dân của mình. Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, tình yêu này thật trong sáng và sâu rộng. Với ý nghĩa đó, tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là tư tưởng hướng tới giải phóng những người nghèo khổ trên thế giới; tình yêu thương con người đã biến thành tình yêu thương đồng loại trên tinh thần tất cả vì những người cùng khổ, người bị áp bức, bóc lột.

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.496, 441.

Tính chất xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh thể hiện trong bản chất, trong mục đích, nhiệm vụ và chức năng mà nó thực hiện trong đời sống xã hội của con người. Ngoài tính chất triệt để, phạm vi bao quát rộng, tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh còn hướng tới mục tiêu cao cả là vì hạnh phúc cho con người trên phạm vi toàn thế giới. Điều này cho thấy tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh hòa vào dòng chảy giá trị nhân đạo mà loài người đã dày công vun đắp, xây dựng. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh không chỉ là cội nguồn sức mạnh của Nhân dân Việt Nam, dân tộc Việt Nam, mà còn lan tỏa, vươn ra tầm quốc tế, góp phần hình thành giá trị nhân loại, là nhân tố thúc đẩy sự hiểu biết và xích lại gần nhau giữa các quốc gia, dân tộc, phấn đấu hình thành nên một “thế giới đại đồng” cộng sản chủ nghĩa, trong đó con người được tôn trọng, đối xử bình đẳng với nhau đúng nghĩa như những con người.

### III- TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO HỒ CHÍ MINH TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

#### **1. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân và nâng cao giáo dục đạo đức công dân<sup>1</sup>**

---

1. Phần viết này tham khảo và sử dụng một số nội dung trong *Giáo*

Quá trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh gắn liền với những nhận thức, tìm kiếm, lựa chọn một hình thức, chế độ nhà nước thích hợp, thúc đẩy dân tộc Việt Nam phát triển theo đúng quỹ đạo tiến bộ xã hội. Ngay ở tuổi trưởng thành, trên quê hương mình, Hồ Chí Minh đã thấy rõ bộ mặt phản nhân tính của nhà nước thực dân phong kiến. Đó là hình thức nhà nước xấu xa, tồi tệ nhất mà nhân loại từng biết đến, nhưng lại là một sản phẩm tất yếu của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới. Toàn bộ bản chất thật sự của nhà nước đó được Hồ Chí Minh bóc trần, lên án gay gắt trong nhiều tác phẩm, bài nói, bài viết, trước hết là tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Xuất phát từ nhu cầu giải phóng dân tộc, trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, là lý luận cách mạng tiên tiến nhất của thời đại để soi sáng con đường giải phóng dân tộc sau đó. Trong nhận thức của Hồ Chí Minh, nhà nước tư sản dù ở Mỹ hay ở Pháp, mặc dù đã xác lập được một hệ thống giá trị theo các chuẩn mực dân chủ và nhân đạo, nhưng về thực chất vẫn là công cụ thống trị của một số người, vì lợi

---

*trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011 và bài viết của GS.TS. Hoàng Chí Bảo: “Đạo đức Hồ Chí Minh - Một kiểu mẫu về sự nhất quán giữa tư tưởng và hành động”, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 5+2005, tr.9-14.

ích của thiểu số; đại bộ phận dân chúng vẫn bị bóc lột, nô dịch cả ở chính quốc lẫn ở các nước thuộc địa. Cái gọi là “thiên đường của dân chủ, tự do”, lý tưởng bình đẳng, bác ái chỉ là những ngôn từ sáo rỗng, không có nội dung xã hội xác thực.

Đối lập với nhà nước tư sản là nhà nước Xôviết còn non trẻ, nhưng đã bộc lộ sức sống và những ưu thế nổi trội của mình, hướng vào phục vụ quần chúng công - nông - binh, thật sự vì lợi ích của họ. Đây chính là loại hình nhà nước của chế độ xã hội mới mà cách mạng Việt Nam phải đi theo. Để lựa chọn kiểu nhà nước theo xu thế vận động của lịch sử, Hồ Chí Minh dựa trên hai cơ sở chính là: tính chất nhân dân và khả năng của nhà nước trong việc bảo đảm cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc, thỏa mãn các “nhu cầu trần thế” của nhân dân và con người. Ở Hồ Chí Minh, việc lựa chọn kiểu nhà nước gắn bó chặt chẽ với mục tiêu giải phóng con người và phát triển xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, ngay từ những ngày đầu tiên, chính quyền mới đã hướng vào giải quyết và thỏa mãn các nhu cầu tối cần thiết của Nhân dân. Tiếp đó, Nhà nước Việt Nam ngày càng được củng cố và hoàn thiện về các mặt: lập pháp, hành pháp và tư pháp, thật sự là công cụ quyền lực của Nhân dân, đại diện cho ý chí, lợi ích và nguyện vọng của toàn dân tộc. Trong xây dựng và lãnh đạo nhà nước, Hồ Chí Minh đã tuân thủ các nguyên tắc cơ bản,

bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có phân công, phân nhiệm rõ ràng nhằm thực hiện mục tiêu dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc. Hồ Chí Minh luôn luôn căn dặn cán bộ chính quyền, đoàn thể phải tin ở dân, vì khả năng của dân là to lớn, là vô tận. Trong toàn bộ hoạt động của mình với cương vị là người đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn khẳng định tư tưởng nước lấy dân làm gốc, lợi ích của Nhân dân là trước hết và trên hết, nhiệm vụ của chính quyền và đoàn thể là phụng sự Nhân dân.

Xây dựng một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ là tư tưởng nhất quán trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Đây cũng là một kết luận mà Người rút ra khi khảo sát các cuộc cách mạng Mỹ, Pháp, Nga. Nhà nước Việt Nam kiểu mới thể hiện khối đại đoàn kết dân tộc, trong đó công, nông là gốc và trí thức ngày càng có vị trí quan trọng, đặc biệt khi đất nước bước vào thời kỳ xây dựng, phát triển. Tất cả mọi người dân Việt Nam, không phân biệt gái trai, giàu nghèo, nòi giống, dân tộc, tôn giáo... đều là người chủ của Nhà nước, có trách nhiệm xây dựng Nhà nước. Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Hồ Chí Minh khẳng định: Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể Nhân dân Việt Nam. “NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ. Bao nhiêu lợi ích đều Vì DÂN. Bao nhiêu quyền hạn



đều CỬA DÂN”<sup>1</sup>. Trong quốc hiệu với 12 chữ vàng “Việt Nam - Dân chủ - Cộng hòa - Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” cũng thể hiện rất rõ tư tưởng này.

Tính chất dân chủ nhân dân là đặc trưng nổi bật của nhà nước kiểu mới. Ở nước ta, Nhân dân là người nắm giữ mọi quyền lực, còn các cơ quan nhà nước do Nhân dân tổ chức ra, nhân viên nhà nước là người được ủy quyền, thực hiện ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, trở thành công bộc của nhân dân. Thể chế dân chủ cộng hòa đã làm thay đổi tận gốc quan hệ quyền lực chính trị và thực hiện quyền lực, nhân dân được đặt ở vị trí cao nhất, Nhà nước không còn là công cụ thống trị, nô dịch dân như trong thời phong kiến, tư bản.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân làm chủ còn bao hàm một nội dung quan trọng khác, đó là Nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước. Hồ Chí Minh viết: “Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân”<sup>2</sup>.

Nhà nước ta là nhà nước phục vụ quyền lợi của Nhân dân, nhà nước dân chủ trên thực tế và trong hành động. Ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đã nêu bật sự khác nhau căn bản về chất giữa Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với các loại hình nhà nước trước đó: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.466.

Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”<sup>1</sup>.

Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn cán bộ phải quan tâm đến những kiến nghị, đề đạt của nhân dân: “Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề đau khó đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới. Phải chăm lo việc cứu tế nạn nhân cho chu đáo, phải chú ý trừ nạn mù chữ cho dân. Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý”<sup>2</sup>.

Về quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân, Hồ Chí Minh xác định: “Nếu không có Nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì Nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với Nhân dân phải đoàn kết thành một khối”<sup>3</sup>. Chức năng đối nội cơ bản của Nhà nước ta là hướng dẫn nhân dân tổ chức tốt đời sống, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần nhằm thỏa mãn nhu cầu cần thiết hằng ngày. Theo Hồ Chí Minh, việc đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu, lợi ích của nhân dân là tiêu chí số một để đánh giá hiệu quả

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.64-65, 51-52, 64.

năng lực hoạt động của nhà nước.

Hồ Chí Minh cũng đặc biệt quan tâm tới vấn đề đạo đức con người. Đề cập về vai trò quan trọng của đạo đức, Người viết: “*Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được Nhân dân*”<sup>1</sup>. Trong tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh có sự nhất quán, thống nhất giữa quản lý bằng pháp luật với việc nâng cao giáo dục đạo đức công dân. Tuy Hồ Chí Minh không dùng chữ “đức trị” hay “pháp trị”, nhưng trong thực tế Người đã kết hợp chặt chẽ việc quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật với việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh công dân cho cán bộ và Nhân dân. Pháp luật và đạo đức đều dùng để điều chỉnh hành vi của con người, nâng con người lên, hướng con người tới chân, thiện, mỹ. Nếu các điều luật cho phép con người được hay không được làm việc này hay việc khác thì đạo đức chỉ khuyên người ta nên hay không nên làm. Thông thường, một hành động vi phạm pháp luật cũng đồng thời vi phạm đạo đức. Cũng có trường hợp vi phạm đạo đức nhưng chưa tới mức vi phạm pháp luật, Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt tới cả hai lĩnh

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.292.

vực pháp luật và đạo đức. Người kết hợp hài hòa, gắn bó giữa đạo đức và pháp luật trong xử trí từng trường hợp. Theo Người, pháp luật cũng nhằm mục đích thực hiện mục tiêu lý tưởng của cách mạng, do đó phải giáo dục cho mọi người có ý thức tự giác, đạo đức cách mạng mới làm cho luật pháp được thực hiện.

Sự thống nhất giữa đạo đức và pháp luật trong tư tưởng Hồ Chí Minh còn thể hiện ở quan điểm xử lý các hành vi phạm pháp. Nguyên tắc “có lý, có tình” chi phối mọi hành vi ứng xử của Người, tôn trọng cái lý, đề cao cái tình, tùy từng trường hợp và tình huống cụ thể mà Hồ Chí Minh nhấn mạnh mặt này hay mặt khác. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật phải nghiêm túc, nghiêm minh. Pháp luật không loại trừ một ai nhằm ngăn cái xấu, cái ác, phát huy cái tốt, cái thiện chứ không đơn thuần trừng phạt, răn đe. Người căn dặn: “hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng là không đúng”<sup>1</sup>. Hồ Chí Minh có tấm lòng độ lượng, bao dung nhưng không bao che, khoan hồng nhưng nghiêm khắc, luôn đấu tranh một cách chân thành, thẳng thắn với những khuyết điểm, sai lầm, với những hành vi phạm pháp.

Trong những năm trực tiếp lãnh đạo Nhà nước, Hồ Chí

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.324.

Minh đã từng bước xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam. Ngoài hai bản Hiến pháp năm 1946 và năm 1959 do Người làm Trưởng ban soạn thảo, Hồ Chí Minh đã ký 16 đạo luật và 1.300 văn bản dưới luật. Khối lượng văn bản luật đó luôn thể hiện và thực hiện việc đề cao tính nhân đạo và nhân văn, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và hiệu lực thực tế của các điều luật. Trước khi ban hành lệnh hay sắc lệnh, Hồ Chí Minh hết sức lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của cán bộ, nhân dân và nhất thiết tôn trọng nguyên tắc thông qua Thường trực Quốc hội.

Trong 24 năm đứng đầu Nhà nước, Hồ Chí Minh đã dày công xây dựng các thiết chế, thể chế và cơ chế dân chủ, khơi nguồn truyền thống *dân chủ* và *nhân đạo* ở Việt Nam - hai đặc điểm nổi bật của Nhà nước Việt Nam. Đặc biệt, Người đã để lại một tấm gương sáng về đạo làm người, về đạo đức liêm khiết, trong sạch, hết lòng phục vụ Nhân dân, vì dân, vì nước và một phong cách lãnh đạo đặc sắc - phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh.

## **2. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh về xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội và chăm sóc thương, bệnh binh<sup>1</sup>**

---

1. Phần này có sử dụng bài viết “Triết lý xóa đói, giảm nghèo vì mục tiêu phát triển xã hội trong tư tưởng của Hồ Chí Minh” của PGS. TS. Lê

Đói nghèo là một thực trạng của quá trình phát triển kinh tế, đã và đang diễn ra trên khắp các châu lục với mức độ khác nhau, đặc biệt ở các nước lạc hậu, chậm phát triển và chính trị không ổn định. Xóa đói, giảm nghèo không còn là vấn đề của mỗi quốc gia riêng biệt mà đã trở thành vấn đề toàn cầu. Chính vì vậy, trong những năm gần đây, nhiều quốc gia và các tổ chức quốc tế đã quan tâm tìm các giải pháp nhằm hạn chế nghèo đói và giảm dần khoảng cách phân hóa giàu, nghèo trên phạm vi toàn thế giới. Tại Hội nghị cấp cao thiên niên kỷ của Liên hợp quốc (tháng 9-2000) với sự tham gia của hơn 150 vị đứng đầu nhà nước, chính phủ cùng nhiều quan chức của tổ chức này đã ra “Tuyên bố Thiên niên kỷ” với 8 mục tiêu, trong đó có mục tiêu xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực. Hội nghị đánh giá cao những cố gắng của Việt Nam trong xóa đói, giảm nghèo.

Triết lý xóa đói, giảm nghèo, vì sự phát triển xã hội trong tư tưởng của Hồ Chí Minh là một triết lý phát triển bền vững nhằm bảo đảm một xã hội có tăng trưởng kinh

---

Quốc Lý, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và bài viết “Hồ Chí Minh - Người đặt nền móng tư tưởng xoá đói, giảm nghèo” của Nguyễn Thị Thanh Hương: <http://baonghean.vn/dua-nghi-quiet-cua-dang-vao-cuoc-song/dao-duc-ho-chi-minh/201009/ho-chi-minh-nguoi-dat-nen-mong-tu-tuong-xoa-doi-giam-ngheo-2494016/>.

tế cao với bảo đảm công bằng, tiến bộ xã hội và một môi trường, môi sinh trong lành, tươi đẹp nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người luôn luôn chăm lo đến đời sống nhân dân, đặc biệt chú ý đến vấn đề đói nghèo. Người kiến lập và đặt nền móng cho tư tưởng “xóa đói, giảm nghèo”. Chính Bác đã khai phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa kinh qua chủ nghĩa tư bản, bị chiến tranh tàn phá, từng bước đi tới một xã hội dân giàu, nước mạnh. Người luôn xác định: xóa đói, giảm nghèo là mục đích, là phương hướng chiến lược lâu dài của chủ nghĩa xã hội, giúp nhân dân thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn, việc làm, ấm no và đời sống hạnh phúc. Xóa đói, giảm nghèo không phải là công việc cứu tế, không phải là sự ban ơn mà là một cuộc cách mạng vĩ đại, bền bỉ, tận tâm, tận trí, tận lực.

Hạnh phúc, tự do, theo quan điểm Hồ Chí Minh, là người dân phải được hưởng đầy đủ đời sống vật chất và tinh thần do chủ nghĩa xã hội đem lại. Đời sống vật chất có được trên cơ sở một nền kinh tế cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Người dân từ chỗ có ăn, có mặc, có chỗ ở đến được ăn ngon, mặc đẹp, đời sống sung túc. “Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu

thêm”<sup>1</sup>. Người nhiều lần nêu lên quan niệm: Chúng ta tranh được tự do, độc lập mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ<sup>2</sup>. Nói như thế tức là Hồ Chí Minh đã đề cập những vấn đề tối thiểu và cơ bản nhất của con người: sống có chất lượng tốt, cả về vật chất và tinh thần, con người phát triển toàn diện, vươn tới tự do. Để đạt được điều đó, Hồ Chí Minh cho rằng, từ Chủ tịch nước cho đến người cấp dưỡng, quét rác, ai cũng cần làm tốt nhiệm vụ, ai làm tròn nhiệm vụ của mình thì đều là người cao thượng, là người làm tròn chữ “trung”. Chữ trung đó được đo bằng kết quả cụ thể, bằng hiệu quả công tác, chứ không phải bằng lời nói, bằng việc hô khẩu hiệu cho to, cho lớn, cho đồng dục, lời lẽ khẩu hiệu cho mỹ miều. Sinh ra và lớn lên trong vùng quê nghèo, nên Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm hiểu thấu đáo và chia sẻ sâu sắc với tình cảnh nghèo đói của đất nước, của nhân dân. Người nói: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>2</sup>.

Ngay từ những ngày đầu sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chính phủ cách mạng lâm thời

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.5, tr.81.

2, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.4, tr.175, 187.



do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu vừa được thành lập, phải đối phó với thù trong, giặc ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặc biệt chú ý đến vấn đề chống đói. Người kêu gọi toàn dân cùng Chính phủ tập trung lực lượng để chống ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, trong đó giặc đói được Người đặt lên hàng đầu, vì vậy, diệt giặc đói là một trong 6 nhiệm vụ cấp bách cần phải giải quyết. Bác coi đói nghèo là giặc, điều này thể hiện tinh thần và tư tưởng vĩ đại của Người. Theo Hồ Chí Minh, chỉ có nỗ lực xóa đói, giảm nghèo, quyết tâm “đánh đuổi” đói nghèo mới mong giúp xã hội phát triển, người dân ngày một giàu mạnh và phồn vinh.

Phát biểu trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 10-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”<sup>1</sup>. Chúng ta phải thực hiện ngay: “1. Làm cho dân có ăn. 2. Làm cho dân có mặc. 3. Làm cho dân có chỗ ở. 4. Làm cho dân có học hành”<sup>2</sup>. Người nhấn mạnh: “...chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của Nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4. tr.175.

lỗi”<sup>1</sup> và “Dân đủ ăn đủ mặc thì những chính sách của Đảng và Chính phủ đưa ra sẽ dễ dàng thực hiện. Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay đến mấy thì cũng không thực hiện được”<sup>2</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề đẩy mạnh tăng gia sản xuất và tiết kiệm để xóa đói giảm nghèo. Người đề nghị Hội đồng Chính phủ phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất và mở cuộc lạc quyên cứu đói. Người viết thư gửi đồng bào toàn quốc, kêu gọi nhân dân chống nạn đói, “Cuộc chống nạn đói cũng như cuộc chống ngoại xâm”<sup>3</sup>. Trong “Thư gửi nông gia Việt Nam”, Người khẩn thiết kêu gọi: “Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa... Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập”<sup>4</sup>. Người cũng phát động phong trào “Hũ gạo tiết kiệm”, để dành mỗi bữa ăn một nắm gạo nhỏ cho người nghèo và bản thân Người đã gương mẫu thực hiện. Người viết: “Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.9, tr.518.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.109, 135.

nghèo”<sup>1</sup>.

Mục tiêu của cách mạng là vì dân, do vậy không có lý do nào có thể biện giải cho việc để người dân phải sống trong cảnh đói nghèo. Chính vì lẽ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu: “Phải đem hết sức dân, tài dân, của dân làm cho dân”<sup>2</sup> và “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”<sup>3</sup>. Ở đâu và lúc nào, Hồ Chí Minh cũng luôn dành tình thương sâu đậm đối với các cụ già, em nhỏ, đặc biệt là giải phóng phụ nữ, có phong cách ứng xử văn hóa đặc biệt đối với phụ nữ. Đó là những con người dễ bị tổn thương trong các xã hội.

Đặc biệt hơn nữa, quan niệm của Hồ Chí Minh cũng giống như quan niệm đường dẫn của các tổ chức xã hội tiến bộ hiện nay trên thế giới khi cho rằng, phát triển con người là sự phát triển bao gồm tất cả các khía cạnh trong cuộc sống của mọi cá nhân, từ tình trạng sức khỏe tới đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, các yếu tố xã hội của con người; rằng, phát triển con người theo những mục tiêu đó là cái đích cuối cùng, tăng trưởng hay phát triển kinh tế là một phương tiện; rằng, mục tiêu cơ bản của phát triển là tạo ra một môi trường khuyến khích con người được hưởng cuộc

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.33.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.75.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

sống lâu dài, khoẻ mạnh và sáng tạo. Hồ Chí Minh chú ý đến tính toàn diện của sự phát triển. Điều này phù hợp với cách tính về Chỉ số phát triển con người (HDI) của Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), đó là: kết hợp các chỉ số cơ bản về y tế, giáo dục, tuổi thọ, mức sống. Theo Hồ Chí Minh, yêu cầu của xã hội cần đáp ứng sự đầy đủ cho con người ở mức cơ bản nhất về vật chất, trước hết là vật chất. Hồ Chí Minh dẫn lại câu tục ngữ: “Có thực mới vực được đạo”, nói lại câu của cổ nhân Trung Hoa “Dân dĩ thực vi thiên”, tức là dân lấy ăn làm Trời. Sau nữa là sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng trong xã hội với quan hệ của con người với con người, sự đồng thuận của toàn xã hội, sự hài hòa của con người với thiên nhiên.

Không chỉ quan tâm chăm lo cho nhân dân, Người đặc biệt quan tâm đến những thương bệnh binh, vì họ đã đóng góp nhiều công lao “đề bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào. Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào, mà các đồng chí chịu ốm yếu, què quặt”<sup>1</sup>. Hồ Chủ tịch kêu gọi đồng bào ta phải biết ơn, giúp đỡ những con người anh dũng ấy bằng cách: “...vài ba tháng nhịn ăn một bữa để giúp đỡ chiến sĩ bị thương”<sup>2</sup>. Nhưng Người cũng lưu ý: “...các cụ già thương thọ, các cháu bé sơ sinh, các bộ đội các mặt trận, những đồng bào đang đau yếu, thì không nên nhịn”<sup>3</sup>. Sự quan tâm chu đáo của Người đã làm họ thực sự xúc động và càng quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.204.

xâm lược. Đó chẳng những là việc cứu chữa bệnh tật mà còn là sự “nâng đỡ tinh thần những người ốm yếu”...

Bác không quên công lao của các chiến sĩ đã ngã xuống hay bị thương tật, nên cứ vào dịp ngày 27 tháng 7 hằng năm, Người luôn gửi thư thăm hỏi, động viên, nhắc nhở toàn Đảng, toàn dân nhớ đền ơn đáp nghĩa. Người đã gửi rất nhiều thư an ủi các gia đình có con thương binh liệt sĩ, trong đó có gia đình của bác sĩ Vũ Đình Tụng, Chủ tịch Hội Hồng thập tự, có con trai hy sinh. Như vậy, chính Người đã trở thành người “thầy thuốc nâng đỡ tinh thần”, đem lại một phương thuốc để làm dịu bớt nỗi đau thương của những gia đình mất con, làm khơi dậy ý chí quyết tâm và tinh thần trách nhiệm của họ để cống hiến cho đất nước.

Năm 1949, Người lại gửi thêm một lá thư riêng nữa tới bác sĩ Vũ Đình Tụng, lúc này đã là Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh, kiêm Chủ tịch Hội Hồng thập tự Việt Nam. Mặc dù Chủ tịch nước hơn bác sĩ Vũ Đình Tụng 5 tuổi, nhưng Người vẫn kính trọng gọi Bộ trưởng, Hội trưởng bằng “Cụ”.

“Thưa Cụ,

Mỗi năm đến 27-7 là Ngày Thương binh tử sĩ, nhân dân có dịp tỏ lòng biết ơn những chiến sĩ đã hy sinh xương máu cho Tổ quốc, cho đồng bào.

Hôm đó, Bộ không tổ chức lạc quyên. Nhưng Bộ vẫn trông mong và hoan nghênh đồng bào tùy hoàn cảnh mà gửi

thư, tặng quà hoặc quyên giúp.

Vậy tôi xin xưng phong:

Tặng một số khăn mặt và áo quần mà đồng bào các nơi đã biếu tôi.

Gửi một tháng lương của tôi là 1.000 đồng.

Và nhờ Cụ chuyển lời thân ái của tôi an ủi anh em thương binh cùng các gia đình tử sĩ.

Chào thân ái và quyết thắng.

HỒ CHÍ MINH”<sup>1</sup>.

Bàn tới hạnh phúc con người, Hồ Chí Minh bộc lộ một tư duy sớm về định hướng “phát triển bền vững” theo quan điểm hiện đại. Bước vào thế kỷ XXI, nhân loại đã bàn tới “Tuyên bố Thiên niên kỷ” (hay gọi là “Chương trình nghị sự 21”). Chương trình đó gồm 8 mục tiêu chứa đựng nội dung của phát triển bền vững<sup>2</sup>. Những nội dung này, ở những mức độ khác nhau, đã được phản ánh trong di sản Hồ Chí Minh. Mặc dù Người đã đi xa, nhưng ngày nay nhân loại vẫn nghĩ về Người, nói tới Người với sự ngưỡng mộ một tinh thần nhân văn cao cả. Đúng như lời

---

1. Báo *Cứu quốc*, số 1305, ngày 27-7-1949, trích Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.162.

2. Đó là: 1) Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực; 2) Đạt phổ cập giáo dục tiểu học; 3) Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ; 4) Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em; 5) Tăng cường sức khỏe bà mẹ; 6) Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác; 7) Bảo đảm bền vững về môi trường; 8) Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển.

phát biểu của ông Chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới Rômét Chandra: “Bất cứ nơi nào chiến đấu cho độc lập tự do, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu chiến đấu cho hòa bình công lý, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Ở bất cứ đâu, nhân dân chiến đấu cho một thế giới mới, chống đói nghèo, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao”<sup>1</sup>.

Trong lúc toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang ra sức thi đua “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, hơn lúc nào hết tinh thần xóa đói, giảm nghèo, dựng xây đất nước, phát triển bền vững theo lời dạy của Bác lại cần được nâng lên một tầm cao mới với sự tham gia ngày càng sâu rộng của người dân. Tinh thần xóa đói, giảm nghèo theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải được biến thành lẽ sống, khát vọng làm giàu, vươn lên của mọi người dân, của dân tộc Việt Nam, để đạt mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

### **3. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh về chăm sóc sức khỏe nhân dân<sup>2</sup>**

---

1. Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại*, Nxb. Lao động - Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1993, tr.90.

2. Phần này có sử dụng bài viết: “Hồ Chí Minh với quan điểm về sức khỏe, y tế và đạo đức của người thầy thuốc” của cô GS.TS. Đỗ Nguyên Phương, nguyên Bộ trưởng Bộ Y tế; bài viết “Tư tưởng Hồ Chí Minh về

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Ngay từ năm 1941, dưới sự lãnh đạo của Người, trong chương trình Việt Minh có ghi: “*Cần khuyến khích nền thể dục quốc dân, làm cho giống nòi ngày càng thêm mạnh*”. Chương trình hành động này còn chỉ rõ: “*Lập thêm nhà thương, nhà đỡ đẻ, nhà dưỡng lão*”. Ngày 27-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 38/SL thiết lập Nha Thanh niên và Thể thao Trung ương, đặt nền móng cho công tác quản lý nhà nước về thanh niên và thể thao, đồng thời Người viết bài: “Sức khỏe và thể dục”, vận động, khuyến khích mọi người dân tích cực rèn luyện sức khỏe và phát triển phong trào thể dục toàn dân. Trong những năm 1947-1967, Người có 25 bài viết và thư gửi ngành y tế và thương binh - xã hội, chỉ ra những quan điểm cơ bản về điều trị thương bệnh binh, kết hợp quân dân y, kết hợp đông tây y và công tác khác của ngành y tế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt coi trọng đến sức khỏe của người dân. Vì vậy, đảm bảo cho toàn dân khỏe mạnh chính là đảm bảo quyền lợi thiết thân, quyền được hạnh phúc của dân tộc, là điều kiện để thực hiện quyền tự do dân tộc. Người đã giao nhiệm vụ cho mọi ngành liên quan chăm lo bồi dưỡng, nâng cao sức khỏe nhân dân, xây dựng nền y tế

---

công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân” của GS.TSKH. Phạm Mạnh Hùng, nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương và bài viết của một số tác giả khác.



đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Bác Hồ từng nói: Chính sách của Đảng và Chính phủ phải hết sức chăm nom đến đời sống của Nhân dân... Nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi.

Sinh ra tại một vùng “địa linh nhân kiệt” như Nghệ An, nơi cách không xa quê ngoại của Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (Hương Sơn, Hà Tĩnh), lại lớn lên trong một gia đình nhà Nho có cha đã từng làm nghề bốc thuốc trị bệnh cứu người, ngay từ nhỏ Chủ tịch Hồ Chí Minh am hiểu sâu sắc về y lý, y thuật và y đạo của y học phương Đông. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác Hồ đã trải qua ít nhất trên 10 nghề khác nhau, trong đó Bác đã từng học và làm thầy thuốc. Năm 1929, trong thời gian hoạt động tại Thái Lan, Bác đã sống trong hiệu thuốc Bắc do lương y Đặng Văn Cáp phụ trách (sau này lương y Đặng Văn Cáp là Hội trưởng Hội Đông y Việt Nam). Tại đây, Bác bắt đầu học về thuốc và cách chữa bệnh. Người đọc nhiều sách thuốc, ghi chép lại cẩn thận các loại thuốc, y lý. Những điều đó giúp Người rất nhiều phương pháp nghiên cứu về Đông y, hình thành tư duy, quan điểm về chữa bệnh cứu người, phát triển nền y học dân tộc...

Ngày 28-1-1941, sau 30 năm đi tìm đường cứu nước, trở về Việt Nam, Bác đã sống cùng bà con dân tộc Cao Bằng. Điều đầu tiên Bác quan tâm là đời sống của nhân dân, đặc biệt là công tác vệ sinh. Ở nhiều bản, trẻ bị ghê, lở, chốc đầu,

Bác gọi các cháu ra suối, tự Bác kỳ cọ, tắm rửa sạch sẽ cho từng cháu một. Bác lặn lội vào rừng sâu tìm cây để nấu thuốc, chữa trị rất hiệu quả. Bà con dân bản phục lắm, gọi Bác là “*Ông Ké có thuốc tiên!*”.

Hồ Chí Minh không chỉ vạch cho Nhân dân ta phương hướng vươn tới cuộc sống ấm no, khoẻ mạnh, vui tươi và hạnh phúc, mà chính Người, dù bận trăm công ngàn việc, vẫn đi đầu, gương mẫu trong phong trào luyện tập thể dục. Năm 1948, sau chiến thắng Việt Bắc Thu Đông, phóng viên tờ báo Pháp *La Tribune* (Diễn đàn) đã phỏng vấn Hồ Chủ tịch, trong đó có nội dung: “Thưa Cụ, lâu nay sức khỏe của Cụ như thế nào?”. Bác trả lời: “Cảm ơn quý Báo, sức khỏe của tôi vẫn tốt. Một ngày tôi có thể đi bộ hơn 40 cây số”. Hồ Chủ tịch luôn luôn ý thức rõ ràng rằng: “Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công”<sup>1</sup>. Người coi việc “luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người yêu nước”<sup>2</sup>. Mùa xuân năm 1958, Bác Hồ dẫn đầu Đoàn đại biểu Chính phủ ta sang thăm Ấn Độ. Bác đến thăm tháp Cutapmina, cao 73 mét, 379 bậc. Người đã leo hết 379 bậc, lên tận đỉnh tháp và cầm hoa vẫy chào mọi người trước con mắt ngạc nhiên của các quan chức ngoại giao nước bạn. Sau sự kiện đó, hôm sau, báo chí Ấn Độ đưa tin: Chưa có vị đứng đầu nhà nước nào cao tuổi như Cụ Hồ có thể leo một mạch lên đỉnh tháp Cutapmina

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.241.

để ngắm nhìn Thủ đô Niu Đêli.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm sóc sức khỏe nhân dân thực sự là kim chỉ nam cho hoạt động của ngành y tế và các lực lượng liên quan, tiếp tục định hướng cho chiến lược chăm sóc sức khỏe của đất nước trong thời gian tới. Theo Hồ Chí Minh, sức khỏe con người luôn hàm chứa sự lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần. Khi nói về sức khỏe, Bác dạy rằng: “... khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ, như vậy là sức khỏe”<sup>1</sup>. Tổ chức Y tế thế giới trong tuyên ngôn Alma Ata năm 1976 đưa ra khái niệm: “Sức khỏe là trạng thái hoàn toàn thoải mái về tâm hồn, về thể xác, về xã hội”. Ngày nay y học hiện đại cũng định nghĩa: Sức khỏe là một tình trạng thoải mái hoàn toàn về thể chất, tinh thần và xã hội, chứ không phải chỉ là một tình trạng không có bệnh tật hay tàn tật. Như vậy, trước Tuyên ngôn Alma Ata gần nửa thế kỷ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có một quan niệm chính xác về sức khỏe. Quan điểm này luôn thể hiện trong các chỉ đạo của Bác về sức khỏe. Trong thư gửi Hội nghị Quân y tháng 3-1948, Bác viết: “Người thầy thuốc chẳng những có nhiệm vụ cứu chữa bệnh tật mà còn phải nâng đỡ tinh thần những người ốm yếu”<sup>2</sup>.

Bác Hồ luôn đặt vấn đề sức khỏe của mỗi người dân

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.241.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.487.

trong tổng thể vấn đề sức khỏe chung của dân tộc và những vấn đề lớn lao của đất nước. Trong bài viết bài *Sức khỏe và thể dục* đăng báo *Cứu quốc* số 199, ngày 27-3-1946, Người căn dặn: “Giữ gìn dân chủ, gây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới thành công. Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe tức là cả nước mạnh khỏe. Vậy nên luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người yêu nước. Việc đó không tốn kém, khó khăn gì. Gái trai, già trẻ ai cũng nên làm và ai cũng làm được... Dân cường thì quốc thịnh. Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục”<sup>1</sup>.

Bác đã phát động phong trào “Đời sống mới” với nội dung chủ yếu là giữ gìn vệ sinh. Bác cũng cho rằng, vấn đề sức khỏe có mối quan hệ trực tiếp với cuộc kháng chiến và kiến quốc. Người nói: “Sức khỏe của cán bộ và nhân dân được bảo đảm thì tinh thần càng hăng hái. *Tinh thần* và sức khỏe đầy đủ thì kháng chiến càng nhiều thắng lợi, *kiến quốc* càng mau thành công”<sup>2</sup>. Vì lẽ đó mà đối với tầng lớp nào, lứa tuổi nào, Bác cũng luôn dặn dò mọi người phải giữ gìn và nâng cao sức khỏe. Đối với các cháu thiếu nhi, Bác khuyên: “Phải siêng tập thể thao cho mình mấy được nở nang”<sup>3</sup>.

*Trong công tác chăm sóc sức khỏe, Chủ tịch Hồ Chí*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.241.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.154.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.15.

*Minh rất coi trọng vấn đề phòng bệnh. Bác nói: “phòng bệnh hơn chữa bệnh”<sup>1</sup>. Quan điểm này của Bác đặt nền móng và định hướng cơ bản cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, đồng thời phù hợp hoàn toàn với định hướng của nền y học thế giới. Ngày 2-7-1958, Bác Hồ viết bài vệ sinh yêu nước, đăng trên báo *Yêu nước nhân dân* số 1572, trong đó có đoạn: “... việc gì lợi cho dân, thì phải làm cho kỳ được. Việc gì hại cho dân, thì phải hết sức tránh”<sup>2</sup>. Sau bài viết của Bác, phong trào vệ sinh yêu nước được đẩy lên và được hào hứng hưởng ứng trong toàn quốc<sup>3</sup>. Giai đoạn từ năm 1958 đến năm 1975, các phong trào: “3 sạch” (ăn sạch, uống sạch, ở sạch), “4 diệt” (diệt ruồi, diệt muỗi, diệt chuột, diệt rận), phong trào “sạch làng tốt ruộng”, “sạch bản tốt nương”, “sạch đường đẹp phố”, phong trào xây dựng hồ xí hai ngăn... phổ biến ở miền Bắc. Trong lần về thăm Bệnh viện Vân Đình (nay thuộc huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội) ngày 20-4-1963, Bác căn dặn: Trong công tác phục vụ cần coi trọng cả hai mặt vật chất và tinh thần... cần phải có thái độ phục vụ tốt, coi người bệnh như ruột thịt, cần chú ý đến việc phòng bệnh, tuyên truyền và giải thích cho đồng bào*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.603.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.432.

3. Ngày 2-7 hằng năm đã được chọn là “Ngày vệ sinh nâng cao sức khỏe nhân dân” theo Quyết định số 730/QĐ-TTg ngày 19-6-2012 của Thủ tướng Chính phủ.

chung quanh nhà thương và trong huyện biết cách giữ gìn vệ sinh, làm cho mỗi người bệnh khi khỏi bệnh biết cách phòng bệnh cho họ và gia đình họ.... Công tác vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được Bác Hồ cho là việc quan trọng bậc nhất và phong trào vệ sinh, phòng bệnh được coi là yêu nước. Trong 5 điều Bác dạy thiếu niên, nhi đồng, điều dạy thứ tư là: “*Phải giữ gìn vệ sinh thật tốt*”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng đạo đức của người làm công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Theo Hồ Chí Minh: “*Lương y phải như từ mẫu*”, nghĩa là “*Thầy thuốc phải như mẹ hiền*”. Vì tính chất của nghề nghiệp mà người thầy thuốc phải giàu lòng nhân ái, chẳng những có nhiệm vụ cứu chữa bệnh tật mà còn phải nâng đỡ tinh thần người bệnh, yêu thương người bệnh và săn sóc họ như ruột thịt của mình, coi họ đau đớn như mình đau đớn. Đây là vấn đề cốt lõi trong tư tưởng của Người về y đức. Trong thư gửi Hội nghị cán bộ y tế toàn quốc ngày 27-2-1955, Bác viết: “*Người bệnh phó thác tính mệnh của họ nơi các cô, các chú. Chính phủ phó thác cho các cô, các chú việc chữa bệnh tật và giữ gìn sức khỏe cho đồng bào. Đó là một nhiệm vụ rất vẻ vang. Vì vậy, cán bộ cần phải thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, coi họ đau đớn cũng như mình đau đớn. “Lương y phải như từ mẫu”, câu nói ấy rất đúng*”<sup>1</sup>. Vì vậy,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.343.

cán bộ, nhân viên ngành y cần giúp đồng bào, giúp Chính phủ xây dựng một nền y tế tiên tiến, dân tộc, khoa học, đại chúng gắn với nhu cầu thực tế của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm vấn đề quyết định y đức của người thầy thuốc là lương tâm đạo đức, là trách nhiệm, bổn phận của người thầy thuốc. Bác dặn dò các y tá: “Y tá chẳng những là một nghề nghiệp, mà lại là một nghĩa vụ. Người y tá chẳng những giúp chữa bệnh mà còn phải phổ biến vệ sinh. Việc giữ gìn và bồi dưỡng sức khỏe của dân tộc, người y tá phải gánh một phần quan trọng. Vì vậy, y tá là những chiến sĩ đánh giặc ốm, bảo vệ sự kháng kiên của giống nòi. Những chiến sĩ y tá phải có chí chịu khổ, chịu khó. Phải giàu lòng bác ái hy sinh”<sup>1</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: xây dựng nền y tế nước ta là nền y tế nhân dân. Bác nói: “*Xây dựng một nền y học của ta*”<sup>2</sup>, nên các cán bộ y tế phải: “... giúp đồng bào, giúp Chính phủ xây dựng một nền y tế thích hợp với nhu cầu của Nhân dân ta”<sup>3</sup>, phải xây dựng một nền y học xuất phát từ nhân dân, của nhân dân, vì nhân dân. Y học Việt Nam là để phục vụ nhân dân, trong đó đa số là nông dân. Vì vậy, y học Việt Nam phải hướng về nông thôn, hướng về cơ sở, dựa vào cộng đồng từ đó nghiên cứu

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.34.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.343, 343-344.

và xây dựng chiến lược chăm sóc sức khỏe nhân dân theo định hướng công bằng và hiệu quả. Mặt khác, Y học Việt Nam phải hướng tới phục vụ mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, thực hiện chăm sóc sức khỏe toàn dân, đảm bảo mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe sớm nhất, ở nơi gần nhất.

Tư tưởng của Bác Hồ còn thể hiện quan điểm xây dựng nền y học kết hợp giữa Đông y và Tây y. Bác nói: “Ông cha ta ngày trước có nhiều kinh nghiệm quý báu về cách chữa bệnh bằng thuốc ta, thuốc bắc. Để mở rộng phạm vi y học, các cô, các chú cũng nên chú trọng nghiên cứu và phối hợp thuốc “Đông” và thuốc “Tây””<sup>1</sup>.

#### **4. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh về phòng chống thiên tai, thảm họa<sup>2</sup>**

Ở một đất nước thường xuyên phải chịu nhiều thiên tai, thảm họa như nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác phòng, chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai và có những ý kiến, quan điểm hết sức sâu sắc, đến nay vẫn còn nguyên tính thời sự.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.9, tr.344.

2. Phần này có sử dụng bài viết của Trần Quang Đại: “Hồ Chí Minh với vấn đề phòng chống thiên tai” đăng tại <https://www.vanhoanghean.com.vn/van-hoa-va-doi-song27/cuoc-song-quanh-ta46/ho-chi-minh-voi-van-de-phong-chong-thien-tai> và một số bài viết của các tác giả khác.



Mùa xuân năm 1946, thù trong giặc ngoài cùng giặc đói và giặc dốt đang bao vây hòng tiêu diệt chính quyền cách mạng non trẻ vừa thành lập. Vận mệnh dân tộc ta đang như “ngàn cân treo sợi tóc”. Giữa lúc bộn bề công việc, khó khăn không kể xiết, nhưng ngày 10-1-1946, nghĩa là chỉ 10 ngày sau khi thành lập Chính phủ lâm thời, Bác Hồ đã đi kiểm tra công việc đắp đê chống lụt. Người thăm việc hàn quăng đê vỡ ở Hưng Nhân, Hưng Yên, thăm và kiểm tra việc đắp đê ở tỉnh Thái Bình, nơi có tiếng hay bị lụt lội. Người khen ngợi tinh thần cố gắng làm việc của bà con dân công, biểu dương sự hảo tâm góp của, góp sức của các nhà giàu, của các vị thân hào trong việc đắp đê. Người căn dặn: “Bây giờ ta được độc lập, công việc đắp đê không phải là việc riêng của Chính phủ mà là của tất cả mọi quốc dân. Dân chúng có quyền kiểm soát việc làm để đề phòng những lạm có thể xảy tới”<sup>1</sup>.

Tiếp đó, ngày 22-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 70-SL thành lập Ủy ban Trung ương hộ đê (tiền thân của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt bão Trung ương và hiện nay là Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai). Từ năm 1990, ngày 22-5 hằng năm được lấy là Ngày truyền thống phòng chống thiên tai của Việt Nam (theo Quyết định số 89-HĐBT ngày 21-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng). Từ năm 1946 đến khi Người qua đời, gần như tất cả các năm khi mùa mưa lũ sắp đến, Người đều gửi điện hoặc

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.177.

viết thư nhắc nhở cán bộ, nhân dân các tỉnh có đê và toàn dân ta nói chung phải cảnh giác giữ đê, tích cực đắp đê để phòng lụt lội. Người dạy rằng: “... công việc giữ đê, phòng lụt, chống lụt, phòng bão, chống bão là *nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của nhân dân, bộ đội và cán bộ, đặc biệt là ở các tỉnh có đê sông và đê biển*”<sup>1</sup>. Người nói một cách dễ hiểu: “*Lụt thì lụt cả làng, Muốn cho khỏi lụt thiếp chàng cùng lo*”<sup>2</sup>.

Không những gửi điện, viết thư và nhắc nhở thường xuyên mà hằng năm, với cương vị là người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta, mặc dù bận trăm công nghìn việc, song Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên tham dự các cuộc họp của Trung ương Đảng, của Hội đồng Chính phủ về thủy lợi, tham dự, huấn thị tại nhiều hội nghị của ngành thủy lợi ở Trung ương và ở cả các địa phương; chú trọng việc phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi, thường xuyên khuyến khích phong trào đắp đê, xây kè, chống hạn; nhiều lần trực tiếp đi kiểm tra đê điều, động viên công việc đắp đê phòng chống lũ lụt, nhất là trong những ngày lũ to, nước lớn, ở những vùng đê xung yếu, những địa phương làm tốt và cả những địa phương làm chưa tốt. Ngay cả khi đang lâm bệnh nặng vào những ngày tháng 8-1969, Bác còn gọi đồng chí Bộ trưởng Thủy lợi Hà Kế Tân đến báo cáo tình hình và ân cần dặn dò, chỉ bảo, động viên tổ chức giữ đê, bảo vệ dân, vượt lũ thắng lợi (lúc

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.596.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.188.

này trên các triền đê sông ở miền Bắc đang xảy ra lũ lớn).

Trong một số tác phẩm viết trước cách mạng, Hồ Chí Minh đã chỉ ra thiên tai là nguyên nhân gây ra nạn đói và cảnh khốn cùng của người dân, bên cạnh sự áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị. Trong bài viết “Tình hình Đông Dương” ngày 19-12-1924, Nguyễn Ái Quốc viết: “Vào tháng 10, nhiều tỉnh đã bị lụt và bão tàn phá. Những sự thiệt hại không được rõ; Chính phủ không muốn cho biết điều này. Theo những thông tin cá nhân thì có những nơi có tới nửa số dân bị chết đuối hay chết đói. Trừ Nam Kỳ, sự khốn cùng ngự trị ở khắp nơi”<sup>1</sup>. Người phê phán chính quyền thực dân Pháp cấm báo chí đưa tin về thiên tai, lụt lội và ngăn cấm báo chí quyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt. Người cũng phê phán chính sách vô nhân đạo của thực dân Pháp khi vẫn bắt người dân vùng bị thiên tai, dịch họa đóng thuế như thường lệ. Xuất phát từ tính nhân đạo của chế độ mới, để giúp người dân vùng bị thiên tai sớm ổn định đời sống, sản xuất, ngày 14-6-1952 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 96-SL, sửa đổi bản “Điều lệ tạm thời thuế nông nghiệp”, trong đó quy định những vùng bị thiên tai, dịch họa thì tùy theo mức độ thiệt hại sẽ được giảm hoặc miễn thuế.

Hồ Chí Minh quan niệm thiên tai cũng là một thứ giặc, và chống thiên tai cũng là một cuộc chiến hết sức cam go,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.11.

gian khổ. Tháng 6-1947, Bác viết “Thư gửi đồng bào trung du và hạ du chống lụt”, có đoạn: “Mùa lụt đã đến gần. Nếu lụt thì đói. Lụt cũng là một thứ giặc ghê gớm. Người ta thường nói “thủy, hỏa, đao, tặc”. Chúng ta phải ra sức ngăn giặc lụt như chống giặc ngoại xâm...”<sup>1</sup>. Ngày 16-7-1953, báo *Nhân Dân* đăng bài “Ra sức giữ đê phòng lụt” của Bác, có ghi: “Giặc LỤT là tiên phong của giặc ĐÓI. Nó là đồng minh của giặc NGOẠI XÂM. Nó mong làm cho dân ta đói kém, để giảm bớt sức kháng chiến của chúng ta. *Đắp đê giữ đê* là để chống giặc lụt và giặc đói, cho nên *cũng như một chiến dịch*”<sup>2</sup>. Người nhấn mạnh: “Trong mùa mưa, công việc giữ đê, phòng lụt, chống lụt, phòng bão, chống bão là nhiệm vụ *cực kỳ quan trọng*...”<sup>3</sup> và “... chống lụt, chống hạn, cũng đều là đánh giặc, cũng khó khăn gian khổ”<sup>4</sup>.

Với quan niệm thiên tai là kẻ thù, Người luôn quan tâm nhắc nhở đồng bào, chiến sĩ, cán bộ đề cao cảnh giác, nỗ lực phòng, chống thiên tai. Phòng, chống thiên tai, bảo vệ nhân dân là mối quan tâm thường trực của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần viết thư, nói chuyện, căn dặn về nhiệm vụ cấp thiết này<sup>5</sup>. Qua những bài nói, bài viết của mình, Chủ tịch

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.188.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.166.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.596.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.168.

5. Tháng 6-1947, trong hoàn cảnh kháng chiến ác liệt, Bác viết *Thư gửi*

Hồ Chí Minh đã đề cập rất cụ thể, chi tiết về những giải pháp, biện pháp, kinh nghiệm phòng chống thiên tai. Người quan niệm: muốn chống thiên tai hiệu quả trước hết phải chú ý đến công tác dự báo, đề phòng, chuẩn bị. Người luôn nhắc đồng bào, cán bộ, chiến sĩ cảnh giác, tập trung chuẩn bị trước để phòng chống thiên tai. Người viết: “Chúng ta phải tuyệt đối chớ chủ quan, chớ để “nước đến chân mới nhảy””<sup>1</sup>. Nói chuyện với các đại biểu nhân dân Thanh Hoá ngày 13-6-1957, Bác căn dặn: “Năm nay việc hộ đê chống bão rất quan trọng. Thà đắp đê cao một tí, chuẩn bị nhà cửa trước, nếu không có lụt bão cũng không sao, nhưng nếu chủ quan không chuẩn bị thì thiệt hại lớn. Đắp đê chống lụt bão phải kịp

---

*đồng bào trung du và hạ du chống lụt.* Ngày 15-6-1950, báo *Sự Thật* đăng bức thư *Gửi đồng bào các tỉnh có đê* của Bác. Báo *Cứu quốc* ngày 26-1-1952 đăng bài của Bác *Thư gửi đồng bào các tỉnh có đê*; ngày 16-7-1953, báo *Nhân Dân* đăng bài *Ra sức giữ đê phòng lụt.* Ngày 10-6-1957, Người viết *Thư gửi toàn thể đồng bào, bộ đội và cán bộ về việc phòng và chống lụt, bão.* Nói chuyện với đồng bào ngày 6-7-1957, trước khi lên đường thăm 9 nước anh em, Bác Hồ căn dặn: “Đồng bào và cán bộ ở nông thôn thì cố gắng chăm lo để giành lấy vụ mùa thắng lợi, ra sức giữ đê, chống lụt, chống bão” (Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.1). Ngày 26-10-1958, nói chuyện tại Đại hội sản xuất đông - xuân tỉnh Thái Bình, Bác Hồ nhắc nhở phải “*Ra sức chống thiên tai, như hạn hán, sâu, chuột*” (Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.397). Ngày 7-6-1960, nói chuyện tại Đại hội sản xuất tỉnh Hà Đông, Người xem chống thiên tai cũng là một cuộc kháng chiến. Ngày 28-7-1965, Bác viết bài *Phải sẵn sàng phòng chống bão lụt* trên báo *Nhân Dân*.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.146.

thời”<sup>1</sup>.

Hồ Chí Minh quan niệm, muốn chống thiên tai có hiệu quả thì phải có kế hoạch cụ thể, khoa học, phân công rõ ràng, kiểm tra, đôn đốc chu đáo. Phương án chống thiên tai không phải chỉ do cán bộ nghĩ ra, mà cần xuất phát từ thực tiễn, vận dụng kinh nghiệm của nhân dân, phải bàn bạc kỹ với dân trước khi thực hiện: “*Cán bộ các cấp phải nhận rõ trách nhiệm, phải có kế hoạch thiết thực và đầy đủ, phải đi sát với nhân dân...*”<sup>3</sup>. “*Cán bộ phải đi xuống cơ sở cùng với đồng bào bàn kế hoạch và thực hiện kế hoạch chuẩn bị phòng và chống lụt, bão cho tốt*”<sup>4</sup>. “*Trong việc đắp đê giữ đê, kế hoạch phải rất tỉ mỉ, phân công phải rất rành mạch, chuẩn bị phải rất chu đáo, lãnh đạo phải rất thống nhất. Cán bộ quân, dân, chính, đảng, những vùng ấy phải xem việc đắp đê giữ đê là việc chính. Phối hợp phải thật chặt chẽ. Chỉ đạo phải thật thiết thực. Tổ chức phải thật đầy đủ. Tuyệt đối chống cách khoán trắng, chống quan liêu, mệnh lệnh*”<sup>2</sup>.

Người còn nhắc nhở các địa phương vùng xung yếu cần tổ chức thực tập, diễn tập kế hoạch chống thiên tai để phát huy hiệu quả tối đa trong thực tiễn. Bác còn đặt vấn đề huy động kinh nghiệm quốc tế về chống thiên tai: “*Các nước bạn*

---

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.603, 596.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.548.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.166.

sẽ giúp ta kinh nghiệm chống lụt”<sup>1</sup>. Người tin tưởng: “Chúng ta kịp thời chuẩn bị đầy đủ sẵn sàng, thì dù bão lụt to mấy cũng không sợ”<sup>2</sup>.

Khi bước vào trận chiến chống thiên tai, Hồ Chí Minh nhắc nhở cần nêu cao tinh thần đoàn kết, hiệp đồng giữa các lực lượng, vượt khó khăn gian khổ. “*Đồng bào* cần phải đoàn kết nhất trí, quyết tâm vượt mọi khó khăn, giúp đỡ nhau chiến thắng thiên tai”<sup>3</sup>. Không chỉ trong lực lượng tại chỗ, mà còn là tinh thần đoàn kết giữa nhân dân các tỉnh lân cận: “Cán bộ và đồng bào các tỉnh gần nhau phải phối hợp chặt chẽ, tích cực giúp đỡ nhau chuẩn bị phòng và chống lụt, bão”<sup>4</sup>.

Hồ Chí Minh khẳng định vai trò xung kích của các lực lượng đoàn thể, thanh niên, quân đội: “*Nông hội và thanh niên* phải xung phong làm gương mẫu. *Bộ đội* phải tranh thủ thời gian giúp đỡ nhân dân”<sup>5</sup>. Đặc biệt, với phương châm “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”, Người nhấn mạnh vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ trong cuộc chiến với thiên tai. Trong bài nói chuyện với cán bộ, đảng viên tỉnh Hà Tĩnh ngày 15-6-1957, Người phê bình cán bộ, đảng viên

- 
1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.65.
  2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.586.
  3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.596.
  4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, 548.
  5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.596.

còn coi nhẹ, thiếu trách nhiệm, thiếu gương mẫu trong việc đắp đê chặn lũ. Người khen ngợi đồng chí Bí thư chi bộ xã Kỳ Hải (Kỳ Anh) đã dầm mình trong nước lạnh, lấy thân mình chặn nước cho người dân đắp đê. Trong bài nói chuyện với nhân dân, cán bộ khi đi thăm tình hình phòng, chống lụt bão tại các tỉnh Hà Đông, Sơn Tây và Hà Nội ngày 17-7-1962, Bác Hồ đã nhắc nhở, căn dặn rất cụ thể về những biện pháp phòng, chống lụt bão để bảo vệ tính mạng và tài sản người dân: “Thanh niên và dân quân phải làm nòng cốt trong các đội xung kích và đi đầu trong việc chuẩn bị phòng và chống lụt, bão. Các địa phương có đê cần tổ chức thực tập chống lụt. Ở các điểm canh đê, ngày đêm phải có người gác, và khi có báo động, phải loan báo ngay cho mọi người biết để sẵn sàng đối phó”<sup>1</sup>.

Với tầm nhìn và tư duy chiến lược, Hồ Chí Minh nhận thấy nguy cơ thiên tai, thảm họa từ nạn phá rừng của con người. Vì vậy, muốn giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, thảm họa gây ra, phải tích cực bảo vệ rừng. Trong “Thư gửi Đại hội hợp tác xã và Đội sản xuất tiên tiến miền núi và trung du” ngày 11-4-1964, Người phân tích: “Nếu rừng kiệt thì không còn gỗ và mất nguồn nước thì ruộng nương mất màu, gây ra lụt lội và hạn hán. Vì vậy đồng bào miền núi và trung du cũng như đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.548.



ở đây phải bảo vệ rừng như bảo vệ nhà cửa của mình”<sup>1</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ ra nhiệm vụ chống thiên tai cần phải được tiến hành song song với phát triển thủy lợi, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Nói chuyện với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An ngày 8-12-1961, Người nêu thực trạng thủy lợi ở Nghệ An còn kém và nói: “Muốn chống thiên tai, về mặt kinh tế nói chung thì phải làm tốt thủy lợi để chống hạn, chống úng, tranh thủ được mùa, làm cho đời sống của nhân dân ngày càng tiến lên”<sup>2</sup>. Hồ Chí Minh nêu cao vai trò của Nhà nước trong việc đầu tư các công trình thủy lợi, chống thiên tai. Trong bài “Quốc khánh lần thứ mười của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” đăng trên báo *Vì một nền hòa bình lâu dài, vì một nền dân chủ nhân dân*, bản tiếng Pháp, số 356, ngày 2-9-1955, Người viết: “Nhưng chúng tôi còn phải phấn đấu rất nhiều để khôi phục lại những ruộng đất bị bỏ hoang, sửa lại đê điều để chống lụt và xây dựng một hệ thống nông giang để đất nước chúng tôi không còn bị hạn hán và đói kém nữa...”<sup>3</sup>.

Với cương vị là nguyên thủ quốc gia, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến tình hình thiên tai trên cả nước, kịp thời thăm hỏi, động viên những vùng bị thiệt hại nặng và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.294.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.251.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.113.

khen thưởng những địa phương, đơn vị, cá nhân đạt thành tích xuất sắc. Ngày 17-11-1964, Người viết thư thăm hỏi đồng bào miền Nam bị lũ lụt gây thiệt hại nhiều về người và tài sản: “*Thân ái gửi đồng bào các tỉnh bị bão lụt ở miền Nam,*

Vừa qua, mấy tỉnh miền Nam bị bão lụt dồn dập. Hàng nghìn đồng bào bị hy sinh. Hàng vạn nhà cửa bị đổ nát. Làng mạc xơ xác, vườn ruộng toi bời.

Máu chảy ruột mềm, được tin tức đó, tôi và toàn thể đồng bào miền Bắc rất là đau xót như muối xát vào lòng”<sup>1</sup>.

Ngày 1-4-1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 013-SL thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất cho cán bộ và nhân dân tỉnh Kiến An (nay thuộc thành phố Hải Phòng) về thành tích dẫn đầu toàn miền Bắc trong công tác phòng chống thiên tai năm 1956. Ngày 19-11-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Lệnh số 102-LCT, thưởng 4 Huân chương Lao động hạng Ba cho nhân dân, cán bộ và lực lượng vũ trang tại các tỉnh Nghệ An, Nam Hà, Hà Tây và Thái Bình vì đã có nhiều thành tích trong công tác phòng, chống lụt bão, bảo vệ đê điều và các công trình thủy lợi trong năm 1966.

Trên thế giới, hiếm có vị lãnh tụ nào lại bàn và chỉ đạo hoạt động nhiều về phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tại Hội nghị tổng kết công tác nông -

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.418.

lâm - ngư nghiệp năm 1956, Người nhấn mạnh: “Nghề nông phải đấu tranh chống những tai nạn của thiên nhiên: Hạn, lụt, sâu bọ, chuột, dịch, v.v. lại còn phải đấu tranh với các tập quán bảo thủ lạc hậu”<sup>1</sup>. Người đã chỉ rõ nội dung, biện pháp phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường là phải toàn diện và chú ý phòng chống cả 3 loại giặc nguy hiểm đó là: “giặc bão lụt”, “giặc hạn hán” và “giặc sâu bệnh”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định, hạn hán là một “loại giặc” nguy hiểm, phá hoại mùa màng, môi trường sinh thái. Theo Người, chống hạn là một chiến dịch, một công tác cách mạng, một cuộc thử thách đầy cam go. Người luôn tin tưởng vững chắc rằng, với ý chí, quyết tâm, sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, nhất định nhiệm vụ chống hạn sẽ đạt được thắng lợi. Tại Hội nghị Chống hạn năm 1958, Người phân tích: “Chống hạn đã là một chiến dịch thì cần phải cố gắng, phải kiên quyết, phải tin tưởng ở chống hạn thắng lợi, phải giúp đỡ nhau, thi đua lập công giữa địa phương này với địa phương khác... Có đoàn kết, có quyết tâm, có giúp đỡ nhau, lại có thi đua thì nhất định thắng lợi”<sup>2</sup>. Người đã đưa ra các biện pháp chống hạn là: “... phải tùy từng địa phương mà làm các việc đào mương, đào giếng, tát nước, giữ nước. Mỗi xã phải có kế hoạch nhỏ

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.318.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.233.

của xã mình; huyện, tỉnh phải có kế hoạch chung để điều hòa, phối hợp”<sup>1</sup>.

Người kêu gọi mọi lực lượng, mọi lứa tuổi đều phải tham gia chống hạn: “Mỗi người phải ra sức chống hạn. Ai ai cũng thi đua tham gia chống hạn. Các cụ già có kinh nghiệm, thanh niên có sức lực làm đầu tàu. Các cháu nhi đồng ra đồng động viên, nấu nước cho đồng bào uống. Mỗi người một tay, già trẻ góp sức, nhất định chống hạn thắng lợi”<sup>2</sup>.

Trong chiến tranh, thiên tai thường đi liền với địch họa, sự “phá hoại kép” này luôn gây ra những hậu quả hết sức nghiêm trọng. Năm 1968, Người đã yêu cầu: Các ngành và các địa phương cần coi trọng hơn nữa việc phòng và chống lụt, bão, chống địch đánh phá đê, kè... phải vận động đồng bào làm nhiều thuyền, mảng, ụ đất, sàn gác, chằng chống nhà cửa cho vững, phòng khi lụt to, bão lớn. Phải giữ gìn và sửa sang hầm hố, phòng máy bay giặc Mỹ. Thực hiện lời dạy của Người, quân và dân ta đã anh dũng chiến đấu, lao động quên mình, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ đê, kè trong các mùa mưa bão<sup>3</sup>.

Những quan điểm, ý kiến của Hồ Chí Minh về phòng,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.129.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.230.

3. Xem PGS.TS. Hà Huy Thông: “Thực hiện những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường”, <http://www.bgllang.gov.vn>, ngày 31-10-2012.

chống thiên tai cho thấy một tầm nhìn xa trông rộng, một trí tuệ sâu sắc, tinh tế. Hiện nay, thiên tai, thảm họa đang là vấn đề lớn của quốc gia. Bên cạnh những nỗ lực đáng ghi nhận của các cấp, các ngành, vẫn còn hiện tượng bị động, lúng túng, thậm chí thiếu trách nhiệm trong công tác phòng, chống thiên tai. Vì vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta cần học tập tư tưởng và những việc làm thiết thực của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, thảm họa.

## **5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại nhân đạo nhân dân<sup>1</sup>**

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của Đảng, đất nước và Nhân dân ta không chỉ là nhà chính trị lỗi lạc, danh nhân văn hóa mà còn là nhà ngoại giao kiệt xuất. Tư tưởng đối ngoại và phong cách ngoại giao của Người là sự kết tinh truyền thống của dân tộc và tinh hoa của nhân loại, trong đó đối ngoại nhân dân là một “binh chủng” đa kênh và đa năng quan trọng, cùng với ngoại giao của Đảng và Nhà nước hợp thành nền ngoại giao tổng hợp của quốc gia.

Để hiện thực hóa quan điểm, tư tưởng về quan hệ ngoại

---

1. Phần này có sử dụng bài viết của ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền: “Ngoại giao nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, <http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/bng-vietnam>; Vũ Xuân Hồng: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác đối ngoại nhân dân”, <http://thoidai.com.vn>, ngày 19-10-2015 và một số bài viết của các tác giả khác.

giao với thế giới, nhằm định hướng, chỉ đạo xuyên suốt cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định: *Việt Nam “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”*<sup>1</sup>, “Không có gì quý hơn độc lập tự do”<sup>2</sup>, dĩ bất biến ứng vạn biến, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, “Quan sơn muôn dặm một nhà, Bốn phương vô sản đều là anh em”<sup>3</sup>... Đó chính là nét tinh túy, là tinh thần cốt lõi trong tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh, nhân tố quyết định thắng lợi của công tác đối ngoại Việt Nam.

Đối ngoại nhân dân được Chủ tịch Hồ Chí Minh coi là một lực lượng quan trọng của mặt trận đối ngoại. Bởi vì theo Hồ Chí Minh, ngoại giao không chỉ là việc riêng của “riêng các nhà ngoại giao chuyên nghiệp mà đã có sự tham gia của các cơ quan ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Đảng, Quốc hội, các ngành, các cấp của tổ chức chính trị, xã hội trung ương và địa phương”<sup>4</sup>. Đây là quan điểm xuất phát từ tư tưởng lấy dân làm gốc của cha ông ta, được Người kế thừa và nâng lên một bước: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”<sup>2</sup> vì vậy đối ngoại là mặt trận không thể thiếu sự tham gia của nhân dân.

Sự hình thành và phát triển tư tưởng ngoại giao Hồ Chí

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.256.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.131.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.670.

4. 2. Nguyễn Dy Niên: *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.172, 169.

Minh, trong đó có đối ngoại nhân dân, gắn liền với cuộc đời hoạt động của Người qua những giai đoạn lịch sử đầy biến cố của thế giới và trong nước. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh gồm các nội dung chủ yếu như: các quyền dân tộc cơ bản, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, độc lập tự chủ, tự lực tự cường gắn với đoàn kết và mở rộng hợp tác quốc tế... trong đó ngoại giao là một mặt trận, là một trong những nội dung cốt lõi. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “dùng binh giỏi nhất, là đánh bằng mưu. Thứ hai là đánh bằng ngoại giao. Thứ ba mới là đánh bằng binh”<sup>3</sup>, và cũng theo quan điểm của Người “Ngoại giao ai thuận lợi hơn, thì thắng”<sup>4</sup>. Vì vậy, Người khẳng định: “Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”<sup>5</sup>.

Trong lịch sử quan hệ quốc tế, các nước tiến hành các hoạt động ngoại giao dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng quy tụ lại có hai loại chính là ngoại giao nhà nước và ngoại giao/đối ngoại nhân dân. Ngoại giao nhà nước là mối quan hệ giữa chính phủ của các nước có chủ quyền, giữa các nhà lãnh đạo của các nước. Các quan chức làm việc trong các đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện ngoại giao của một nước ở nước ngoài là những người đại diện cho chính phủ ở nước sở tại. Ngoại giao nhân dân là một hình thức hoạt động quan hệ đối ngoại do các tổ chức, các

---

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.562, 569.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.147.

đoàn thể, hoặc cá nhân thuộc nhiều lĩnh vực tiến hành, không mang tính chất chính thức của chính phủ. Có nhiều hình thức phong phú: gặp gỡ, thăm viếng, hội đàm, trao đổi ý kiến, festival...

Hoạt động đối ngoại nhân dân là phát huy “sức mạnh mềm”<sup>1</sup> của một nước, hỗ trợ cho ngoại giao nhà nước để thực hiện chính sách đối ngoại mà chính phủ nước đó đề ra. Đối ngoại nhân dân là lực lượng quan trọng của mặt trận ngoại giao và ưu thế của hình thức này là có thể đi đầu, có thể đi trước tại những nước, những khu vực và về một số vấn đề mà ngoại giao chính thức của nhà nước chưa có điều kiện triển khai.

Tham gia công tác đối ngoại nhân dân gồm các đoàn thể, hội quần chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội nghề nghiệp, toàn thể nhân dân và nhiều khi cả tổ chức Đảng và cơ quan nhà nước. Được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm từ rất sớm và mang dấu ấn riêng của Người, đối ngoại nhân dân là một nội dung quan trọng trong hoạt động đối ngoại của Đảng,

---

1. Theo định nghĩa của Joseph Nye, giáo sư của Đại học Harvart - nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ, một trong những người sáng lập nên chủ nghĩa “Tân tự do” trong quan hệ quốc tế, thì “sức mạnh mềm” hay còn gọi là “quyền lực mềm” là “khả năng đoạt lấy thứ mình muốn thông qua sự hấp dẫn thay vì ép buộc. Nó xuất phát từ sự hấp dẫn về văn hóa, tư tưởng chính trị và các chính sách của một quốc gia”. Trong khi đó “sức mạnh cứng” của một nước là sức mạnh về kinh tế, quân sự của nước đó.



Chính phủ Việt Nam, thể hiện rõ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước Việt Nam.

Hồ Chí Minh chủ trương đối ngoại rộng mở, mở rộng lực lượng theo phương châm “thêm bạn, bớt thù”<sup>1</sup>, tránh đối đầu “không gây thù oán với một ai”<sup>2</sup>, tìm ra những điểm tương đồng, khai thác mọi khả năng có thể nhằm tập hợp lực lượng, hình thành mặt trận đoàn kết ủng hộ Việt Nam theo nhiều tầng, nhiều nấc. Với Hồ Chí Minh, ngoại giao không chỉ là sự nghiệp của toàn dân, mà còn phải lôi kéo, thuyết phục bằng chính nghĩa để nhân dân và bạn bè thế giới ủng hộ, giúp đỡ mình.

Để thực hiện chính sách đối ngoại nhân dân rộng mở, tập hợp các lực lượng đoàn kết với Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ về Việt Nam, về cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta. Và muốn tăng cường đoàn kết, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là phải thông qua đấu tranh và “Mục đích của ta là vì đoàn kết. Vì đoàn kết mà phải tranh đấu. Tranh đấu để đến đoàn kết chứ không nói xấu ai”<sup>3</sup>. Đoàn kết hợp tác với bên ngoài để tăng cường sức mạnh bên trong, nhân nguồn sức mạnh của bên trong,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.215.

2. *Sđd*, t.5, tr.256.

3. Nguyễn Dỵ Niên: *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, Sđd*, tr. 156.

vì vậy, phải xây dựng thực lực sức mạnh đất nước, chính nghĩa của dân tộc làm nền tảng, để thu hút sự ủng hộ của quốc tế.

Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên nhận thức được tầm quan trọng và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn non trẻ vừa mới được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo thành lập các tổ chức ngoại giao nhân dân, ngoại giao nhân đạo đầu tiên ở trong nước, trong đó có Hội Hồng thập tự Việt Nam, để tiếp cận với phong trào hòa bình và đoàn kết của cách mạng thế giới. Năm 1948, khi ta giành được thắng lợi trên chiến trường, nhưng về ngoại giao, thế giới chưa biết nhiều về cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập của dân tộc ta. Lúc ấy, chính Người đã chỉ đạo việc tổ chức một đoàn cán bộ được tuyển chọn từ các ngành dân chính, đảng ra nước ngoài để tuyên truyền về cuộc kháng chiến, nhằm tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân thế giới.

Đối ngoại nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh mang tính nhân dân, nhân đạo sâu sắc, phù hợp với khát vọng hòa bình, tự do, công lý của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Người thấu hiểu nỗi đau nhân loại. Người viết: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi:

tình hữu ái vô sản”<sup>1</sup>. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đấu tranh giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước, mặt trận ngoại giao, trong đó có đối ngoại nhân dân đã phát huy sức mạnh một cách hữu hiệu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Nhân dân Mỹ đánh từ trong ra, nhân dân ta đánh từ ngoài đánh vào. Hai bên giáp công mạnh mẽ, thì đế quốc Mỹ nhất định sẽ thua, nhân dân Việt - Mỹ nhất định sẽ thắng. Đó sẽ là thắng lợi về vang của Mặt trận Thống nhất nhân dân hai nước, mà cũng là thắng lợi chung của loài người yêu chuộng chính nghĩa và hòa bình”<sup>2</sup>. Trong bài viết *Thế giới với Việt Nam*, ký bút danh Q.Th., đăng báo *Cứu quốc*, ngày 31-12-1945, Người viết về nước Mỹ: “Thứ nữa, chúng ta không thể quên nước bạn của chúng ta là nước Mỹ, một nước dân chủ bao giờ cũng bênh vực sự tự do, độc lập cho các dân tộc nhỏ yếu”<sup>3</sup>.

Theo Người, đối ngoại là công việc chung của toàn Đảng, toàn dân, nên mỗi người dân Việt Nam đều có vinh dự và trách nhiệm là đại diện cho dân tộc mình trước bạn bè thế giới. Chính Người là nhà ngoại giao nhân dân tiêu biểu với phong cách ngoại giao “tâm công”, độc đáo. Hồ Chí Minh đã dùng triết lý phương Đông, kết hợp hài hòa với văn hóa phương Tây trong ứng xử của mình, để vừa giữ được

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.287.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.14, tr.640.

3. *Sđd*, t.4, tr.150.

sự mềm dẻo, tinh tế, lại vừa đảm bảo được nguyên tắc, mục tiêu cách mạng, phân hóa được kẻ thù, tấn công vào lòng địch. Song hơn hết, tư tưởng đối ngoại nhân dân, đối ngoại nhân đạo của Người đề cao lòng nhân ái, sự chân thành, biết thông cảm, chia sẻ đã xóa bỏ ranh giới và tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tại các nước đế quốc đang tiến hành chiến tranh ở Việt Nam.

Trong lúc thực dân Pháp cố tình gây chiến và buộc dân tộc ta phải tiến hành cuộc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng tôi muốn hòa bình ngay để máu người Pháp và Việt ngừng chảy. Những dòng máu đỏ chúng tôi đều quý như nhau”<sup>1</sup>. Và với nhân dân Mỹ, phối hợp với chính sách ngoại giao của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người nhiều lần nhấn mạnh rằng: “chúng tôi phân biệt rõ ràng đế quốc Mỹ là kẻ thù và nhân dân Mỹ là người bạn của nhân dân Việt Nam”<sup>2</sup>, để có thêm những người bạn quý ở trong lòng nước Mỹ.

Ít có vị lãnh tụ nào trên thế giới trong khi đang lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc chiến tranh chính nghĩa để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc mình, lại vẫn luôn bày tỏ sự cảm thông, chia sẻ, nhân ái với nhân dân các nước ở phía bên kia chiến tuyến. Trong bức thư gửi nhân dân Mỹ,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.24.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.304.

Chủ tịch Hồ Chí Minh bày tỏ: “Chẳng những chúng tôi đau xót vì đồng bào miền Nam chúng tôi phải gian khổ, hy sinh, mà chúng tôi cũng thương xót cho các bà mẹ và các người vợ Mỹ đã mất con, mất chồng trong cuộc chiến tranh phi nghĩa ở miền Nam Việt Nam do bọn quân phiệt Mỹ tiến hành”<sup>1</sup>. Đối với những người ngã xuống vì chiến tranh, Người xót thương cho cả những hồn tử sĩ mà hôm qua đã gây ra tai họa cho đồng bào mình. Người luôn quan tâm viết thư thăm hỏi, tiễn đưa những người lính đối phương được trở về quê hương: “Trên đường về, hãy giữ gìn kỷ luật một cách gương mẫu... để cho mọi người đều giữ được những kỷ niệm tốt đẹp mãi về các bạn. Về đến nhà, hãy chuyển tới gia đình các bạn lời chào của nhân dân Việt Nam. Trong số các bạn, những ai còn cha mẹ già và con nhỏ hãy nói với các cụ, các cháu là Bác Hồ gửi nhiều cái hôn tốt lành. Xin từ biệt các bạn thân mến, từ biệt các con của Bác”<sup>2</sup>. Chủ nghĩa nhân đạo của Hồ Chí Minh đã được thể hiện rõ trong những hành động nêu trên, là cốt lõi để hình thành nên phong cách ngoại giao nhân dân, ngoại giao nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Lịch sử dựng nước và giữ nước của các dân tộc trên

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.331.

2. Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 5-4-1990.

thế giới đều có điểm chung là được lòng dân thì làm việc gì cũng dễ. Ngọn cờ độc lập, tự do mà Hồ Chí Minh giương cao không chỉ phù hợp và được lòng dân Việt Nam, mà còn phù hợp tâm tư, khao khát của nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Kết hợp đấu tranh ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã rất thành công khi phát huy sức mạnh của ngoại giao nhân dân, biểu dương sức mạnh của quần chúng nhân dân. Kết hợp thành công ngoại giao nhân dân với ngoại giao Nhà nước, Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã làm cho nhân loại tiến bộ trên thế giới hiểu sâu sắc hơn về khát vọng độc lập, hòa bình, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Chính phủ và Nhân dân Việt Nam khi kiên trì thực hiện Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Hiệp định Pari năm 1973, và bền bỉ tiến hành cuộc đấu tranh vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, tự do, thống nhất.

Phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh là sự kết hợp của trí tuệ, tình cảm và sự kiên quyết, tạo nên một sức mạnh có sức thuyết phục mạnh mẽ. Nghệ thuật trong đối ngoại Hồ Chí Minh là sự vận dụng nhuần nhuyễn phong cách linh hoạt, phương pháp ứng xử nhạy bén, sáng tạo, hiệu quả cao. Những vị khách quốc tế đã gặp Hồ Chí Minh luôn giữ ấn tượng sâu sắc bởi sức cảm hóa kỳ lạ của Người, bởi vốn hiểu biết uyên bác, tài trí thông minh tuyệt vời cũng như bởi sự

giản dị, lạc quan, kinh nghiệm và tự tin hòa quện trong phong cách lịch thiệp, nho nhã. Đó cũng là điều cả thế giới tôn kính và ngưỡng vọng, coi Người như một biểu tượng cao cả của nhân đạo, của hòa bình, hài hòa giữa yêu nước và quốc tế, tôn vinh là người Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa kiệt xuất.

Nhà báo Mỹ David Halberstam viết rằng: Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại này - hơi giống Gandhi, hơi giống Lênin, hoàn toàn Việt Nam. Nhà hoạt động chính trị Mêhicô, ông Ignacio Gonzalez Janzen đã nhận xét: Hồ Chí Minh là một vị lãnh tụ xuất chúng của dân tộc Việt Nam, một yếu nhân của quá trình phi thực dân hóa trong thế kỷ XX. Đặc biệt, Người còn là một bậc thầy vĩ đại trong khoa học và nghệ thuật giành tự do cho các dân tộc - chủ đề chính của tất cả các nền văn hóa và là mục tiêu đầu tiên của nhân loại.... Nhà ngoại giao Ấn Độ, ông Greetesh Sharma bày tỏ cảm xúc: Hồ Chí Minh đã để lại những tình cảm tốt đẹp không bao giờ quên cho nhân dân Ấn Độ. Người đã chinh phục được hoàn toàn trái tim của mọi người bằng phong cách nói chuyện, sự thân mật, tính khiêm nhường và giản dị của mình. Thế hệ đã được nhìn thấy Người trong những ngày đó vẫn còn nhớ đến Người với tình cảm, lòng ngưỡng mộ và kính trọng sâu sắc.

Ngoại giao nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phải biết dựa vào dân, lấy dân làm gốc. Tư tưởng của Người về

đôi ngoại nói chung và ngoại giao nhân dân nói riêng đã trở thành tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc, thành kim chỉ nam cho nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Ngày nay, khi giao lưu quốc tế ngày càng rộng mở, thì ngoại giao nhân dân “tiếp tục được mở rộng”, càng phát huy được sức mạnh tối ưu của nó.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về ngoại giao nhân dân vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay. Đất nước đang đổi mới và hội nhập toàn diện, hoạt động ngoại giao nhân dân cũng khoác thêm lên mình “chiếc áo” mới. Cũng giống như đối ngoại của Nhà nước, ngoại giao nhân dân triển khai đều trên cả bốn mặt trận: 1) Ngoại giao chính trị; 2) Ngoại giao kinh tế; 3) Ngoại giao văn hóa; 4) Công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Những nỗ lực trên đã góp phần quảng bá hình ảnh, bảo vệ lợi ích của Việt Nam tại các diễn đàn nhân dân khu vực và trên thế giới; vận động nhân dân thế giới ủng hộ nạn nhân chất độc da cam; vận động viện trợ phi chính phủ của nước ngoài tăng lên đáng kể...

Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công tác đối ngoại nhân dân, đối ngoại nhân đạo, mỗi người dân, mỗi tổ chức của quần chúng cần phát huy vai trò là một “đại sứ” của đất nước, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam đổi mới và hội nhập trong lòng bạn bè thế giới.



Tóm lại, tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển từ truyền thống nhân văn, nhân đạo của dân tộc Việt Nam và của nhân loại; từ tư tưởng nhân đạo trong Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo; từ chủ nghĩa nhân đạo phương Tây và từ chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Nội dung cơ bản của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh bao gồm: tình thương yêu con người, thương yêu nhân dân, hết lòng vì nhân dân phục vụ; tin tưởng, coi trọng phẩm giá con người, tin tưởng vào sức mạnh to lớn của nhân dân; khoan dung rộng lớn đối với con người; giải phóng con người, phát triển con người toàn diện; coi giáo dục là nền tảng, lâu dài, là quá trình “trồng người”; chăm lo bồi dưỡng, phát huy sức mạnh mỗi con người cũng như cả cộng đồng, dân tộc. Đặc trưng cơ bản của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh là sự kết tinh các giá trị nhân đạo truyền thống Việt Nam và tinh hoa của nhân loại; là sự thống nhất trong biện chứng giữa tính giai cấp với tính dân tộc và tính quốc tế, không phân biệt ranh giới quốc gia, dân tộc; được thể hiện trong hành động cách mạng, lòng nhân ái bao dung, rộng lớn, biểu đạt quan điểm nhân sinh và triết lý nhân sinh hành động; vừa rộng lớn, khái quát, vừa sâu sắc, phong phú nhưng cụ thể, thực tiễn, mang đặc điểm của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Từ những phân tích có tính hệ thống về nguồn gốc và tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh có thể lý giải tại sao Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác nhân đạo và trong suốt cuộc đời cách mạng của mình, Người

chỉ nhận làm Chủ tịch danh dự Hội Hồng thập tự Việt Nam,  
nay là Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

### *Chương III*

## SỨC SỐNG CỦA TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO HỒ CHÍ MINH

### I- HỒ CHÍ MINH SÁNG LẬP VÀ LÀM CHỦ TỊCH DANH DỰ ĐẦU TIÊN CỦA MỘT TỔ CHỨC NHÂN ĐẠO

#### **1. Sự ra đời và những hoạt động ban đầu của Hội Hồng thập tự Việt Nam (nay là Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam)**

*Cách mạng Tháng Tám (năm 1945) thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Ngay sau khi giành được độc lập, đất nước đã phải trải qua một giai đoạn đầy khó khăn, chống thù trong, giặc ngoài. Cũng chính trong bối cảnh ấy, Hội Hồng thập tự Việt Nam (nay là Hội Chữ thập đỏ Việt Nam) được thành lập, trở thành tổ chức nhân đạo chuyên nghiệp đầu tiên ở Việt Nam.*

Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, cuộc sống khó khăn đói mặt thiên tai, địch họa đã rèn luyện, hun đúc nên cốt cách người Việt yêu lao động, chăm chỉ cần

cù, có khát vọng tự do, độc lập, ý chí kiên cường bất khuất, lòng yêu nước thiết tha. Và chính cuộc sống khó khăn đó cũng đã hun đúc nên lòng nhân ái, tính nhân văn của dân tộc, tinh thần đoàn kết, gắn bó, đùm bọc yêu thương, chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ người hoạn nạn, khó khăn.

Trong văn học dân gian, có nhiều câu ca dao nói về lòng nhân ái, cách đối xử của con người: “Thương người như thể thương thân”; “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”; “Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước thì thương nhau cùng”; “Lá lành đùm lá rách”; “Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại”; “Tay đứt ruột xót”; “Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”...

Trước cách mạng Tháng Tám, người dân sinh sống quần tụ trong làng xã, hương ước với những quy định để hỗ trợ, giúp đỡ nhau. Làng có ruộng công, lợi tức dành để giúp đỡ những người nghèo khổ khó như, những quả phụ điền, cô nhi điền, trợ suu điền, khẩu phần điền. Chính quyền có những kho nghĩa thương, dưỡng tế sở, tuất cô cùng dành cứu giúp những người thiếu đói, tật nguyền, cô nhi quả phụ cơ nhỡ...

Đối với kẻ thù xâm lược bại trận, đầu hàng, nhân dân ta có truyền thống khoan dung, nhân nghĩa, đối xử rất nhân đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt Nam thì cũng đều là máu, người

Pháp hay người Việt thì cũng đều là người”<sup>1</sup>.

Truyền thống nhân ái của dân tộc đã được tiếp nối từ đời này qua đời khác và phát triển ngày càng rực rỡ trong thời đại Hồ Chí Minh, tạo thành dòng chảy tự nhiên của lòng yêu nước, lòng nhân ái và tinh thần chia sẻ, kết tinh trong cốt cách của con người Việt Nam.

Tháng 8-1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng Tháng Tám giành thắng lợi trên toàn quốc. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ngay từ giữa năm 1945, trước nguy cơ chiến tranh cận kề sau khi phátxít Nhật đảo chính thực dân Pháp, một số bác sĩ và nữ y tá đã mở các lớp huấn luyện cứu thương cấp tốc 3 tháng, 6 tháng ở Hà Nội, Sài Gòn, được thanh niên (chủ yếu là nữ) hưởng ứng, tham gia đông đảo. Đến cuối năm 1945, tại Hà Nội, lớp nữ cứu thương với 172 học viên do các bác sĩ Đỗ Xuân Hợp, Vũ Đình Tụng, bác sĩ Hoàng Đình Cầu, dược sĩ Hoàng Xuân Hà và một số đồng nghiệp huấn luyện đã hoàn thành khóa học, tổ chức lễ phát bằng tốt nghiệp tại Trường Đại học Y Hà Nội, có mời Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Thông tin - Tuyên truyền Trần Huy Liệu đến dự. Nhân dịp này, nhiều người đã đề xuất việc

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.510.

thành lập Hội Hồng thập tự, được dùng biểu tượng Chữ thập đỏ trong hoạt động chăm sóc thương binh. Bà Nguyễn Thị Thịnh, vợ bác sĩ Đỗ Xuân Hợp, là lớp trưởng, cùng bà Trần Thị Thanh, một học viên được cử lên gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh để xin ý kiến. Bà Nguyễn Thị Thịnh sau này kể lại:

... Lúc này (sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945), lớp cứu thương Hồng thập tự đầu tiên của nước ta, do sáng kiến cá nhân của cố giáo sư, bác sĩ Đỗ Xuân Hợp, người chồng yêu quý của tôi, đã mở được 6 tháng. Lớp gồm có 172 chị em. Lớp do bác sĩ Hợp giảng dạy với sự cộng tác đầy nhiệt tình, không ăn lương của bác sĩ Nghĩa Thuyết, bác sĩ Hoàng Đình Cầu, bác sĩ An, dược sĩ Hoàng Xuân Hà và một số anh em sinh viên y khoa sắp tốt nghiệp. Lớp còn được sự giúp đỡ về tài chính và phương tiện, thuốc men của nhiều nhà hảo tâm khác, trong đó có bà Nguyễn Thị Bính, tức bà Hoàng Xuân Hãn, lúc đó là dược sĩ cao cấp, có cửa hàng bán thuốc tây ở phố Tràng Thi.

Các chị em vừa học tập, vừa làm mọi việc xã hội cấp bách lúc đó: cứu đói, cứu rét, tổ chức các đội lưu động chống dịch, tiêm thuốc trừ tả lỵ, thương hàn, đặc biệt là bệnh sốt hồi quy do chấy rận của quân Tưởng đưa vào. Chị em còn thay phiên nhau xuống Hội Tế sinh ở phố Sinh Từ giúp trông nom trẻ em mồ côi; Hội Tế bần nuôi dưỡng các cụ già tàn tật, cô đơn; các khoa chữa bệnh làm phúc cho người nghèo của các bệnh viện ở Hà Nội. Ngày 2-9-

1945, chị em kéo nhau lên Ba Đình tổ chức các trạm cấp cứu lưu động, vừa tiếp tế nước uống cho đồng bào, vừa chữa các trường hợp bị cảm nắng cần cấp cứu tại chỗ.

Chính trong thời kỳ này, một số nhà trí thức yêu nước mà tiêu biểu là cố giáo sư, bác sĩ Đỗ Xuân Hợp có ý định thành lập tổ chức Hồng thập tự của Việt Nam. Làm Hội trưởng Hội cứu đói lúc bấy giờ, giáo sư Hợp có điều kiện được gặp Bác Hồ thường ngày nên đã bàn xin ý kiến của Bác. Bác hẹn sẽ tiếp chúng tôi vào sáng ngày 6-1-1946, sau khi bầu cử Quốc hội về. Chị Thanh, có biệt hiệu là “Thanh to đầu”, một trong những nữ sinh Hồng thập tự thông minh và tích cực nhất lớp, được cử đi cùng với tôi lên gặp Bác.

Trong khi ngồi chờ ở phòng đợi, tôi cứ nghĩ miên man, chốc nữa không biết nên chào Bác như thế nào cho đúng lễ phép và báo cáo với Bác những gì đây. Đang nghĩ thế thì một người mặc áo kaki lướt qua hành lang và bước vào phòng khách rất nhanh. Chị Thanh chưa được biết mặt Bác, hỏi tôi: “Sao lại có ông cụ thợ nề nào vào đây nhỉ?”. Tôi đã nhận ra Bác, chưa kịp trả lời thì đã có tiếng nói sau lưng: “Ông cụ thợ nề cùng toàn dân xây dựng đất nước đây. Thím và cô ngồi xuống đây”. Bác chỉ cho tôi ngồi vào đi văng ngay cạnh Bác. Chị Thanh ngồi ở ghế bên cạnh. Hoảng hốt, tim tôi đập dữ dội như trống làng. Tôi quên cả chào Bác, ngồi ngay xuống. Một phút sau, trấn tĩnh lại, tôi thấy Bác, thân mật, gần gũi hơn cả bố tôi ở nhà và tôi hết sợ.

Bác hỏi đầu tôi thưa đây, tự nhiên như đã quen biết Bác tự bao giờ. Bác hỏi chúng tôi về lớp cứu thương Hồng thập tự đang mở, về ý định lập Hội, tôn chỉ, mục đích và dự kiến chương trình hoạt động. Thấy tôi lúng túng trước một vài ý kiến còn khác nhau lúc đó về việc thành lập Hội, Bác ôn tồn giảng giải cho nghe về Phong trào Hồng thập tự quốc tế, về hoạt động của một số Hội Hồng thập tự các nước khác và chỉ dẫn cho cả phương hướng hoạt động của Hội Hồng thập tự Việt Nam. Sự uyên thâm trong lĩnh vực Hồng thập tự này của Bác thật sự làm chúng tôi kinh ngạc, vì thực ra chúng tôi đã hiểu gì về Hồng thập tự đâu!

Bác khuyên: Phải xuất phát từ tình yêu thương nhân dân tha thiết mà góp phần bảo vệ sức khỏe nhân dân và làm mọi việc có thể làm được để giảm bớt đau thương cho họ. Không có thái độ hách dịch, ban ơn. Cần làm việc cho tốt, luôn chí công vô tư thì ít mắc sai lầm. Không nên thiên về hình thức, việc gì có lợi cho nhân dân thì làm.

Rồi cười rất hóm hỉnh, Bác nhìn tôi bảo: Bác giao cho thím đây. Với sự giúp đỡ của chú Hợp, thím cứ mạnh dạn cùng chị em thành lập Hội đi, cần gì Bác sẽ giúp. Bất cứ lúc nào cần đến Bác, thím cứ đến gặp.

Rồi cầm lấy cuốn sổ vàng mà chúng tôi mang theo, Bác bảo: Bây giờ muốn Bác làm gì nào? Tôi thưa: Thưa Bác, xin Bác vui lòng nhận làm Hội trưởng danh dự cho Hội chúng cháu.



Mở trang đầu sổ, Bác viết “Hồng thập tự Việt Nam. Trưởng ban danh dự”. Rồi Bác đề ngày và ký tên. Bác ân cần dặn dò: Lúc đầu nên nhả nhận gọi là Ban. Sau này hoạt động tốt, phát triển mạnh, sẽ đổi thành Hội.

Hiểu tâm lý chúng tôi là muốn được đóng dấu to vào sổ vàng, Bác dặn cứ về, hễ đồng chí giữ dấu về lúc nào, Bác sẽ bảo đóng dấu và đem xuống trả ngay. Đứng dậy tiễn chúng tôi, Bác còn hỏi: “Liệu có hoàn thành được nhiệm vụ Bác giao phó không?”. Chúng tôi quyết tâm “Thưa Bác, chúng cháu xin hết sức ạ”.

Tối hôm ấy, tại nhà riêng của tôi ở số 68 Trần Xuân Soạn, Ban Hồng thập tự Việt Nam, nói cho đúng hơn là Ban vận động Hồng thập tự Việt Nam được thành lập, do Chủ tịch Hồ Chí Minh là Trưởng ban danh dự. Mọi người bầu tôi làm Trưởng ban. Chúng tôi cũng chọn anh Vu Hữu Chánh, sinh viên Y khoa sắp ra trường làm Thư ký và chị Nguyễn Thị Phong, nữ sinh Hồng thập tự khóa I, lớn tuổi, đã có gia đình, làm Thủ quỹ.

10 giờ đêm, có tiếng chuông gọi cửa. Bận trăm công nghìn việc, Bác vẫn không quên bảo đưa trả lại chúng tôi cuốn sổ vàng đã được đóng dấu son đỏ chói của Bác. Ngày hôm sau, 7-1-1946, trong buổi lễ phát giấy chứng chỉ của lớp cứu thương Hồng thập tự đầu tiên, với sự có mặt của đông đảo các vị đại biểu Trung ương và Hà Nội, Bác Hồ còn gửi thư chúc mừng -

một vinh dự lớn ngoài lòng mong mỏi của chúng tôi<sup>1</sup>.

Ở Nam Bộ, ngay từ những ngày đầu mở đầu kháng chiến, các tổ Hồng thập tự đã cùng nhân viên y tế các bệnh viện địa phương tham gia cứu chữa, bảo vệ thương binh. Nhiều lớp cứu thương cấp tốc được mở ra, đào tạo người tình nguyện, nhiều khi chỉ trong vòng vài ba ngày, chủ yếu là các kỹ thuật sơ cấp cứu, chăm sóc vận chuyển thương binh. Ở khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn, nhiều trạm cấp cứu treo cờ Hồng thập tự đã được mở để phục vụ các mặt trận Thị Nghè - Cầu Bông, Phú Lâm, Bà Queo... Tại Phú Lâm đã xảy ra một trận đụng độ lớn giữa dân quân ta với quân Nhật. Sau cuộc giao tranh, bác sĩ Nguyễn Văn Hoa, phụ trách Trạm, đã trưng cờ Hồng thập tự đến gặp chỉ huy Nhật, yêu cầu được thu thập vận chuyển thương binh, chôn cất tử sĩ và đã được phía Nhật đồng ý. Thương binh được đưa về trạm cấp cứu, 10 tử sĩ được chôn cất ở gò Bà Chủ, Phú Lâm. Tại Khánh Hòa, đoàn nữ thanh niên Trung Trắc - Trung Nhị đã thành lập Đội nữ Hồng thập tự gồm 30 chị, phục vụ tại các bệnh viện hoặc theo bộ đội ra chiến trường, hầu hết sau đó đã hy sinh tại mặt trận Nha Trang. Khi chiến sự mở rộng, tổ chức Hồng thập tự từ các tỉnh Trung Bộ, Nam Bộ đều dần được đưa vào biên chế quân y các đơn vị bộ đội chủ lực hoặc địa phương.

Ở miền Bắc, do chưa xảy ra chiến sự, hoạt động của Ban Hồng thập tự tập trung chủ yếu vào các nội dung vận động xã

---

1. Xem Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam: *Lịch sử Hội Chữ thập đỏ Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2016, tr.17-19.

hội và huấn luyện, mở các lớp đào tạo. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, hội viên đã tích cực tham gia các phong trào tăng gia sản xuất, phòng chống lũ lụt, cứu đói... Nhiều hội viên nhận chăm sóc người già, trẻ mồ côi trong các trại tế sinh, tế bản của chế độ cũ để lại. Nhiều hội viên tham gia các đợt vận động tuyên truyền nếp sống mới, vệ sinh, phòng bệnh, chống dịch... Ban cũng đã tổ chức dạ hội từ thiện, chợ phiên từ thiện, triển lãm đồ chơi trẻ em và bán đấu giá quần áo quyên góp được.

Ngoài các hoạt động xã hội, Ban cũng đã mở các lớp Hồng thập tự khóa 2, khóa 3, đào tạo y tá, cứu thương, có lớp hàng trăm người tham dự, thời kỳ đó học viên hầu hết là nữ. Nhiều hội viên được huấn luyện sau đó đã xung phong theo các đoàn quân Nam tiến, có mặt phục vụ ở nhiều chiến trường Trung Bộ, Nam Bộ, nhiều người đã anh dũng hy sinh. Ở miền Bắc, nhiều hội viên đã tham gia tích cực trong cuộc chiến đấu anh hùng giữa lòng Hà Nội, bảo vệ Thủ đô những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc. Nhiều người đã gia nhập Vệ quốc đoàn, thành những lực lượng cốt cán của ngành Quân y. Có những người sau này được tiếp tục đào tạo, tốt nghiệp bác sĩ, tiến sĩ, công tác trong hoặc ngoài quân đội.

Cuối năm 1946, nguy cơ chiến tranh đã cận kề, để hợp thức và củng cố sự lãnh đạo của Hội, thống nhất tổ chức, *Đại hội đại biểu Hội Hồng thập tự Việt Nam lần thứ nhất* đã được tổ chức ngày 23-11-1946 tại đình làng Thanh Âm, thị trấn

Vân Đình, huyện Ứng Hòa, (nay thuộc Hà Nội). Đại hội đã thông qua Điều lệ Hội, xác định phương hướng, nhiệm vụ hoạt động; bầu Ban Trị sự gồm 12 người (trong đó 11 người là bác sĩ). Bác sĩ Vũ Đình Tụng<sup>1</sup> làm Hội trưởng; bác sĩ Trần Hữu Tước và bà Nguyễn Thị Thịnh được cử làm Phó hội trưởng; bác sĩ Tôn Thất Tùng được cử làm Tổng thư ký; bác sĩ Trịnh Văn Tuất, bác sĩ Vu Hữu Chánh được cử làm Phó Tổng thư ký; bác sĩ Trịnh Đình Cung được phân công làm thủ quỹ. Bác sĩ Trần Duy Hưng, bác sĩ Nguyễn Viêm Hải, bác sĩ Đinh Văn Thắng, bác sĩ Hoàng Thụy Ba, bác sĩ Dương Cẩm Chương được mời làm cố vấn. Đại hội đã thống

---

1. BS. Vũ Đình Tụng (25-6-1895 - 4-1973), quê quán: Vụ Bản, Nam Định; là một trí thức công giáo yêu nước, có cảm tình với cách mạng và giàu lòng nhân ái; là một trong những bác sĩ đầu ngành về ngoại khoa của y học Việt Nam. Năm 1947, ông đảm nhận chức vụ Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh (19-7-1947 - 4-1959). Trước đó, ông từng giữ trách nhiệm Giám đốc Nha Y tế Bắc Bộ. Hòa bình lập lại, Bác Hồ và Chính phủ đã tin tưởng giao ông tiếp tục chỉ đạo công tác thương binh liệt sĩ sau chiến tranh. Đặc biệt, trong đợt ra quân lớn sau năm 1958, Bác sĩ Vũ Đình Tụng chuyển sang chuyên trách là Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Từng là Giám đốc Nha y tế Bắc Bộ khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Ủy viên Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam, Ủy viên Ủy ban Liên lạc toàn quốc những người công giáo Việt Nam yêu Tổ quốc, yêu hòa bình, bác sĩ Vũ Đình Tụng được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất và nhiều phần thưởng cao quý khác.

nhất suy tôn Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch danh dự của Hội. Điều lệ xin ý kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh, thông qua tại Đại hội, trong đó xác định về mặt tổ chức, Hội có 5 cấp: Ban Trị sự trung ương, Ban Trị sự kỳ, Ban Trị sự tỉnh, chi Hội và phân Hội. Ngày 31-5-1947, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Tôn Đức Thắng đã ký Nghị định số 77-NV cho phép Hội Hồng thập tự Việt Nam được thành lập và hoạt động.

Đến cuối năm 1946, tại 3 thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định đã thành lập tổ chức Hồng thập tự, có ban trị sự và có kế hoạch hoạt động cụ thể. Sau đó, hoạt động của Ban Hồng thập tự đã được mở rộng đến nhiều tỉnh. Chiến tranh tiếp tục lan rộng ra cả nước, chính quyền nhân dân non trẻ bị đe dọa. Mặc dù Hội chưa phát triển thành hệ thống sâu rộng nhưng đã tham gia đắc lực việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, chiến sĩ, tham gia cứu chữa bệnh nhân đạo, bắt đầu thiết lập các quan hệ quốc tế. Từ đêm 19-12-1946, hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hầu hết các hội viên Hồng thập tự được đào tạo trong những năm 1945 -1946 đã tích cực tham gia phục vụ tại các mặt trận. Nhiều ủy viên Ban Trị sự của Hội được giao nhiệm vụ tổ chức các trạm cấp cứu, các bệnh viện dã chiến, các bệnh viện hậu phương. Bác sĩ Vũ Đình Tung và bác sĩ Đình Văn Thắng đã mở trạm phẫu thuật trong bệnh viện Bạch Mai, tiến hành mổ cho các thương binh ngay trong đêm. Khi bị giặc xâm chiếm, trạm phẫu thuật được chuyển về Văn Điển rồi lại

chuyển về La Phù, Thanh Oai. Bác sĩ Trần Hữu Tước phụ trách trạm cứu thương Cầu Phùng, Đan Phượng, sau đó được giao tổ chức một bệnh viện dã chiến ở Hoài Đức. Bác sĩ Tôn Thất Tùng cùng giáo sư Hồ Đắc Di được giao nhiệm vụ tổ chức một bệnh viện hậu phương lớn ở Vân Đình, với các phẫu thuật viên hầu hết là nhân viên cũ của Bệnh viện Phủ Doãn (Bệnh viện Việt Đức ngày nay) và Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Bác sĩ Hoàng Thụy Ba và bác sĩ Nguyễn Viêm Hải tham gia phẫu thuật tại bệnh viện dã chiến đặt ở làng Cự Đà... Tại các cơ sở y tế lúc đó, nhân viên phục vụ hầu hết là hội viên Hồng thập tự Việt Nam. Nhiều hội viên còn hoạt động tại các trạm cứu thương khác đặt rải rác xung quanh Hà Nội, như trạm Thanh Liệt (bác sĩ Nguyễn Hữu phụ trách), trạm Quốc Oai (bác sĩ Nguyễn Hiền Mão phụ trách), trạm giải phẫu lưu động (bác sĩ Hoàng Đình Cầu phụ trách) và các trạm Nhật Tân, Xuân Tảo, Cầu Giấy, Quỳnh Lôi, Thanh Xuân, Giáp Bát... Nhiều hội viên Hồng thập tự còn tham gia phục vụ ngay tại chiến trường Liên khu I cùng Trung đoàn Thủ đô “quyết tử” lừng danh, đã anh dũng chiến đấu cầm chân quân giặc suốt trong 2 tháng ròng rã giữa lòng Hà Nội.

Từ tháng 4-1947, quân Pháp đánh chiếm hầu hết các thị xã, thị trấn ở Hà Đông, Sơn Tây. Các đơn vị của ta phải rút lên Phú Thọ hoặc về vùng Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình. Các hội viên Hồng thập tự chuyển sang tiếp tục phục vụ tại các bệnh viện địa phương hoặc đơn vị quân đội, nhiều người

công tác liên tục cho đến ngày toàn thắng. Tháng 1-1947, Chính phủ Pháp đã đồng ý để Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế cử người vào Việt Nam và ngày 29-1-1947, Axliman, Đại diện Ủy ban đã đến Hà Nội. Axliman đã tiếp xúc qua điện đài với ông Hoàng Minh Giám, thay mặt Bộ Ngoại giao và bác sĩ Tôn Thất Tùng, Tổng thư ký Hội Hồng thập tự Việt Nam, bàn về việc trả tự do cho một số thường dân Pháp bị bắt giữ cuối tháng 12-1946. Ngày 7-2-1947, Axliman đã đến thăm một địa điểm ở Hòa Bình, mang theo thực phẩm và thuốc y tế. Ngày 28-2-1947, theo lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch danh dự của Hội Hồng thập tự Việt Nam, 29 người bị bắt giữ (có 19 người Pháp, 10 người Anh) là người già, phụ nữ và trẻ em đã được trao trả cho Ủy ban Hồng thập tự quốc tế tại một địa điểm gần thị xã Hà Đông.

Ngày 24-4-1947, Axliman cùng một đại diện khác của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế và giáo sư Huya, Chủ tịch Hội Hồng thập tự Pháp tại Hà Nội đã gặp lại bác sĩ Tôn Thất Tùng tại một địa điểm gần Cầu Đuống. Đoàn đã chuyển cho bác sĩ Tôn Thất Tùng một số thuốc tân dược dành cho Hội Hồng thập tự Việt Nam và tù binh. Các cuộc tiếp xúc còn tiếp tục một vài lần cho đến giữa năm, nhưng ngày càng khó khăn vì lệ thuộc việc tìm khu vực ngừng bắn có thể làm địa điểm gặp gỡ, do chiến sự ngày càng lan rộng. Trước tình hình đó, trong thư trả lời ngày 21-8-1947 của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đại diện Hội Hồng thập tự quốc tế khi Hội yêu

cầu được đi thăm các trại tù binh, Người viết “Chúng tôi sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của các ông ngay khi điều kiện vật chất cho phép”<sup>1</sup>.

Cũng trong đầu năm 1947, một đoàn Hồng thập tự Pháp do bác sĩ Terít dẫn đầu đã được Ủy ban hành chính - kháng chiến khu IV cho phép đến Vinh và vùng ngoại thành Huế thăm tù binh và chuyển cho họ một số quà và thư của gia đình. Hội Hồng thập tự Pháp đã trao cho ta một số hàng hóa, tiền và thuốc men để nhờ chuyển cho tù binh. Tháng 10-1950, tại Thất Khê, Cao Bằng, bác sĩ Nguyễn Thúc Mậu, đại diện Cục Quân y, thay mặt Hội Hồng thập tự Việt Nam, đã trao cho Hội Hồng thập tự Pháp, do giáo sư Huyá đại diện, 180 tù binh Pháp và Âu - Phi bị ta bắt trong Chiến dịch biên giới. Tháng 11, ta cũng đã chuyển cho Pháp danh sách các tù binh đang bị giam giữ.

Tháng 1-1951, tại Cao Bằng, ta đã trao cho Pháp một số hài cốt sĩ quan, binh lính Pháp. Tháng 2-1951, 46 thương binh Pháp được trao trả tại Thái Nguyên. Tháng 12-1951, 42 tù binh lại được trao trả tại Chợ Bến, Hòa Bình. Trong năm 1951, qua nhiều trận thắng lớn, ta đã bắt được nhiều tù binh và theo chỉ thị của Bộ Tổng tư lệnh, chúng ta đã trao trả cho phía Pháp hàng trăm thương binh: 663 người tại các tỉnh Bắc Giang - Bắc Ninh, Việt Trì, Thái Nguyên, Mạo Khê (Quảng Ninh), Ninh Bình, Vĩnh Phúc; 24 người tại Liên khu III; 88

---

1. Hồ sơ lưu trữ tại Thư viện Ủy ban Chữ Thập đỏ quốc tế tại Gionevor.



người tại Liên khu IV; 6 người tại Liên khu V. Trong năm 1952, hơn 1.000 thương binh đã được ta trao trả cho quân Pháp, trong đó 914 người tại Liên khu I, 32 người tại Liên khu III, 58 người tại Liên khu IV và 46 người tại Liên khu V. Trong năm 1953 và đầu năm 1954 (chưa kể sau chiến thắng Điện Biên Phủ), số được trao trả là 854 người, trong đó có 198 người tại Tây Bắc, 526 người tại Liên khu III, 7 người tại Liên khu IV, 54 người tại Liên khu V. Theo tư liệu của Cục Lưu trữ quốc gia, trong thời gian từ năm 1950 đến tháng 2-1954, số tù binh, hàng binh được ta phóng thích là 2.871 người, trong số đó có 1.555 người gốc Phi, 1.189 người gốc Âu (353 người Đông Âu)<sup>1</sup>.

Trong vấn đề tù binh, thời kỳ này Chính phủ ta chưa tham gia các Công ước Gionevơ, Hội Hồng thập tự Việt Nam cũng chưa là thành viên Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, nhưng với truyền thống nhân đạo tốt đẹp của dân tộc và dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội Hồng thập tự Việt Nam đã tập trung phối hợp với Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, một số Hội quốc gia tiến hành các hoạt động nhân đạo với thương binh, tù binh, hàng binh địch và trao trả tù binh chiến tranh theo đúng tinh thần của luật nhân đạo quốc tế, góp phần tích cực thực hiện chính sách nhân đạo của Chính phủ Việt Nam Dân chủ

---

1. Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam: *Lịch sử Hội chữ thập đỏ Việt Nam (tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, Sđd, tr.28.

Cộng hòa, mở đầu quan hệ đối ngoại nhân dân.

Bước vào chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cho công bố năm điều kỷ luật chiến trường, trong đó có quy định không được hành hạ, bắn giết tù binh. Các tù binh địch được đối xử tử tế, thương binh được chăm sóc đầy đủ. Tại trại Na Hang (Tuyên Quang), tù binh được ở ngay trong nhà dân, năm 1952, còn được ăn Tết với các gia đình<sup>1</sup>. Từ tháng 5-1950, Chính phủ ta đã cho phép tù binh được gửi tin tức về gia đình qua Đài Tiếng nói Việt Nam. Từ ngày 14-8-1953, theo đề nghị của Phó Chủ tịch Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh đã đồng ý chuyển thư từ của gia đình cho các tù binh đang bị ta giam giữ.

Vào dịp Noel và Tết dương lịch năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư thăm hỏi các thương binh, hàng binh, tù binh địch trong các trại giam, trong thư, Bác đã viết: Chúng tôi căm thù bọn thực dân Pháp nhưng không phải là các bạn. Các bạn là nạn nhân của chủ nghĩa thực dân đã đem lại cho các bạn sự nô lệ, đói khát và chết chóc... Chúng tôi biết phân biệt rõ ràng bọn thực dân và bọn tôi tớ của đế quốc gây chiến Mỹ với các bạn là con em của lao động Pháp và của các nước khác...<sup>2</sup>.

---

1. Xem Kỳ Thu: *Khép lại quá khứ đau thương - Hồi ký về trại tù binh sĩ quan Pháp số 1*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1993.

2. Theo Tư liệu của Cục lưu trữ quốc gia Việt Nam.

Trong nhiều thư của tù binh gửi lên Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ ta nói lên sự cảm phục và lòng biết ơn về sự đối xử nhân đạo. Trong thư của tù binh gửi về gia đình cũng nói lên sự đối xử tốt của ta, vạch trần sự phi nghĩa của thực dân Pháp và kêu gọi phản chiến, ủng hộ Việt Minh. Ngày 14-12-1951, thư của tù binh Pháp do thượng úy Hâyđêman đại diện ký gửi lên Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng đã ca ngợi sự đối xử nhân đạo của bộ đội Việt Nam đối với họ. Thiếu tá quân y Gôrouyn, sau trận Điện Biên Phủ, đã khẳng định: Lòng biết ơn của tù binh và của chúng tôi đối với quân đội nhân dân Việt Nam ở Điện Biên phủ và với Chủ tịch Hồ Chí Minh thực là sâu nặng. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên điều đó<sup>1</sup>.

Ngày 17-2-1951, tại Thái Nguyên, trả lời phỏng vấn của phóng viên báo *Cứu quốc* và Đài Tiếng nói Việt Nam, ông Ganay, đại diện Hội Hồng thập tự Pháp đến nhận thương binh, đã nói: “Tôi nhân danh Hội Hồng thập tự Pháp nhiệt liệt hoan nghênh và tỏ lòng biết ơn lượng khoan hồng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho Hội Hồng thập tự Việt Nam trao trả cho Hội Hồng thập tự Pháp 46 thương binh ở sân bay Thái Nguyên này cũng như cách đây không lâu bác sĩ Huya đã nhận được ở sân bay Thất Khê hơn trăm thương binh Pháp. Tôi tin chắc rằng được biết tin này, gia đình các binh sĩ Pháp

---

1. Xem Kỳ Thu: *Khép lại quá khứ đau thương - Hồi ký về trại tù binh sĩ quan Pháp số 1, Sđd.*

trên đây sẽ sung sướng vô cùng và biết ơn cử chỉ nhân đạo đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

## **2. Chính thức tham gia cùng cộng đồng quốc tế**

Ngày 5-6-1957, thay mặt nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi Công hàm đến Tổng thống Liên bang Thụy Sĩ, tuyên bố gia nhập Công ước Gionevơ ngày 12-8-1949, đặt nền tảng cho quá trình hội nhập quốc tế trong lĩnh vực nhân đạo của nước ta. Trong Công hàm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “... Tôi trân trọng báo tin để Ngài rõ: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố gia nhập những Công ước sau đây: Công ước Gionevơ số I ngày 12-8-1949, về việc cải thiện tình trạng của những thương binh và bệnh binh thuộc những lực lượng vũ trang chiến đấu trên bộ; Công ước Gionevơ số II ngày 12-8-1949, về việc cải thiện tình trạng của những thương binh, bệnh binh và những người bị đắm tàu thuộc những lực lượng hải quân; Công ước Gionevơ số III ngày 12-8-1949, về việc đối xử với tù binh; Công ước Gionevơ số IV ngày 12-8-1949, về việc bảo hộ thường dân trong lúc chiến tranh. Gia nhập các Công ước nói trên, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thấy cần phải đề ra một số điều trừ ngoại, ghi trong bản Phụ lục đính theo đây...”<sup>1</sup>.

---

1. Những điều trừ ngoại (ngoại trừ) ghi trong Phụ lục của Chính

Trên cơ sở pháp lý của Công hàm (Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế chỉ công nhận một Hội quốc gia khi Chính phủ của Hội đó đã gia nhập các Công ước Gionevơ), ngày 11-9-1957, bác sĩ Vũ Đình Tung, Hội trưởng, đã gửi thư đến ông Lêôpôn Boaxiê, Chủ tịch Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế thông báo việc Hội Hồng thập tự Việt Nam có nguyện vọng gia nhập Ủy ban và Hiệp hội, đồng thời kèm theo bản báo cáo về các hoạt động của Hội từ khi thành lập.

Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế đã đáp ứng, khẩn trương giải quyết, bỏ qua các thủ tục thông thường<sup>1</sup>. Ngày 1-11-1957, Ủy ban đã thông báo cho các Hội quốc gia thành viên để ngày 4-11-1957, đoàn Việt Nam, do bác sĩ Tôn Thất Tùng làm Trưởng đoàn, có thể tham dự cuộc họp của Đại Hội đồng Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế ở Niu Đêli, Ấn Độ. Tại hội nghị này, Hội Hồng thập tự Việt Nam đã được công nhận là thành viên chính thức của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế và Hiệp hội Chữ thập đỏ, Trăng lưỡi liềm đỏ

---

phủ ta gồm có 7 điều, đó là: Điều 10 Công ước Gionevơ số I; Điều 10 Công ước Gionevơ số II; Điều 10, 12 và 85 Công ước Gionevơ III; Điều 11 và 45 Công ước Gionevơ số IV. Xem Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam: *Lịch sử Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Sdd*, tr.42.

1. Ghi trong thư ngày 3-10-1957 của Chủ tịch Lêôpôn Boaxiê gửi bác sĩ Vũ Đình Tung.

quốc tế.

Đại hội đại biểu Hội Hồng thập tự Việt Nam lần thứ nhất (năm 1946), lần II (năm 1960) và lần III (năm 1965) cùng các hoạt động ban đầu đã đánh dấu sự ra đời của Hội Hồng thập tự Việt Nam, tổ chức nhân đạo chuyên nghiệp đầu tiên ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người hiểu rất rõ về phong trào nhân đạo và cứu trợ quốc tế, chính Người là tác giả bài viết *Quốc tế cứu tế đỏ* và cũng là người được Quốc tế cứu tế đỏ trợ giúp khi bị cảnh sát Anh bắt tại Hương Cảng, Trung Quốc, có lẽ vì vậy Người đã sớm ủng hộ việc thành lập Hội Hồng thập tự Việt Nam, nay là Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và vui lòng nhận làm Chủ tịch Danh dự. Đây là sự vinh dự lớn cho Hội và cán bộ, hội viên Hội Chữ thập đỏ Việt Nam mà không phải tổ chức đoàn thể nào cũng có được.

## II- HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO HỒ CHÍ MINH

### **1. Tất cả vì người nghèo, người dễ bị tổn thương**

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam ra đời ngày 23-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch danh dự của Hội trong suốt 23 năm (1946 - 1969), từ khi thành lập đến khi Người qua đời. Tiếp đó, Tổng Bí thư Đỗ Mười (1995 - 2001), Chủ tịch nước Trần Đức Lương (2001 - 2012), Chủ tịch nước Trương Tấn

Sang (từ năm 2012 đến nay) làm Chủ tịch danh dự của Hội. Hơn 70 năm qua, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, trưởng thành về mọi mặt, đóng góp to lớn cho sự nghiệp nhân đạo của đất nước. Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng của Người với sự nghiệp nhân đạo nói riêng có vai trò, ý nghĩa quan trọng không chỉ với Hội Chữ thập đỏ Việt Nam mà còn đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, khẳng định sự tiếp nối, phát triển những giá trị tư tưởng, đạo đức tốt đẹp, tấm gương đạo đức sáng ngời, tư tưởng về chủ nghĩa nhân đạo cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch danh dự đầu tiên của Hội.

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cán bộ, hội viên trong những năm qua, các cấp Hội Chữ thập đỏ Việt Nam không ngừng nỗ lực đẩy mạnh thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua thiết thực chăm lo cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, các đối tượng dễ bị tổn thương, góp phần cùng Đảng, Nhà nước thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

Trong giai đoạn đầu khi mới thành lập Hội, Ban Trị sự (nay là Ban Chấp hành) chỉ có 12 người, hầu hết đều làm việc kiêm nhiệm, chưa có văn phòng chuyên trách; tổ chức Hội với gần 1.000 hội viên chỉ tập trung ở một vài thành phố lớn, đến cuối năm 2016, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã được tổ

chức ở 4 cấp từ Trung ương đến cơ sở (99,5% xã, phường, thị trấn, hơn 80% trường học, nhiều cơ quan, doanh nghiệp có tổ chức Hội) với trên 16 ngàn Hội cơ sở, gần 15 ngàn cán bộ Hội chuyên trách, trên 400 ngàn tình nguyện viên, gần 8 triệu hội viên, thanh thiếu niên chữ thập đỏ.

Hoạt động của Hội ban đầu mới tập trung một số lĩnh vực cụ thể (chăm sóc sức khỏe, sơ cấp cứu, chăm sóc thương bệnh binh và trợ giúp người dân bị ảnh hưởng bởi chiến tranh), mở lớp đào tạo cứu thương, quyên gạo cứu đói, thăm hỏi, tham gia trao trả tù binh<sup>1</sup>, tiếp nhận và phân phối viện trợ. Đến nay hoạt động của Hội ngày càng chuyên nghiệp, phong phú, đa dạng với bảy lĩnh vực trọng tâm được xác định trong Luật hoạt động chữ thập đỏ, bao gồm: 1) Cứu trợ khẩn cấp và trợ giúp nhân đạo; 2) Chăm sóc sức khỏe; 3) Sơ cấp cứu ban đầu; 4) Hiến máu nhân đạo, hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác; 5) Tìm kiếm tin tức thân nhân thất lạc do

---

1. Mục đích của Hội ban đầu đặt ra theo Điều lệ Hội Hồng thập tự Việt Nam là: Trong thời kỳ chiến tranh: giúp đỡ các cơ quan quân y và dân y để trông nom các thương binh; các tù binh; chăm sóc sức khỏe của đồng bào tản cư và di cư; cố gắng làm giảm bớt các tai nạn do chiến tranh gây ra; giúp đỡ các thương binh trong mọi trường hợp cùng gia đình các chiến sĩ trận vong. Trong thời kỳ hòa bình: giúp đỡ các cơ quan y tế chống các nạn dịch tễ, các truyền nhiễm..., truyền bá vệ sinh và tân y học trong đại chúng để nâng cao mức sống; đào luyện các nhân viên Hồng thập tự cần thiết cho sự hoạt động của Hội; liên lạc với các Hội Hồng thập tự các nước để tham gia công cuộc Hồng thập tự quốc tế.



chiến tranh, thiên tai, thảm họa; 6) Tuyên truyền các giá trị nhân đạo; 7) Tham gia phòng ngừa, ứng phó thảm họa.

Nhiều phong trào, cuộc vận động, chương trình của Hội, như: Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam”, Cuộc vận động “Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo”, dự án “Ngân hàng bò” và sau đó là Chương trình “Ngân hàng bò - Chung sức cùng đồng bào các huyện nghèo, xã biên giới xây dựng nông thôn mới”, Chiến dịch vận động hiến máu tình nguyện dịp Tết và Lễ hội Xuân hồng; Chiến dịch những giọt máu hồng hè - Hành trình đỏ, Chiến dịch khám, chữa bệnh nhân đạo và chăm sóc sức khỏe cộng đồng... đã trở thành phong trào của nhân dân, lôi cuốn được ngày càng nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia.

Trong công tác trợ giúp nhân đạo, ban đầu Hội tập trung thăm hỏi, trao trả tù binh và trong những năm 60 của thế kỷ XX, khi đất nước còn bị chia cắt, Hội đã vận động gửi thuốc, gạo, vải giúp nhân dân các vùng bị địch tạm chiếm, vùng bị thiên tai nghiêm trọng... Sau khi đất nước thống nhất (ngày 30-4-1975), trước những vấn đề xã hội cấp bách, Hội đã trợ giúp việc tổ chức lại cuộc sống cho hàng ngàn người trở về từ các trại tập trung, áp chiến lược của ngụy quyền; giúp đỡ nhân dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới ổn định cuộc sống; chăm sóc các gia đình thương binh liệt sĩ, cán bộ, chiến sĩ bị giam cầm dưới chế độ cũ bị tàn tật, ốm đau; cứu trợ khẩn cấp các Việt kiều từ Campuchia lánh nạn trở về; giúp

những người phải rời bỏ nhà cửa đi sơ tán trong các cuộc xung đột ở biên giới Tây Nam, chiến tranh biên giới phía Bắc ổn định cuộc sống. Hội Chữ thập đỏ các tỉnh phía Nam đã vận động xóa cầu khi, tu sửa, xây mới hơn 65.000 cầu Chữ thập đỏ, tôn tạo trên 42.000 km đường nông thôn, xây và sửa chữa trên 453.000 ngôi nhà, trên 3.000 nhà trẻ, phòng học, trạm y tế...

Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” thực hiện từ năm 1999, hằng năm tặng trên dưới 1 triệu suất quà Tết. Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam thành lập và hoạt động từ năm 1998, hằng năm đã vận động từ 100 - 550 tỷ đồng trợ giúp từ 500.000 đến hơn 2 triệu lượt người nghèo, nạn nhân chất độc da cam. Từ năm 2008, toàn Hội thực hiện Cuộc vận động “Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo”, hằng năm vận động 300 -400 tỷ đồng, trợ giúp thường xuyên trên 600.000 “địa chỉ nhân đạo”. Từ năm 2010, dự án “Ngân hàng bò” được Hội triển khai trên toàn quốc, đến hết năm 2016 đã trao tặng 22.000 con bò cho 22.000 hộ nghèo tại 61 tỉnh, thành (trong đó có 62 huyện nghèo, 452 xã biên giới) với tổng kinh phí trên 180,8 tỷ đồng. Ngoài ra, Hội còn tham gia dạy nghề, hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ xã hội và việc làm, vay vốn phát triển sản xuất...

Đến nay, các cấp Hội tiếp tục duy trì các hoạt động chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng với 1.189 cơ sở khám, chữa

bệnh Chử thập đò, 260 đội khám, chữa bệnh Chử thập đò lưu động và thông qua “Chiến dịch khám, chữa bệnh nhân đạo và chăm sóc sức khỏe cộng đồng”. Hằng năm có trên 1 triệu lượt người được khám chữa bệnh, tư vấn sức khỏe và cấp thuốc miễn phí; 7 trung tâm, 2 trạm và 182 điểm sơ cấp cứu cộng đồng đủ tiêu chuẩn được Sở Y tế địa phương cấp phép hoạt động trong tổng số 5.337 trung tâm/cơ sở, trạm, điểm sơ cấp cứu; hằng năm, sơ cứu cho gần 140 nghìn người, trong đó có trên 60 nghìn nạn nhân tai nạn giao thông; đã xây dựng 2.253 công trình nước sạch (1.688 bể nước, 186 giếng khoan, 389 công trình nước khác) và 2.248 công trình vệ sinh cho các hộ nghèo; tổ chức hơn 300 bếp ăn tình thương, cung cấp 1,2 triệu suất ăn tình thương mỗi năm.

Hội Chử thập đò Việt Nam cũng thực hiện các hoạt động trợ giúp các nước láng giềng Lào, Campuchia, nhất là trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe; đã cử đoàn cán bộ sang công tác tại tỉnh Xiêng Khoảng, tổ chức cấp cứu, điều trị cho bộ đội và nhân dân nước bạn bị thương trong chiến tranh, mở các lớp huấn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ, trao tặng y cụ, thuốc men và Bệnh viện Hồng thập tự Việt Nam tại thị trấn Phônxavăn sau khi đoàn kết thúc nhiệm vụ (ngày 27-1-1962). Đoàn thầy thuốc khám chữa bệnh tình nguyện của Trung ương Hội (khu vực phía Nam) và một số tỉnh, thành Hội thường xuyên tổ chức các đợt khám chữa bệnh và mổ mắt miễn phí cho nhân dân nghèo các tỉnh biên giới thuộc

Campuchia, Lào.

Công tác vận động hiến máu nhân đạo được toàn Hội triển khai mạnh mẽ từ những năm đầu thế kỷ XXI. Đến cuối năm 2016, toàn quốc có 100% tỉnh, thành phố, hơn 98% cấp huyện và gần 74% cấp xã đã lập Ban Chi đạo vận động hiến máu tình nguyện. Các cấp Hội lập mới và duy trì hoạt động 3.137 câu lạc bộ hiến máu tình nguyện<sup>1</sup> với tổng số 126.281 thành viên; hằng năm phối hợp thực hiện hiệu quả các chiến dịch vận động hiến máu tình nguyện như: “Chiến dịch vận động hiến máu tình nguyện dịp Tết và Lễ hội Xuân hồng, Chiến dịch những giọt máu hồng và hành trình đỏ đã vận động được trên 4 triệu 700 ngàn đơn vị máu trong 4 năm 2013 - 2016, góp phần đảm bảo máu cho cấp cứu và điều trị, trong đó tỷ lệ hiến máu tình nguyện đạt 97,5%, tương đương 1,52% dân số hiến máu, vượt chỉ tiêu 1,4% do Chính phủ đề ra (trước năm 1994 hầu như chưa có người hiến máu tình nguyện).

Trong hoạt động tham gia phòng ngừa và ứng phó thiên tai, thảm họa, Hội tập trung tuyên truyền, phổ biến kiến thức, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, thảm họa cho cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh thiếu niên Chũr thập đỏ và nhân dân; tổ chức lực lượng, phương tiện và

---

1. Bao gồm: Câu lạc bộ hiến máu dự bị (“Ngân hàng máu sống”); Câu lạc bộ 25; Câu lạc bộ người có nhóm máu hiếm, Câu lạc bộ gia đình hiến máu; Câu lạc bộ vận động hiến máu tình nguyện.

các điều kiện vật chất khác để tham gia phòng ngừa và ứng phó thảm họa; tham gia tổ chức sơ tán, di dời, bảo vệ nhân dân, cứu người bị nạn và các hoạt động phục hồi sau thiên tai, thảm họa. Các cấp Hội thực hiện tốt ba khâu, kết hợp phòng ngừa, ứng phó với phục hồi sau thảm họa và phương châm bốn tại chỗ (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ). Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã đào tạo 745 tập huấn viên, hướng dẫn viên về phòng ngừa, ứng phó thiên tai, thảm họa; tổ chức các hoạt động tham gia xây dựng cộng đồng an toàn tại 585 xã/phường (chiếm hơn 1/3 số xã, phường do Đề án 1002 của Chính phủ tiếp cận) thuộc 142 huyện, quận ở 36 tỉnh, thành phố. Tài liệu/phương pháp đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA) đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát triển thành tài liệu/phương pháp đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRA). Trung ương Hội đã lập Đội ứng phó thảm họa quốc gia (2011), Phòng điều hành ứng phó thảm họa (năm 2015), chỉ đạo lập 33 Đội ứng phó thiên tai, thảm họa cấp tỉnh (PDRT) và trên 200 Đội ứng phó thảm họa cấp xã thuộc 62 huyện của 23 tỉnh, thành phố, góp phần làm cho hoạt động tham gia ứng phó thảm họa do Hội thực hiện ngày càng có tính chuyên nghiệp. Hằng năm, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cũng tiếp nhận và tổ chức thực hiện trên dưới 20 dự án quốc tế, trị giá 140 - 200 tỷ đồng (khoảng 7 - 10 triệu USD), trợ giúp kịp thời, thiết thực cho các đối tượng hưởng lợi, góp phần nâng cao năng lực cán bộ các cấp Hội.

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện ngày càng hiệu quả công tác đối ngoại nhân đạo. Trong những năm đầu Hội mới thành lập, hoạt động đối ngoại của Hội tập trung việc trao trả tù binh chiến tranh theo tinh thần của Luật nhân đạo quốc tế (mặc dù thời gian này Chính phủ Việt Nam chưa tham gia các Công ước Ginevơ). Sau khi Hội Chữ thập đỏ Việt Nam được công nhận là thành viên của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế (đầu tháng 11-1957), công tác đối ngoại ngày càng mở rộng và phát triển. Hội đã gửi thư đến Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế phản đối quân đội Mỹ rải chất độc da cam trên lãnh thổ Việt Nam, ném bom các bệnh viện có biểu tượng Chữ thập đỏ, gửi thư chia sẻ với các Hội quốc gia nơi xảy ra xung đột, thảm họa, tham gia hồi hương, tiếp nhận hàng cứu trợ. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam là thành viên có trách nhiệm của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế với 190 Hội quốc gia thành viên, luôn chủ động vận động ủng hộ nhân dân các nước khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa<sup>1</sup>. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cũng

---

1. Từ năm 2004 đến nay, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã ủng hộ nhân dân: Ấn Độ, Thái Lan, Xri Lanca, Trung Quốc, Cuba, Mỹ, Mianma, Haiti, Chilê, Philippin, Triều Tiên, Nhật Bản, Nêpan, Lào, Campuchia... khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa với số tiền hơn 12,1 triệu USD (riêng đợt vận động ủng hộ nhân dân Nhật Bản năm 2011 đạt hơn 8 triệu USD, ủng hộ nhân dân Đông Nam Á và Nam Á năm 2004 đạt 3,2 triệu USD).

có quan hệ hợp tác với các tổ chức thuộc Liên hợp quốc, các cơ quan ngoại giao tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ quốc tế.

Trong công tác tìm kiếm tin tức thân nhân và đoàn tụ gia đình trong khi đất nước còn chiến tranh, hai miền chia cắt, Hội đã triển khai các hoạt động tìm kiếm tin tức thân nhân và đoàn tụ gia đình cho các binh sĩ ở cả hai phía. Từ năm 1956 đến năm 1959, Hội đã phối hợp giải quyết hồi hương cho những binh sĩ Âu - Phi và Nhật Bản tham gia phong trào phản chiến trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Nam, tổ chức hồi hương cho toàn bộ người Nhật Bản ở Việt Nam. Đầu những năm 1960, Hội phối hợp đón nhận và giúp đỡ ổn định cuộc sống cho hơn 14.000 kiều bào từ Thái Lan về nước, tiếp đón hàng chục ngàn kiều bào từ Tân Đảo, Tân thế giới trở về. Đến tháng 6-1962, 359.951 Việt kiều đã được hồi hương<sup>1</sup>. Hội cũng đề xuất để những phi công Mỹ bị ta bắn rơi trên miền Bắc thường xuyên được trao đổi thư từ, tin tức với người thân qua Hội và Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế. Hội còn làm nhiệm vụ chuyển thư từ, cung cấp thông tin cho những gia đình có người thân mất tích hoặc thất lạc do chiến tranh và tiếp nhận những thương dân vô tội trở về từ các nhà tù của ngụy quyền. Hội phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, tổ chức tìm kiếm hoặc đoàn tụ gia đình được 2.536

---

1. Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam: *Lịch sử Hội chữ thập đỏ Việt Nam*.

trường hợp (trong số 3.788 đơn thư, yêu cầu tìm kiếm đã được tiếp nhận và lập hồ sơ).

Trong suốt quá trình phát triển, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam luôn nhận được sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý, hỗ trợ của Nhà nước. Ngày 7-9-1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI đã ban hành Chỉ thị số 14-CT/TW về củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X đã chỉ đạo tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW; ban hành Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 8-6-2010 về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam”, thể hiện chủ trương mới của Đảng trong việc lãnh đạo công tác nhân đạo và phát huy vai trò nòng cốt của Hội Chữ thập đỏ trong tình hình mới. Chính phủ trực tiếp chỉ đạo tổng kết 10 năm hoạt động của Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam; tháng 2-2008, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia vận động hiến máu tình nguyện; làm việc với Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, ban hành một số văn bản khác tạo điều kiện cho Hội Chữ thập đỏ Việt Nam hoạt động. Đặc biệt, Quốc hội ban hành Luật hoạt động chữ thập đỏ (ngày 3-6-2008), góp phần thể chế hóa các quan điểm của Đảng về hoạt động chữ thập đỏ. Sự ra đời của Luật đã tạo điều kiện tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động nhân đạo, phát huy vai trò nòng cốt, cầu nối, điều phối của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cũng như tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác nhân đạo.



Trải qua hơn 70 năm xây dựng và phát triển, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, ngày càng xứng đáng với vai trò nòng cốt trong các hoạt động nhân đạo, lôi cuốn đông đảo các tổ chức, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm và nhân dân trong và ngoài nước ủng hộ, tham gia, góp phần chăm lo có hiệu quả các đối tượng khó khăn, dễ bị tổn thương vươn lên trong cuộc sống, thực hiện có hiệu quả chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước, đóng góp cho sự lớn mạnh của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

## **2. Đồng hành với lý tưởng của phong trào nhân đạo toàn cầu**

Ngày 24-6-1859, ở Solferino - một thành phố miền Bắc Italia, cuộc giao chiến khốc liệt giữa lực lượng quân đội liên minh Pháp - Italia chống lại quân chiếm đóng Áo đã để lại trên chiến trường 40.000 binh sĩ thương vong. Quân y của các bên tham chiến không đủ lực lượng để giải quyết tình trạng quá nhiều người bị thương. Vô tình chứng kiến cảnh tượng kinh hoàng trên, một thương gia Thụy Sĩ tên là Henry Dunant đã kêu gọi dân chúng địa phương giúp đỡ người bị thương và các tử sĩ, bất kể họ là người của bên nào.

Khi trở về Thụy Sĩ, Henry Dunant đã viết lại những sự việc này trong một cuốn sách có tên gọi *Ký ức về Solferino*. Cuốn sách được hoàn thành vào năm 1862. Trong cuốn sách, ông đưa ra hai ý tưởng: 1) Thành lập tại mỗi quốc gia một Hội Cứu trợ bao gồm những người tình nguyện, những người danh tiếng, những chính khách có tên tuổi để chăm sóc những người bị thương khi có chiến tranh; 2) Vận động một thỏa

thuận quốc tế bảo vệ những binh lính bị thương trên chiến trường và những người chăm sóc họ.

Năm 1863, ý tưởng của Henry Dunant đã trở thành hiện thực với sự ra đời của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (tiền thân là Ủy ban Quốc tế Cứu trợ những người bị thương, gồm 5 thành viên: Henry Dunant, Luật sư Gustave Moynier, Tướng Guillaume Henri Dufour, Tiến sĩ Louis Appia, Tiến sĩ Theodore Maunoir, đều là công dân Thụy Sĩ) và việc thành lập các Hội quốc gia đầu tiên. Cũng năm đó, dấu hiệu phân biệt (chữ thập đỏ trên nền trắng) để nhận biết và bảo vệ những người giúp đỡ binh sĩ bị thương trên chiến trường đã được thông qua. Một năm sau (năm 1864), Công ước đầu tiên được các quốc gia thành viên thông qua có tên gọi “Công ước Ginevơ”. Tiếp đó, năm 1919, Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế được thành lập.

Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế được thành lập là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự ra đời của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, Phong trào nhân đạo lớn nhất trên toàn cầu. Để ghi nhớ công lao của người sáng lập Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, ngày sinh của Henry Dunant (ngày 8-5) đã được lấy làm Ngày Chữ thập đỏ quốc tế. Năm 1948, Lễ kỷ niệm Ngày Chữ thập đỏ quốc tế đầu tiên được chính thức tổ chức.

Năm 1984, Ngày Chữ thập đỏ quốc tế chính thức được đổi tên thành Ngày Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế. Các thành viên của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ

quốc tế đã khẳng định và phát huy vai trò tổ chức các hoạt động nhân đạo trợ giúp những người dễ bị tổn thương nhất trong xã hội thông qua mạng lưới cán bộ, tình nguyện viên đông đảo khắp toàn cầu. Đây cũng là dịp để những người làm công tác nhân đạo trên thế giới tự hào ôn lại truyền thống lịch sử lâu đời của Phong trào Chữ thập đỏ, cùng hành động theo bảy nguyên tắc cơ bản: nhân đạo, vô tư, trung lập, độc lập, tự nguyện, thống nhất, toàn cầu, vì một thế giới hòa bình, hữu nghị và phát triển, cải thiện cuộc sống của những người dễ bị tổn thương.

Lá cờ của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế là chữ thập đỏ trên nền trắng. Do biểu tượng này không thích hợp với niềm tin tôn giáo ở một số nước nên biểu tượng Trăng lưỡi liềm đỏ được dùng thay thế ở các nước Hồi giáo. Ngoài ra, biểu tượng Pha lê đỏ hay Sư tử đỏ cũng được một số nước sử dụng. Trên thực tế, các hội quốc gia còn có thể dùng biểu trưng riêng bên cạnh Biểu tượng Chữ thập đỏ/Trăng lưỡi liềm đỏ truyền thống.

Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế là phong trào nhân đạo lớn nhất trên thế giới, hoạt động toàn cầu. Phong trào gồm ba thành tố: 1) Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế; 2) Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế; 3) 190 Hội Chữ thập đỏ/Trăng lưỡi liềm đỏ quốc gia. Là tổ chức nhân đạo rộng lớn, có uy tín trên toàn cầu, do vậy, ở hầu hết các quốc gia, nguyên thủ quốc gia (nhà vua, hoàng hậu, công chúa, tổng bí thư, chủ tịch nước, thủ tướng...) làm Chủ tịch danh dự

của hội quốc gia<sup>1</sup>.

Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế hoạt động dựa trên bảy nguyên tắc cơ bản, đó là:

*Nhân đạo*: Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế ra đời từ mong muốn mang lại sự trợ giúp không phân biệt, đối xử đối với những người bị thương trên chiến trường, nỗ lực sử dụng khả năng quốc tế và quốc gia của mình để ngăn ngừa và giảm bớt đau thương của nhân loại ở bất cứ nơi nào có thể tìm thấy. Mục đích hoạt động của Phong trào là bảo vệ tính mạng và sức khỏe, đảm bảo sự tôn trọng con người. Phong trào thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau, tình hữu nghị, sự hợp tác và hòa bình bền vững giữa các dân tộc.

*Vô tư*: Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế không phân biệt quốc tịch, sắc tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, đẳng cấp và quan điểm chính trị. Phong trào nỗ lực trong triển khai các hoạt động nhằm giảm nhẹ sự đau khổ của mọi cá nhân, theo nhu cầu của họ và ưu tiên trợ giúp những người bất hạnh nhất.

*Trung lập*: Để luôn có được sự tin tưởng của các bên, Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế không

---

1. Như: Hoàng gia Anh, Campuchia, Thái Lan; nhà vua và hoàng hậu Lêôthô, nhà vua Xamoa, hoàng hậu Tônga; công chúa Nam Phi, Hà Lan; Tổng thống Ápganixtan, Ấn Độ, Braxin, Đôminica, Êtiôpia, Indônêxia, Guyana, Aixôlen, Kênia, Malauy, Philippin, Xingapo, Italia, Vanuatu; Chủ tịch nước Lào, Trung Quốc, Việt Nam; Tổng toàn quyền Ôxtrâylia, Thủ tướng Yêmen,...

đứng về phe nào trong các cuộc xung đột hoặc tham dự vào các cuộc tranh luận về chính trị, sắc tộc, tôn giáo hay hệ tư tưởng.

*Độc lập:* Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế hoàn toàn độc lập. Các Hội Chữ thập đỏ hoặc Trăng lưỡi liềm đỏ quốc gia trong khi hỗ trợ Chính phủ trong các hoạt động nhân đạo vừa phải tuân thủ luật pháp của nhà nước, vừa phải duy trì quyền tự chủ để có thể hành động phù hợp với các nguyên tắc của Phong trào.

*Tự nguyện:* Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế là phong trào trợ giúp tự nguyện, không xuất phát từ bất kỳ mong muốn kiếm lợi nào.

*Thống nhất:* Ở mỗi nước, chỉ có duy nhất một Hội Chữ thập đỏ hoặc Trăng lưỡi liềm đỏ. Các Hội Chữ thập đỏ hoặc Trăng lưỡi liềm đỏ quốc gia này phải được mở rộng cho mọi người cùng tham gia. Hội thực thi sứ mệnh nhân đạo của mình trên phạm vi toàn lãnh thổ.

*Toàn cầu:* Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế có phạm vi toàn cầu, trong đó tất cả các Hội Chữ thập đỏ hoặc Trăng lưỡi liềm đỏ quốc gia có tư cách và vị thế bình đẳng, chia sẻ trách nhiệm và nhiệm vụ một cách bình đẳng trong việc giúp đỡ lẫn nhau.

Nghiên cứu mục tiêu “vì một thế giới hòa bình, hữu nghị và phát triển, cải thiện cuộc sống của những người dễ bị tổn thương” của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế cùng với bảy nguyên tắc cơ bản đã cho thấy tính

khách quan, sự tương đồng giữa tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh với lý tưởng của Phong trào nhân đạo toàn cầu khởi xướng từ ý tưởng nhân văn của Henry Dunant. Khách quan vì hành động nhân đạo/chủ nghĩa nhân đạo là thước đo văn minh của nhân loại và tiến bộ xã hội; việc hình thành các tổ chức nhân đạo trên phạm vi toàn cầu hay từng quốc gia là một hành trình tất yếu, tất nhiên, không ngẫu nhiên. Tương đồng vì tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh, lý tưởng nhân đạo của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế có cùng điểm đi và hướng đến, có cùng mục tiêu vì hạnh phúc của con người, “vì mọi người, ở mọi nơi”, chính vì vậy tư tưởng đó, lý tưởng đó sẽ có sức sống bất tận, trường tồn và sẽ còn mãi với thời gian.

### III- SỨC SỐNG BẤT TẬN CỦA TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO HỒ CHÍ MINH

#### **1. Nhân đạo, từ thiện bắt đầu từ nhà mình, từ mỗi người**

Có một thành ngữ tiếng Anh nổi tiếng “Charity begins at home”: Nhân đạo, từ thiện bắt đầu từ chính ngôi nhà mình, từ chính mình, chính người thân, đồng chí, đồng bào, hội viên, đoàn viên của mình, của tổ chức mình, từ chính những người nghèo khó, những đối tượng dễ bị tổn thương

quanh mình<sup>1</sup>. Trước khi thương người, yêu người, hãy thương yêu người nhà mình, thương yêu chính mình. Còn theo thuyết nhân quả - nghiệp báo, tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện thực chất là làm cho chính mình, gia đình mình, cộng đồng mình, cơ quan, tổ chức mình, là tích phúc “nhân” hôm nay để nhận “quả” ngọt ngày sau.

Nhân đạo, từ thiện vốn là một công việc mang nhiều ý nghĩa, không đơn thuần chỉ là một hình thức san sẻ của cải từ người giàu sang người nghèo, mà còn có sự cảm thông, yêu thương và mong muốn giúp đỡ, chia sẻ cuộc sống của mọi người.

Ngày nay, nhân đạo, từ thiện là một hoạt động thường ngày đối với mỗi lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước từ Trung ương tới địa phương, đối với các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp, tổ chức, các nhà hảo tâm và với mỗi chúng ta. Việc làm này vẫn luôn hiện hữu xung quanh, từng ngày, từng giờ và ở bất cứ nơi đâu trên trái đất, cũng

---

1. Thành ngữ này sau đó được biến thể thành một số ý khác: “Charity should begin at himself” (Nhân đạo, từ thiện bắt đầu từ chính mình), “Charity begins at home, but shouldn’t end there” (Nhân đạo, từ thiện bắt đầu từ nhà mình nhưng không kết thúc ở đó), “Charity begins at home, and Justice begins next door” (Nhân đạo, từ thiện bắt đầu từ nhà mình, công lý bắt đầu từ nhà hàng xóm), “Peace, like charity, begins at home” (câu nói của Franklin D. Roosevelt, Tổng thống thứ 32 của Mỹ: Hòa bình giống nhân đạo, từ thiện, bắt đầu từ nhà mình).

như ở Tổ quốc Việt Nam thân yêu. Có thể thực hiện các hành động nhân đạo, từ thiện bằng nhiều cách: bằng cơ chế, chính sách, bằng của cải, vật chất hay đơn giản là sự hỗ trợ tâm lý, ủng hộ, nâng đỡ về tinh thần. Tất cả những hành động, thái độ, suy nghĩ, thậm chí là mơ ước, nguyện cầu, mong muốn nhằm trợ giúp cuộc sống của người khác tốt hơn hoàn toàn vô tư, phi lợi nhuận đều được gọi là nhân đạo, từ thiện.

Những người nhận hỗ trợ nhân đạo sẽ không cần phải bỏ ra công sức hay chi phí nào. Vậy với những người mang công sức, tâm trí và của cải cá nhân mình đi giúp đỡ người khác thì sao? Tại sao họ phải làm vậy? Động cơ gì thúc đẩy họ lại muốn làm một công việc mà xem ra họ không được lợi ích gì như thế? Có những lý do được đưa ra sau đây:

*Thứ nhất, nhân đạo, từ thiện giúp cuộc sống trở nên phong phú, năng động.*

Khi tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, được đi nhiều nơi, gặp gỡ nhiều người, hiểu biết thêm nhiều hoàn cảnh, chúng ta sẽ học được những kiến thức thực tiễn, được đặt chân đến những vùng đất mới, được hòa mình vào cuộc sống của những gia đình còn nhiều khó khăn, những đối tượng dễ bị tổn thương, những đối tượng bên lề xã hội - điều mà khó lòng chúng ta biết được sự tồn tại một cách chân thực của nó trước đây.



Chúng ta sẽ học được cách hiểu và cảm thông với những mảnh đời không may mắn, được trải nghiệm những thứ bình dị, ấm áp và cảm động, cảm nhận được tình cảm chân thành, thật thà của những con người sống trong khổn khó, sẽ học được, trải nghiệm được nhiều điều mới mẻ. Những điều này sẽ khiến cho cuộc sống của chúng ta phong phú và sinh động hơn, làm cho chúng ta tự tin hơn, bản lĩnh hơn, cảm thấy “giàu có” hơn về kiến thức xã hội, về đời sống vật chất vì ta có mốc để tham chiếu, để so sánh.

*Thứ hai, nhân đạo, từ thiện mang lại niềm vui cho người khác, mang lại niềm vui, tích phúc cho bản thân*

Hạnh phúc là một thứ dễ lây lan sang người khác. Khi một người hạnh phúc, thì những người có liên quan trực tiếp tất sẽ cảm thấy hạnh phúc theo, dù đôi khi hạnh phúc của hai người không xuất phát từ cùng một lý do. Đối với hoạt động nhân đạo, từ thiện, người được trợ giúp hạnh phúc vì tấm lòng của chúng ta dành cho họ, còn chúng ta sẽ cảm thấy hạnh phúc vì nụ cười và niềm vui của họ.

Các hoạt động nhân đạo, từ thiện mang lại lợi ích cho mọi người có tính “lây lan” rất nhanh. Hôm nay một người nhận được sự giúp đỡ thì ngày mai họ có thể giúp đỡ được nhiều người khác. Nhờ vậy mà sợi dây kết nối có thể kéo dài vô tận, mang đến hạnh phúc bền vững. Lòng tốt không

phân biệt việc nhỏ, to, không phân biệt mối quan hệ. Chắc chắn khi giúp đỡ người khác chính là để trang bị cho mình một loại thuốc tinh thần giúp cuộc sống ý nghĩa hơn.

*Thứ ba, nhân đạo, từ thiện cùng những điều ý nghĩa sẽ làm cho cuộc sống thêm ý nghĩa hơn.*

Khi làm những điều tốt, cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên có ý nghĩa và đó cũng là một cách hiệu quả nhất để rèn luyện nhân cách, tính hướng thiện của mỗi con người.

Mỗi ngày trôi qua, mỗi tháng trôi qua, mỗi năm trôi qua, mỗi nhiệm kỳ trôi qua, hãy kiểm lại ta đã làm được gì, để lại được những gì. Một cuộc đời qua đi, một thế hệ qua đi cần để lại những mầm “nhân ái” cho một cuộc đời, một thế hệ kế tiếp. Con người hạnh phúc nhất luôn là người làm được nhiều điều ý nghĩa. Và nhân đạo, từ thiện luôn là điều ý nghĩa nhất được cả xã hội tôn vinh.

*Thứ tư nhân đạo, từ thiện giúp hoàn thiện về năng lực, tạo ra những cơ hội cho cá nhân*

Việc tham gia là thành viên, hội viên một tổ chức nhân đạo, từ thiện, hay tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện nào đó sẽ giúp chúng ta tạo được thiện cảm nhiều hơn với cộng đồng xã hội và những nhà tuyển dụng. Tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện là môi trường để chúng ta xây dựng những phẩm chất tốt đẹp một cách nhanh nhất, thực tế nhất.

Trong thực tế, đã có những người thành đạt, những nhà lãnh đạo, những cá nhân có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều người đã tham gia và ủng hộ các hoạt động nhân đạo, từ thiện. Những “quả ngọt thành công” sẽ chào đón mỗi người nếu chính chúng ta biết mở cánh cửa nhân đạo - đạo làm người trong chính lòng mình.

*Thứ năm, nhân đạo từ thiện giúp hoàn thiện về nhân cách.*

Nhân đạo, từ thiện thúc đẩy chúng ta hành động vì cộng đồng, gieo vào lòng ta sự thương cảm, đồng cảm với những số phận kém may mắn, giúp nâng cao trách nhiệm, lương tâm, lòng nhân hậu, nhân ái, tình thương người, giúp ta có được niềm tin tươi sáng, giúp nhân cách của con người được hoàn thiện hơn.

Trên thực tế, còn nhiều lý do khác lý giải tại sao hầu như tất cả mọi người, từ thành thị đến nông thôn, từ già đến trẻ, từ lãnh đạo Đảng, chính quyền đến người dân, từ các chức sắc tôn giáo đến các giáo dân, từ các doanh nghiệp, nhà hảo tâm giàu có đến những người có hoàn cảnh khó khăn đều sẵn lòng tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện. Bởi mỗi người, mỗi cá nhân trong những điều kiện cụ thể cần xác định động lực của bản thân và tạo điều kiện giúp người khác, hành động vì một cộng đồng tốt đẹp. Đó là hành động nhân đạo, từ thiện cao cả nhất, là thực hiện đạo làm người.

## **2. Mỗi tổ chức, doanh nghiệp đều có thể tham gia hoạt động nhân đạo, từ thiện**

*a) Nhân đạo, từ thiện thể hiện văn hóa tốt đẹp của tổ chức, doanh nghiệp*

Đối với một tổ chức phi lợi nhuận hay một doanh nghiệp kinh doanh việc tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện là cách giúp kết nối các thành viên với nhau, khiến cho các mối quan hệ trong tổ chức ngày càng gắn bó và bền chặt.

Tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện còn là trách nhiệm chia sẻ cộng đồng của doanh nghiệp, tổ chức với triết lý: không chỉ mang lại niềm vui, hạnh phúc cho các đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội sẽ góp phần giúp cho các doanh nghiệp, tổ chức thêm thành công và thúc đẩy xã hội phát triển. Cho đi rất nhiều, sau đó sẽ có thể nhận lại được nhiều, có thể phát triển, hưng thịnh và giàu có, đó phải chăng cũng là sự trả ơn, đền đáp cuộc đời.

*b) Nhân đạo, từ thiện giúp tổ chức, doanh nghiệp tạo lập thị trường khách hàng, cơ hội để phát triển*

Khi tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, doanh nghiệp, tổ chức sẽ có cơ hội đi nhiều nơi, tới nhiều vùng đất mới. Những vùng đất cần triển khai các hoạt động nhân đạo, từ thiện, thông thường được coi là những vùng đất nghèo

nàn, không có tiềm năng. Nhưng qua cách nhìn của một nhà đầu tư, nhà tổ chức tài ba, một chuyên gia bán hàng có đầu óc phân tích thị trường nhiều kinh nghiệm, chắc hẳn doanh nghiệp, tổ chức sẽ nhìn ra cơ hội từ những sự phi cơ hội mà các doanh nhân, các đối thủ khác đã bỏ qua.

Ngắn gọn hơn, chính những thị trường, cơ hội thiếu tiềm năng bị bỏ qua này, sẽ trở thành thị trường, cơ hội tiềm năng của doanh nghiệp, tổ chức nếu biết khai thác đúng cách. Do vậy, hãy bắt đầu các chương trình nhân đạo, từ thiện các tổ chức, doanh nghiệp không chỉ mang tình cảm, sự chia sẻ đến với người nghèo, đối tượng dễ bị tổn thương, những người kém may mắn, mà còn tạo ra cơ hội phát triển cho chính doanh nghiệp, tổ chức đó.

Hiện nay ở Việt Nam có nhiều quỹ từ thiện, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, các cá nhân hảo tâm và doanh nghiệp... thường xuyên tổ chức hoạt động từ thiện với số tiền lên tới hàng nghìn tỉ đồng mỗi năm. Thông qua các chương trình từ thiện giúp cho các doanh nghiệp xây dựng hình ảnh tích cực, củng cố mối quan hệ với khách hàng và tạo cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận với cộng đồng và chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động hay cung cấp dịch vụ, hàng hóa. Các hoạt động này không chỉ giúp cộng đồng giải quyết những khó khăn trước mắt mà còn đem lại uy tín, thương hiệu và lợi nhuận kinh doanh gián tiếp.

*c) Nhân đạo, từ thiện giúp tổ chức, doanh nghiệp nâng cao uy tín*

Nhân đạo, từ thiện là việc làm xuất phát từ tâm, từ những tấm lòng cao cả. Nhân đạo, từ thiện là cho đi mà không mong nhận lại. Đó là lý do tại sao các hoạt động nhân đạo, từ thiện luôn được tôn vinh và đề cao, vì nó chứa đựng những điều tốt đẹp. Trong “tối tăm” của hoàn cảnh thì nhân đạo, từ thiện là “ánh sáng” cho những người không may mắn tìm thấy đường đi, cơ hội để họ vượt lên khó khăn. Nhân đạo, từ thiện không chỉ đơn giản là cho họ vật chất, hỗ trợ tinh thần, mà còn cho họ một nền tảng để người nghèo, đối tượng dễ bị tổn thương, những người kém may mắn có thể có bước tiến lên trong tương lai.

*d) Các tổ chức, doanh nghiệp ngày càng chú trọng đến hoạt động nhân đạo, từ thiện*

Hiện nay, các doanh nghiệp, tổ chức tham gia hoạt động từ thiện ngày càng nhiều hơn. Với nhiều doanh nghiệp, tổ chức, chương trình nhân đạo, từ thiện đã được đưa vào hoạt động thường niên. Đây không chỉ là dịp để đề cao văn hóa tốt đẹp của doanh nghiệp, tổ chức, mà còn là cơ hội giúp mỗi cá nhân trong các đơn vị có cái nhìn thực tiễn hơn, cũng là cơ hội để rèn luyện nhân cách và

tấm lòng của mỗi người đối với những sự việc đang diễn ra trong cuộc sống, với những hoàn cảnh, những con người bất hạnh trong xã hội.

Hướng tới trở thành một doanh nghiệp, tổ chức có văn hóa, với đội ngũ cán bộ, nhân viên có nhân cách hoàn chỉnh là lý do khiến cho doanh nghiệp, tổ chức ngày càng chú trọng nhiều hơn tới các hoạt động thiện nguyện.

*đ) Nhân đạo, từ thiện sẽ trở thành những chiến dịch rộng lớn, mang lại nhiều tác động tích cực*

Với thực tế hoạt động nhân đạo, từ thiện đang ngày càng được chú trọng và phát triển như hiện nay, cùng với sự đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao của lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền và người dân trên toàn quốc, các doanh nghiệp, tổ chức như được tiếp thêm động lực để phát triển và hoàn thành tốt hơn nữa các chương trình thiện nguyện thường niên của mình. Nhiều chương trình nhân đạo, từ thiện diễn ra liên tục sẽ tạo thành các chiến dịch thiện nguyện rộng lớn. Và các chiến dịch này mang lại nhiều tác động tích cực không chỉ đối với doanh nghiệp, tổ chức mà còn tạo ra nhiều lợi ích đối với các cá nhân, gia đình, cộng đồng được từ thiện, từ đó giúp đất nước ngày một phát triển và đi lên.

Trong giai đoạn hội nhập kinh tế thế giới, hoạt động nhân đạo, từ thiện càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Nó

không chỉ giúp các doanh nghiệp, tổ chức chúng ta được uy tín cũng như văn hóa tốt đẹp của mình mà còn giúp nâng cao và phát triển thị trường, cơ hội tiềm năng, góp phần làm cho doanh nghiệp, tổ chức bước thêm những bước tiến mới, mở cánh cửa ra với thế giới.

Nhân đạo, từ thiện luôn là hành động đẹp, vì vậy mỗi chúng ta, từ cá nhân đến doanh nghiệp, tổ chức đều cần phải giữ gìn và phát huy hơn nữa hành động nhân đạo, từ thiện trong cuộc sống. Những việc làm tốt đẹp, nhân ái này không chỉ là sự đóng góp, hỗ trợ cho dân tộc Việt Nam mà còn góp phần xây dựng, phát triển phong trào nhân đạo rộng lớn toàn cầu - Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.



## LỜI KẾT

Từ *lý tưởng*, hoài bão của một thanh niên yêu nước đến việc hình thành *tư tưởng* nhân đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và *y tưởng* thành lập một tổ chức nhân đạo tại Việt Nam là một hành trình tất yếu, tất nhiên, không ngẫu nhiên.

Từ truyền thống dân tộc đến tinh hoa tiến bộ của nhân loại; từ quá khứ, hiện tại và hướng về tương lai; từ hệ tư tưởng đạo đức của Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo... đến tư tưởng nhân đạo tiến bộ đã hình thành nên cốt cách một danh nhân văn hóa kiệt xuất, một nhà chính trị - tư tưởng thiên tài, một nhà ngoại giao lỗi lạc Hồ Chí Minh. Từ bản chất *nhân đức, nhân ái, nhân văn, nhân hậu, nhân từ* đã hình thành *nhân cách* lớn tất cả vì *nhân dân* và tư tưởng *nhân đạo* cao cả Hồ Chí Minh.

Cuốn sách này chưa thể trình bày một cách toàn diện, khoa học và sâu sắc tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh, cũng chưa thể chỉ ra được hết những điều cần học, nên học và làm theo tư tưởng nhân đạo hết sức sâu sắc, cao cả của Người. Những nội dung về tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh được trình bày ở mức độ cơ bản, khái quát để mỗi cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh thiếu niên Chử thập đồ và các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp, tổ chức, các nhà hảo tâm có thể tiếp cận, hiểu, cảm nhận và suy ngẫm về tư tưởng nhân đạo, yêu thương con người của Bác.

Hy vọng rằng, từ những cảm nhận, những vấn đề mà nội dung cuốn sách phân tích về tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh, mỗi cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh thiếu niên Chử

thập đở Việt Nam và các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp, tổ chức, các nhà hảo tâm sẽ có những việc làm thiết thực, hành động cụ thể trong công tác nhân đạo, làm cho các hoạt động của Hội Chữ thập đở Việt Nam - tổ chức nhân đạo do Người sáng lập - ngày càng có ý nghĩa, đem đến thành công mới cho các phong trào, cuộc vận động, chiến dịch, chương trình, mô hình hoạt động nhân đạo do Hội Chữ thập đở Việt Nam phát động và triển khai. Hy vọng rằng tư tưởng nhân đạo, hành động nhân đạo Hồ Chí Minh sẽ trở thành điểm tựa tinh thần vững chắc, là chỉ dẫn quý báu cho các thế hệ cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh thiếu niên Chữ thập đở Việt Nam như nhà bác học Lê Quý Đôn đã khẳng định: “Lời nói của những bậc hiền triết đời trước nếu mình lãnh hội, học đợc một câu thì đã thành tựu đợc tài năng vô hạn, nếu đem dùng vào một áp thì đã làm đợc khá nhiều công hiệu”<sup>1</sup>.

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, mỗi cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh thiếu niên chữ thập đở và các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp, tổ chức, các nhà hảo tâm hãy chọn lấy một điều mà mình cho là đúng, một việc mà mình cho là phải, một điều cho là nên làm để làm, tất cả vì an sinh, hạnh phúc, phát triển của nhân dân, đặc biệt là người nghèo, người dễ bị tổn thương trong xã hội.

---

1. Lê Quý Đôn: *Văn đài loại ngữ*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1995, t.3, tr.6.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, 15 tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
2. Phạm Ngọc Anh: “Tu tưởng nhân văn Hồ Chí Minh - bản chất và những đặc trưng tổng quát”, <http://dangcongsan.vn>, ngày 7-10-2015.
3. Hoàng Chí Bảo: “Đạo đức Hồ Chí Minh - Một kiểu mẫu về sự nhất quán giữa tư tưởng và hành động”, tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 5, 2005.
4. Nguyễn Viết Chính: “Học và làm theo Bác trong công tác tuyên truyền”, <http://xaydungdang.org.vn>, ngày 1-8-2011.
5. Lê Văn Dũng: “Tu tưởng Hồ Chí Minh về công tác tuyên truyền”, <http://lhhkh.baclieu.gov.vn/hthem>, ngày 5-1-2005.
6. Trần Quang Đại: “Hồ Chí Minh với vấn đề phòng chống thiên tai”, <https://www.vanhoanghean.com.vn>, ngày 12-11-2010.

7. Phạm Văn Đồng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970.
8. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1990.
9. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
10. Võ Nguyên Giáp: “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng và phát triển con người”, in trong *Kỷ yếu Tư tưởng Hồ Chí Minh - Phương pháp luận nghiên cứu con người*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
11. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Tư tưởng Hồ Chí Minh - giá trị nhân văn và phát triển*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2015.
12. Vũ Xuân Hồng: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác đối ngoại nhân dân”, <http://thoidai.com.vn>, ngày 19-10-2015.
13. Nguyễn Thị Thanh Huyền: “Ngoại giao nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, <http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/bng-vietnam>.

14. GS.TSKH. Phạm Mạnh Hùng: “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân*”, <http://sites.google.com/site/ddhochiminh/tutuong>.
15. Nguyễn Thị Thanh Hương: “*Hồ Chí Minh - Người đặt nền móng tư tưởng xóa đói, giảm nghèo*”, <http://baonghean.vn>, ngày 2-9-2010.
16. Vũ Khiêu, Thành Duy: *Đạo đức và pháp luật trong triết lý phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.
17. Đặng Xuân Kỳ: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
18. Đinh Xuân Lâm, Bùi Đình Phong: *Văn hóa và triết lý phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
19. Lê Quốc Lý: “*Triết lý xóa đói, giảm nghèo vì mục tiêu phát triển xã hội trong tư tưởng của Hồ Chí Minh*”, <http://dangcongsan.vn>, ngày 12-10-2016.
20. Nhiều tác giả: *Mãi mãi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
21. Nguyễn Dy Niên: *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

22. Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam: *Kỷ yếu Đại hội Thi đua toàn quốc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam lần thứ III*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2010.
23. Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam: *Đề cương bài giảng Công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ*, 2011.
24. Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam: *Tài liệu Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2015.
25. Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam: *Lịch sử Hội Chữ thập đỏ Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2016.
26. Đỗ Nguyên Phương: “Hồ Chí Minh với quan điểm về sức khỏe, y tế và đạo đức của người thầy thuốc”, <http://giadinh.net.vn>, ngày 3-2-2015.
27. Nguyễn Thế Thắng: “Giá trị nhân văn, nhân đạo của nhân loại, của dân tộc Việt Nam với việc hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh”, Hội thảo khoa học với chủ đề "Học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác nhân đạo", ngày 30-8-2016.
28. Nguyễn Thị Thọ: “*Quan niệm của Nho giáo về đạo làm người*”, <http://www.vanhoahoc.vn>, ngày 4-4-2012.

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời tựa</i>	7
<i>Lời mở đầu</i>	9

### *Chương I*

#### NHÂN ĐẠO, TỪ THIỆN - THƯỚC ĐO VĂN MINH NHÂN LOẠI VÀ TIẾN BỘ XÃ HỘI

<b>I. Nhân đạo - Đạo làm người</b>	15
1. Đạo làm người trong các giáo lý	15
2. Đạo làm người trong các mối quan hệ	25
3. Đạo làm người trong tư tưởng Hồ Chí Minh	36
<b>II. Nhân đạo, từ thiện, chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa nhân văn và giá trị nhân đạo</b>	39
1. Nhân đạo, từ thiện	39
2. Chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa nhân văn	46
3. Giá trị nhân đạo	48

## Chương II

TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO HỒ CHÍ MINH	50
<b>I. Giá trị nhân văn, nhân đạo của dân tộc Việt Nam và của nhân loại với việc hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh</b>	50
1. Truyền thống nhân văn, nhân đạo của dân tộc Việt Nam	50
2. Tư tưởng nhân đạo trong các tôn giáo với việc hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh	58
3. Chủ nghĩa nhân đạo phương Tây với việc hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh	67
4. Chủ nghĩa nhân đạo cộng sản với việc hình thành tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh	69
<b>II. Nội dung và đặc trưng cơ bản của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh</b>	72
1. Nội dung cơ bản của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh	72
2. Một số đặc trưng cơ bản của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh	88
<b>III. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh trong một số lĩnh vực</b>	112
1. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân và nâng cao giáo dục đạo đức công dân	112
2. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh về xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội và chăm sóc thương, bệnh binh	121
3. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh về chăm sóc	132



sức khỏe nhân dân	
4. Tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh về phòng chống thiên tai, thảm họa	142
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại nhân đạo nhân dân	156

### *Chương III*

## SỨC SỐNG CỦA TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO HỒ CHÍ MINH 171

<b>I. Hồ Chí Minh sáng lập và làm Chủ tịch danh dự đầu tiên của một tổ chức nhân đạo</b>	171
1. Sự ra đời và những hoạt động ban đầu của Hội Hồng thập tự Việt Nam (nay là Hội Chữ thập đỏ Việt Nam)	171
2. Chính thức tham gia cùng cộng đồng quốc tế	190
<b>II. Học tập và làm theo tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh</b>	193
1. Tất cả vì người nghèo, người dễ bị tổn thương	193
2. Đồng hành với lý tưởng của phong trào nhân đạo toàn cầu	205
<b>III. Sức sống bất tận của tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh</b>	211
1. Nhân đạo, từ thiện bắt đầu từ nhà mình, từ mỗi người	211
2. Mỗi tổ chức, doanh nghiệp đều có thể tham gia hoạt động nhân đạo, từ thiện	217
<i>Lời kết</i>	223
<i>Tài liệu tham khảo</i>	225

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PHẠM CHÍ THÀNH  
Chịu trách nhiệm nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. BÙI ÁNH HỒNG  
ThS. LÊ THỊ THU MAI  
ThS. ĐỖ PHƯƠNG MAI  
Trình bày bìa: PHẠM DUY THÁI  
Chế bản vi tính: PHẠM THU HÀ  
Sửa bản in: THU PHƯƠNG - HỒNG QUÝ  
Đọc sách mẫu: PHƯƠNG MAI

---

In 1.200 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty TNHH MTV In Tiến Bộ,  
175 Nguyễn Thái Học, Hà Nội.

Số đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

Mã số ISBN: 978-604-57-3283-0

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2017.